

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH

21 Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt nam

Tel: 84 056.2 222 176 / Fax: 84 056.3 894 276



HỒ SƠ MỜI THẦU

**Gói thầu (TKT-4.2.1): Thiết kế và xây dựng
Tuyến năng lượng đoạn 2 (E&CEL2)**

Tên dự án: dự án thủy điện Thượng Kontum

Tên chủ đầu tư: Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình

TẬP 2 : CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHƯƠNG I : ĐIỀU KIỆN CHUNG

Quy Nhơn, ngày 20...tháng 11...năm 2009

**Đại diện bên mời thầu
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chánh Trung

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU: THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TUYẾN NĂNG LƯỢNG
ĐOẠN 2 (E&CEL2)

TẬP 1 HƯỚNG DẪN NHÀ THẦU

TẬP 2	CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
-------	------------------------

TẬP 3 ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

TẬP 4 BIỂU KHAI GIÁ

TẬP 5 DỮ LIỆU CHO NHÀ THẦU

NỘI DUNG

TẬP 2 – CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG I – CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG

CHƯƠNG II – CÁC ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ

PHẦN A: DỮ LIỆU HỢP ĐỒNG

PHẦN B: CÁC ĐIỀU KHOẢN RIÊNG

CHƯƠNG III – CÁC BIỂU MẪU DỰ THẦU

CHƯƠNG IV – CÁC BIỂU THÔNG TIN BỔ SUNG

TẬP 2

CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này là Hợp đồng theo dạng E&C (Engineering, Construction), trong đó phạm vi công việc của Nhà thầu là thiết kế công trình (bao gồm phần thiết kế công nghệ) và thực hiện thi công phần xây dựng.

Điều kiện Chung trong Hợp đồng này được biên soạn dựa trên “Điều kiện Hợp đồng dùng cho Xây dựng” (xuất bản tháng 3 năm 2006), và bổ sung (được ghi chú) các điều khoản của “Hợp đồng EPC/ chìa khóa trao tay” xuất bản lần đầu năm 1999 của Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC).

Điều kiện Chung được liên kết làm rõ tại Điều kiện riêng Phần A -Dữ liệu Hợp đồng, Phần B – Điều khoản riêng với số các Điều khoản tương ứng, để phần A, Phần B cùng giải nghĩa các điều kiện về quyền và nghĩa vụ các Bên.

CHƯƠNG I: ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

MỤC LỤC

1. Những quy định chung

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Diễn giải
- 1.3. Các cách thông tin
- 1.4. Luật và ngôn ngữ
- 1.5. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu
- 1.6. Thoả thuận hợp đồng
- 1.7. Nhượng lại
- 1.8. Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu
- 1.9. Các bản vẽ hoặc chỉ dẫn bị chậm trễ và Bảo mật¹
- 1.10. Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu
- 1.11. Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu Chủ đầu tư
- 1.12. Các chi tiết bí mật
- 1.13. Tuân thủ luật pháp
- 1.14. Trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng
- 1.15. Việc thăm tra và kiểm toán của Ngân hàng

2. Chủ đầu tư

- 2.1. Quyền Tiếp cận công trường
- 2.2. Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận
- 2.3. Nhân lực của Chủ đầu tư
- 2.4. Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư
- 2.5. Khiếu nại của Chủ đầu tư

3. Quản lý của Chủ đầu tư²

- 3.1 Đại diện của Chủ đầu tư
- 3.2 Các hướng dẫn
- 3.3 Quyết định

4. Nhà thầu

- 4.1. Trách nhiệm chung của Nhà thầu
- 4.2. Bảo lãnh thực hiện

¹ Bổ sung nội dung “ Bảo mật” được trích từ EPC 1999 vào điều khoản này

² Điều khoản này được trích EPC 1999 thay cho điều khoản “Nhà Tư Vấn”. Do vậy, các cụm từ “ Tư vấn” , “Nhà Tư vấn” hay “Kỹ sư” được bỏ hoặc thay thế bằng “Chủ đầu tư”.

- 4.3. Đại diện Nhà thầu
- 4.4. Nhà thầu phụ
- 4.5. Nhượng lại lợi ích của Hợp đồng Thầu phụ
- 4.6. Hợp tác
- 4.7. Định vị các mốc
- 4.8. Các quy định về an toàn
- 4.9. Đảm bảo chất lượng
- 4.10. Dữ liệu về công trường
- 4.11. Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp nhận
- 4.12. Điều kiện vật chất không lường trước được
- 4.13. Quyền về đường đi và phương tiện
- 4.14. Tránh can thiệp
- 4.15. Đường vào công trường
- 4.16. Vận chuyển hàng hoá
- 4.17. Thiết bị Nhà thầu
- 4.18. Bảo vệ môi trường
- 4.19. Điện, nước và khí đốt
- 4.20. Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư
- 4.21. Báo cáo tiến độ
- 4.22. An ninh công trường
- 4.23. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường
- 4.24. Cỏ vật

5. Thiết kế ⁽³⁾

- 5.1. Nghĩa vụ Thiết kế tổng thể
- 5.2. Tài liệu của Nhà thầu
- 5.3. Công việc của Nhà thầu
- 5.4. Tiêu chuẩn và Quy định về Kỹ thuật
- 5.5. Huấn luyện
- 5.6. Hồ sơ hoàn công
- 5.7. Hướng dẫn hoạt động và bảo dưỡng
- 5.8. Lỗi thiết kế

6. Nhân viên và người lao động

⁽³⁾ Điều khoản “Thiết kế” được trích từ EPC 1999

- 6.1 Tuyển mộ nhân viên và lao động
- 6.2 Mức lương và điều kiện lao động
- 6.3 Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư
- 6.4 Luật lao động
- 6.5 Giờ lao động
- 6.6 Phương tiện cho nhân viên và lao động
- 6.7 Sức khoẻ và an toàn lao động
- 6.8 Sự giám sát của Nhà thầu
- 6.9 Nhân lực Nhà thầu
- 6.10 Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu
- 6.11 Hành vi gây rối
- 6.12 Nhân sự người nước ngoài
- 6.13 Cung cấp thực phẩm
- 6.14 Cung cấp nước
- 6.15 Biện pháp chống côn trùng và những phiền toái
- 6.16 Rượu hoặc ma túy
- 6.17 Vũ khí và đạn dược
- 6.18 Phong tục lễ hội và tôn giáo
- 6.19 Sự thu xếp tang lễ
- 6.20 Cấm sử dụng lao động bị bắt ép, bắt buộc
- 6.21 Cấm sử dụng lao động trẻ em vào công việc có hại
- 6.22 Hồ sơ tuyển dụng công nhân

7. Thiết bị, vật liệu và tay nghề

- 7.1 Cách thức thực hiện
- 7.2 Mẫu mã
- 7.3 Kiểm tra
- 7.4 Thử nghiệm
- 7.5 Từ chối
- 7.6 Công việc sửa chữa
- 7.7 Quyền sở hữu về thiết bị và vật liệu
- 7.8 Lệ phí sử dụng

8. Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng

- 8.1 Khởi công công trình
- 8.2 Thời gian hoàn thành

8.3 Chương trình tiến độ

8.4 Gia hạn thời gian hoàn thành

8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách

8.6 Tiến độ thực hiện

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

8.8 Tạm ngừng công việc

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng

8.10 Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng

8.11 Kéo dài tình trạng tạm ngừng

8.12 Nối lại công việc

9. Thử nghiệm khi hoàn thành

9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu

9.2 Việc thử nghiệm bị chậm trễ

9.3 Thử nghiệm lại

9.4 Không vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành

10. Nghiệm thu của Chủ đầu tư

10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình

10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình

10.3 Can thiệp vào các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành

10.4 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

11. Trách nhiệm đối với các sai sót

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

11.2 Chi phí do việc sửa chữa sai sót

11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót

11.4 Không sửa chữa được sai sót

11.5 Di chuyển công việc bị sai sót

11.6 Các thử nghiệm thêm

11.7 Quyền được ra vào

11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân

11.9 Chứng chỉ thực hiện

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

11.11 Dọn dẹp công trường

12. Đo lường và đánh giá & Thử nghiệm sau khi kết thúc ⁽⁴⁾

12.1 Đo lường và đánh giá

12.1.1 Công việc cần đo lường

12.1.2 Phương pháp đo lường

12.1.3 Đánh giá

12.1.4 Sự bỏ sót

12.2 Thử nghiệm sau khi kết thúc

12.2.1 Thủ tục thử nghiệm sau khi kết thúc

12.2.2 Việc thử bị để chậm lại

12.2.3 Thử lại

12.2.4 Việc thử lại không đạt sau khi kết thúc

13. Những thay đổi và điều chỉnh

13.1. Quyền được thay đổi

13.2. Đánh giá công trình

13.3. Thủ tục thay đổi

13.4. Thanh toán bằng tiền tệ quy định

13.5. Khoản tiền tạm tính

13.6. Ngày làm việc

13.7. Điều chỉnh do thay đổi luật lệ

13.8. Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

14. Giá hợp đồng và thanh toán

14.1. Giá Hợp đồng

14.2. Tạm ứng

14.3. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm

14.4. Kế hoạch Thanh toán

14.5. Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình

14.6. Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm

14.7. Thanh toán

14.8. Thanh toán bị chậm trễ

14.9. Thanh toán khoản tiền giữ lại

14.10. Báo cáo khi hoàn thành

14.11. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng

14.12. Trang trải xong

⁽⁴⁾ Bổ sung nội dung “ Thử nghiệm sau khi kết thúc” trích từ EPC 1999

- 14.13. Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng
- 14.14. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư
- 14.15. Tiền tệ thanh toán

15. Chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư

- 15.1 Thông báo sửa chữa
- 15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
- 15.3 Đánh giá tại ngày chấm dứt
- 15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng
- 15.5 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư
- 15.6 Hành vi tham nhũng hoặc gian lận

16. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

- 16.1. Quyền của Nhà thầu tạm ngừng công việc
- 16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu
- 16.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu
- 16.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

17. Rủi ro và trách nhiệm

- 17.1 Bồi thường
- 17.2 Sự cản trở của Nhà thầu đối với công trình
- 17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư
- 17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư
- 17.5 Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp
- 17.6 Giới hạn về trách nhiệm
- 17.7 Sử dụng chỗ ở/phương tiện của Chủ đầu tư

18. Bảo hiểm

- 18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm
- 18.2 Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu
- 18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản
- 18.4 Bảo hiểm nhân lực Nhà thầu

19. Bất khả kháng

- 19.1 Định nghĩa về bất khả kháng
- 19.2 Thông báo về bất khả kháng
- 19.3 Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất
- 19.4 Các hậu quả của bất khả kháng
- 19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

- 19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm.
- 19.7 Hết trách nhiệm thực hiện
- 20. Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài**
 - 20.1 Khiếu nại của Nhà thầu
 - 20.2 Chỉ định Ban xử lý tranh chấp
 - 20.3 Không thoả thuận về thành phần Ban xử lý tranh chấp
 - 20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp
 - 20.5 Giải quyết ổn thoả
 - 20.6 Trọng tài
 - 20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp
 - 20.8 Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp

Định nghĩa

- | | |
|---|---------------------------------------|
| 1.1.4.1 Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng | 1.1.4.7 Chứng chỉ thanh toán tạm |
| 1.1.2.11 Ngân hàng | 1.1.6.5 Luật |
| 1.1.3.1 Ngày cơ sở | 1.1.1.3 Thư chấp thuận |
| 1.1.1.9 Bảng tiên lượng | 1.1.1.4 Thư dự thầu |
| 1.1.2.12 Bên vay | 1.1.4.8 Nội tệ |
| 1.1.3.2 Ngày khởi công | 1.1.5.2 Vật liệu |
| 1.1.1.1 Hợp đồng | 1.1.2.1 Bên |
| 1.1.1.2 Thỏa thuận Hợp đồng | 1.1.4.9 Chứng chỉ thanh toán |
| 1.1.1.10 Dữ kiện Hợp đồng | 1.1.3.8 Chứng chỉ thực hiện |
| 1.1.4.2 Giá Hợp đồng | 1.1.6.6 Bảo lãnh thực hiện |
| 1.1.2.3 Nhà thầu | 1.1.5.4 Công trình vĩnh cửu |
| 1.1.6.1 Tài liệu của Nhà thầu | 1.1.5.5 Máy móc thiết bị |
| 1.1.5.1 Thiết bị của Nhà thầu | 1.1.4.10 Khoản tiền tạm tính |
| 1.1.2.7 Nhân lực Nhà thầu | 1.1.4.11 Tiền giữ lại |
| 1.1.2.4 Đại diện Nhà thầu | 1.1.1.7 Bản danh mục |
| 1.1.4.3 Chi phí | 1.1.1.9 Danh mục, tiền tệ thanh toán |
| 1.1.6.2 Nước sở tại | 1.1.5.6 Hạng mục công trình |
| 1.1.2.8 Ban xử lý tranh chấp | 1.1.6.7 Công trường |
| 1.1.3.9 Ngày | 1.1.1.5 Chỉ dẫn kỹ thuật |
| 1.1.1.9 Bản kê ngày công | 1.1.4.12 Bản kê khai |
| 1.1.3.7 Thời hạn thông báo sai sót | 1.1.2.7 Nhà thầu phụ |
| 1.1.1.6 Bản vẽ | 1.1.3.5 Chứng chỉ nghiệm thu |
| 1.1.2.2 Chủ đầu tư | 1.1.5.7 Công trình tạm |
| 1.1.6.3 Thiết bị của Chủ đầu tư | 1.1.1.8 Hồ sơ dự thầu |
| 1.1.2.6 Nhân lực của Chủ đầu tư | 1.1.3.6 Thử nghiệm sau khi hoàn thành |
| 1.1.2.4 Kỹ sư | 1.1.3.4 Thử nghiệm khi hoàn thành |
| 1.1.2.9 FIDIC | 1.1.3.3 Thời hạn hoàn thành |
| 1.1.4.4 Chứng chỉ thanh toán cuối cùng | 1.1.6.8 Không lường trước được |
| 1.1.4.5 Bản kê khai cuối cùng | 1.1.6.9 Thay đổi |
| 1.1.6.4 Bất khả kháng | 1.1.5.8 Công trình |
| 1.1.4.6 Ngoại tệ | 1.1.3.9 Năm |
| 1.1.5.2 Hàng hoá | |

CHƯƠNG I: ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Định nghĩa

Trong Điều kiện của Hợp đồng (“những Điều kiện này”), bao gồm những Điều kiện cụ thể, Phần A và Phần B, và những Điều kiện chung, những từ và thành ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định. Những từ chỉ người hoặc các bên tham gia bao gồm các công ty và các đơn vị hợp pháp khác, trừ phi do văn cảnh yêu cầu khác.

1.1.1 Hợp đồng

1.1.1.1. **“Hợp đồng”** có nghĩa là Thỏa thuận hợp đồng, Thư chấp thuận, Thư dự thầu, những Điều kiện này, Chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ, Bản Danh mục và những tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận hợp đồng hoặc trong Thư chấp thuận.

1.1.1.2. **“Thỏa thuận hợp đồng”** là thỏa thuận hợp đồng (nếu có) được tham chiếu tới trong điều 1.6 [Thỏa thuận hợp đồng].

1.1.1.3. **“Thư chấp thuận”** là thư thể hiện sự chấp thuận chính thức Thư dự thầu, được Chủ đầu tư ký, trong đó chứa đựng bất kỳ bản ghi nhớ nào được kèm theo bao gồm các thỏa thuận được ký giữa hai Bên. Nếu không có một thư chấp thuận như thế thì cụm từ “Thư chấp thuận” có nghĩa là Thỏa thuận hợp đồng và ngày phát hành hoặc nhận được Thư chấp thuận nghĩa là ngày ký Thỏa thuận hợp đồng.

1.1.1.4. **“Thư dự thầu”** là tài liệu được lấy tiêu đề là thư dự thầu, được Nhà thầu hoàn thành và gồm bản chào thầu được ký và gửi cho Chủ đầu tư

1.1.1.5. **“Chỉ dẫn kỹ thuật”** là văn bản đặt tên là Chỉ dẫn kỹ thuật, như được đưa vào trong Hợp đồng và bất kỳ bổ sung hoặc sửa đổi nào đối với bản Chỉ dẫn kỹ thuật, phù hợp với Hợp đồng. Một văn bản như vậy sẽ xác định rõ những khía cạnh chủ yếu của công trình.

1.1.1.6. **“Bản vẽ”** là bản vẽ công trình, như được đưa vào trong Hợp đồng và bất kỳ bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi nào được phát hành bởi (hoặc thay mặt cho) Chủ đầu tư phù hợp với Hợp đồng.

1.1.1.7. **“Bản danh mục”** là văn bản được gọi là bản danh mục do Nhà thầu hoàn thành và đệ trình kèm theo Thư dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng. Văn bản như vậy có thể gồm Bảng tiên lượng, dữ liệu, liệt kê và biểu các tỷ giá và/hoặc giá.

1.1.1.8. **“Hồ sơ dự thầu”** là Thư dự thầu và tất cả các tài liệu khác mà Nhà thầu đệ trình cùng với Thư dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng.

1.1.1.9. **“Bảng tiên lượng”** và **“Bản kê ngày công”** và **“Bảng tiên tệ thanh toán”** là các văn bản được gọi tên như vậy (nếu có) và được hợp thành trong Bản danh mục.

1.1.1.10. **“Dữ kiện hợp đồng”**: là những trang do Chủ đầu tư hoàn thiện có tiêu đề Dữ kiện Hợp đồng, hình thành Phần A của các Điều kiện cụ thể.

1.1.2 Các Bên và các cá nhân

1.1.2.1 **“Bên”** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu như ngữ cảnh yêu cầu.

1.1.2.2 **“Chủ đầu tư”** là người được gọi là Chủ đầu tư trong Tài liệu Hợp đồng và những người tiếp tục hợp pháp theo chức danh này.

1.1.2.3 **“Nhà thầu”** là người được gọi là Nhà thầu trong Thư dự thầu được Chủ đầu tư chấp nhận và những người kế tục hợp pháp theo chức danh này.

1.1.2.4 **“Nhà tư vấn”** là người được Chủ đầu tư chỉ định là Nhà tư vấn nhằm thực hiện mục đích của Hợp đồng và được gọi như vậy trong Tài liệu Hợp đồng, hoặc người khác được Chủ đầu tư chỉ định theo từng thời gian và báo cho Nhà thầu theo Khoản 3.4 [Thay thế Nhà tư vấn].

1.1.2.5 **“Đại diện Nhà thầu”** là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu thỉnh thoảng chỉ định theo Khoản 4.3 [Đại diện Nhà thầu] và hành động thay mặt Nhà thầu.

1.1.2.6 **“Nhân lực Chủ đầu tư”** là Đại diện Chủ đầu tư, những trợ lý được nói tới trong Khoản 3.2 [Uỷ quyền của Nhà tư vấn] và tất cả những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Đại diện Chủ đầu tư và của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu là nhân lực Chủ đầu tư.

1.1.2.7 **“Nhân lực Nhà thầu”** là đại diện của Nhà thầu và tất cả nhân lực mà Nhà thầu sử dụng trên công trường, có thể bao gồm những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Nhà thầu và của từng Nhà thầu phụ và bất kỳ nhân lực nào khác giúp việc cho Nhà thầu trong việc thi công công trình.

1.1.2.8 **“Nhà thầu phụ”** là bất kỳ người nào được chỉ ra trong Hợp đồng là thầu phụ, hoặc bất kỳ người nào được chỉ định là thầu phụ cho một phần của công trình và những người kế tục hợp pháp theo chức danh của mỗi một trong số những người nói trên.

1.1.2.9 **“DB”** (Ban xử lý tranh chấp) là một người hoặc ba người được chỉ định theo Khoản 20.2 [Chỉ định Ban xử lý tranh chấp] hoặc theo Khoản 20.3 [Không thoả thuận thành phần của Ban xử lý tranh chấp].

1.1.2.10 **“FIDIC”** là Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn.

1.1.2.11 **“Ngân hàng”** là cơ quan cấp vốn (nếu có) được ghi tên trong Tài liệu Hợp đồng.

1.1.2.12 **“Bên vay”** là người (nếu có) được gọi là bên vay trong Tài liệu Hợp đồng.

1.1.3 Ngày, Thử nghiệm, Thời hạn hoàn thành

1.1.3.1 **“Ngày cơ sở”** là ngày vào 28 ngày trước ngày hẹn cuối cùng để nộp Hồ sơ dự thầu

- 1.1.3.2 **“Ngày khởi công”** là ngày được thông báo theo Khoản 8.1 [Ngày khởi công]
- 1.1.3.3 **“Thời hạn hoàn thành”** là thời hạn để hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình (như trường hợp có thể) theo Khoản 8.2 [Thời hạn hoàn thành], như được nêu ra trong Tài liệu Hợp đồng (với bất kỳ sự kéo dài nào theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời hạn hoàn thành], được tính từ ngày khởi công.
- 1.1.3.4 **“Thử nghiệm khi hoàn thành”** là những cuộc thử được chỉ ra trong Hợp đồng hoặc được thỏa thuận giữa hai Bên hoặc được hướng dẫn như là một thay đổi và được tiến hành theo Điều 9 [Thử nghiệm khi hoàn thành] trước khi công trình hoặc hạng mục công trình (tuỳ trường hợp) được Chủ đầu tư nghiệm thu.
- 1.1.3.5 **“Chứng chỉ nghiệm thu”** là chứng chỉ được phát hành theo Điều 10 [Nghiệm thu của Chủ đầu tư]
- 1.1.3.6 **“Thử nghiệm sau khi hoàn thành”** là những cuộc thử được chỉ ra trong Hợp đồng và được thực hiện phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật sau khi công trình hoặc một hạng mục công trình (tuỳ trường hợp) được Chủ đầu tư nghiệm thu.
- 1.1.3.7 **“Thời hạn Thông báo sai sót”** là thời hạn để thông báo các sai sót của công trình hoặc một hạng mục công trình (tuỳ trường hợp) theo Khoản 11.1 [Hoàn thành phần việc còn dở dang và sửa chữa các sai sót], như trong Tài liệu Hợp đồng (với bất cứ sự gia hạn theo Khoản 11.3 [Gia hạn thời hạn thông báo sai sót], được tính từ ngày công trình hoặc hạng mục công trình được hoàn thành như được chứng nhận theo quy định tại Khoản 10.1 [Nghiệm thu công trình hoặc các hạng mục công trình].
- 1.1.3.8 **“Chứng chỉ thực hiện”** là chứng nhận được phát hành theo Khoản 11.9 [Chứng chỉ thực hiện]
- 1.1.3.9 **“Ngày”** là ngày theo lịch và “năm” là ngày 365 ngày.

1.1.4 Tiền và thanh toán

- 1.1.4.1 **“Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng”** là số tiền được chấp thuận trong Thư chấp thuận để thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào.
- 1.1.4.2 **“Giá hợp đồng”** là giá được xác định trong Khoản 14.1 [Giá Hợp đồng], và bao gồm các điều chỉnh phù hợp với Hợp đồng
- 1.1.4.3 **“Chi phí”** là tất cả các khoản chi phí hợp lý do Nhà thầu chịu (hoặc sẽ phải chịu), bất kể trong hay ngoài công trường, gồm cả chi phí quản lý và các chi phí tương tự nhưng không gồm lợi nhuận.
- 1.1.4.4 **“Chứng chỉ thanh toán cuối cùng”** là chứng chỉ thanh toán được ban hành theo Khoản 14.13 [Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng].
- 1.1.4.5 **“Bản kê khai cuối cùng”** là bản kê khai được xác định tại Khoản 14.11 [Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng].

- 1.1.4.6 **“Ngoại tệ”** là loại tiền tệ mà bằng loại tiền đó một phần (hoặc toàn bộ) của Giá Hợp đồng phải trả, nhưng không phải là Nội tệ.
- 1.1.4.7 **“Chứng chỉ thanh toán tạm thời”** là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [Giá Hợp đồng và thanh toán], khác với Chứng chỉ thanh toán cuối cùng.
- 1.1.4.8 **“Nội tệ”** là tiền tệ của Nước sở tại.
- 1.1.4.9 **“Chứng chỉ thanh toán”** là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [Giá Hợp đồng và thanh toán].
- 1.1.4.10 **“Khoản tạm tính”** là số tiền (nếu có) được xác định theo Hợp đồng là số tiền tạm thời để thi công một phần bất kỳ của công trình, hoặc để cung cấp thiết bị, vật liệu hoặc dịch vụ theo Khoản 13.5 [Khoản tạm tính].
- 1.1.4.11 **“Tiền giữ lại”** là khoản tiền lũy tích mà Chủ đầu tư giữ lại theo Khoản 14.3 [Đơn xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm thời] và trả theo Khoản 14.9 [Thanh toán tiền bị giữ lại].
- 1.1.4.12 **“Bản kê khai”** là một bản kê do Nhà thầu đệ trình làm thành một phần của Đơn xin cấp Chứng chỉ thanh toán, theo Điều 14 [Giá Hợp đồng và thanh toán].

1.1.5 Công trình và hàng hoá

- 1.1.5.1 **“Thiết bị Nhà thầu”** là toàn bộ thiết bị, máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, thiết bị của Nhà thầu không bao gồm các công trình tạm, thiết bị Chủ đầu tư (nếu có), thiết bị, vật liệu và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành phần của công trình vĩnh cửu.
- 1.1.5.2 **“Hàng hoá”** là thiết bị, vật liệu, máy móc và công trình tạm của Nhà thầu hoặc bất cứ thứ thích hợp trong các loại trên.
- 1.1.5.3 **“Vật liệu”** là những thứ hoặc tất cả các loại (không phải thiết bị) nhằm tạo nên hoặc đang tạo nên một phần của công trình vĩnh cửu gồm những thứ được cung cấp, chỉ nói về vật liệu (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.5.4 **“Công trình vĩnh cửu”** là các công trình vĩnh cửu sẽ do Nhà thầu thi công theo Hợp đồng.
- 1.1.5.5 **“Thiết bị”** là các bộ dụng cụ, máy móc, phương tiện xe cộ nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của các công trình vĩnh cửu
- 1.1.5.6 **“Hạng mục”** là một phần công trình được nêu trong Tài liệu Hợp đồng là một hạng mục (nếu có)
- 1.1.5.7 **“Công trình tạm”** là tất cả các công trình tạm thời thuộc bất cứ loại nào (ngoài các thiết bị của Nhà thầu) cần thiết phải có trên công trường để thi công và hoàn thành công trình vĩnh cửu và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.

1.1.5.8 **“Công trình”** là các công trình vĩnh cửu và công trình tạm hoặc bất kỳ loại thích hợp nào trong đó.

1.1.6 Các định nghĩa khác

1.1.6.1 **“Tài liệu Nhà thầu”** là các tính toán, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, sổ tay hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng

1.1.6.2 **“Nước sở tại”** là nước mà tại đó địa điểm công trường (hoặc đa phần của công trường) được đặt, nơi các công trình vĩnh cửu sẽ được thi công.

1.1.6.3 **“Thiết bị Chủ đầu tư”** là máy móc, phương tiện xe cộ (nếu có) do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật; nhưng không bao gồm thiết bị không được Chủ đầu tư tiếp nhận.

1.1.6.4 **“Bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 19 [Bất khả kháng]

1.1.6.5 **“Luật”** là toàn bộ luật pháp quốc gia (hoặc của bang), các đạo luật, pháp lệnh, và các luật khác, các quy chế, các văn bản pháp quy dưới luật của bất kỳ cơ quan công quyền được thành lập theo pháp luật.

1.1.6.6 **“Bảo lãnh thực hiện”** là việc bảo đảm (hoặc các bảo đảm, nếu có) theo Khoản 4.2 [Bảo lãnh thực hiện]

1.1.6.7 **“Công trường”** là những nơi các công trình vĩnh cửu được thi công và là nơi mà thiết bị và vật liệu được chuyển tới và bất kỳ nơi nào khác được xác định trong Hợp đồng để tạo nên một bộ phận của công trường.

1.1.6.8 **“Không lường trước được”** là điều không thể thấy trước được một cách có lý và không thể có biện pháp phòng ngừa thích hợp nào được đưa ra bởi một Nhà thầu có kinh nghiệm tại thời điểm nộp Hồ sơ thầu.

1.1.6.9 **“Sự thay đổi”** là bất kỳ sự biến động nào đối với công trình, mà được chỉ dẫn hoặc chấp thuận là sự thay đổi theo Điều 13 [Thay đổi và điều chỉnh]

1.2 Diễn giải

Trong Hợp đồng, trừ những trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác, còn thì:

- (a) những từ chỉ một giới là gồm tất cả các giới;
- (b) những từ chỉ số ít cũng bao gồm số nhiều những từ chỉ số nhiều cũng bao gồm số ít;
- (c) những quy định bao gồm các từ “đồng ý”, “đã đồng ý” hoặc “thỏa thuận” yêu cầu sự thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản, và
- (d) “được viết” hoặc “bằng văn bản” nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.
- (e) Từ “Tender” đồng nghĩa với từ “bid” (Hồ sơ dự thầu) và “tenderer” đồng nghĩa với “bidder” (Nhà dự thầu) và các từ “tender documents” đồng nghĩa với từ “bidding documents” (Hồ sơ mời thầu).

Các từ ngữ bên lề và các đầu đề khác sẽ không được xem xét khi diễn dịch các Điều kiện này.

Trong Điều kiện này, những quy định bao gồm cụm từ “chi phí + lợi nhuận” yêu cầu lợi nhuận này phải là 1/20 (5%) của chi phí này trừ phi được ghi khác trong Tài liệu Hợp đồng.

1.3 Các cách thông tin

Bất cứ chỗ nào khi Điều kiện này quy định việc đưa ra hoặc ban hành sự chấp thuận, chứng chỉ, tán thành, quyết định, thông báo, yêu cầu và thực hiện, thì những truyền thông này sẽ phải là:

- (a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), được gửi bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc được truyền đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử được thoả thuận như đã nêu trong Tài liệu Hợp đồng; và
- (b) được chuyển, gửi hoặc truyền đến địa chỉ để thông tin được với người nhận như đã quy định trong Tài liệu Hợp đồng. Tuy nhiên:
 - (i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới một cách tương ứng; và
 - (ii) nếu người nhận không thông báo gì khác khi yêu cầu một sự phê duyệt hoặc một sự đồng ý, thì thông tin có thể được gửi tới địa chỉ mà từ đó đã phát hành yêu cầu.

Những giấy phê duyệt, chứng chỉ, tán thành và quyết định không được bị cản giữ lại hoặc bị làm chậm trễ một cách vô lý. Khi một giấy chứng chỉ được cấp cho một Bên, người cấp giấy chứng chỉ đó phải giữ một bản sao cho Bên kia. Khi một thông báo cho một Bên, do một Bên khác phát hành, phải gửi một bản sao, tùy trường hợp, cho Bên kia.

1.4 Luật và ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều tiết theo luật của nước sở tại (hoặc quyền lực pháp lý khác) được nêu trong Tài liệu Hợp đồng.

Ngôn ngữ chủ đạo của Hợp đồng là ngôn ngữ được nêu trong Tài liệu Hợp đồng.

Ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ đã quy định trong Tài liệu Hợp đồng. Nếu trong đó không quy định, thì ngôn ngữ giao dịch sẽ phải là ngôn ngữ chiếm ưu thế trong Hợp đồng.

1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng làm tài liệu giải thích chung giữa các bên. Với mục đích diễn giải, thứ tự ưu tiên của các tài liệu phải theo trình tự sau:

- (a) Thoả thuận hợp đồng (nếu có)
- (b) Thư chấp thuận
- (c) Thư dự thầu, hồ sơ dự thầu và các đề xuất của Nhà thầu
- (d) Các điều kiện cụ thể – Phần A (Dữ liệu Hợp đồng)
- (e) Các điều kiện cụ thể – Phần B (Điều khoản riêng)
- (f) Điều kiện chung này

- (g) Chỉ dẫn kỹ thuật
- (h) Dữ liệu cho Nhà thầu
- (i) Các tài liệu khác là bộ phận của Hợp đồng

Nếu thấy có sự tối nghĩa hoặc thiếu nhất quán trong tài liệu, Chủ đầu tư phải đưa ra những giải thích cần thiết để làm rõ hoặc đưa ra các chỉ dẫn.

1.6 Thoả thuận hợp đồng

Các Bên sẽ ký Thoả thuận hợp đồng trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận, trừ khi Điều kiện cụ thể nêu khác. Thoả thuận hợp đồng phải được dựa vào mẫu kèm theo Điều kiện cụ thể. Chi phí đóng dấu và chi phí tương tự (nếu có) theo luật định liên quan đến việc ký kết Thoả thuận hợp đồng do Chủ đầu tư chịu.

1.7 Nhượng lại

Không bên nào được nhượng lại toàn bộ hoặc bất cứ phần nào của Hợp đồng hoặc bất cứ lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, mỗi Bên:

- (a) có thể nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng với sự thoả thuận trước của phía Bên kia, tùy theo ý muốn của phía họ, và
- (b) có thể, dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, nhượng lại quyền thu bất kỳ số tiền đến hạn nào phải trả hoặc sắp đến hạn theo Hợp đồng.

1.8 Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu

Chỉ dẫn kỹ thuật và các bản vẽ phải được Chủ đầu tư bảo quản, giữ gìn cẩn thận. Trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng, 2 bản sao Hợp đồng và 2 bản sao mỗi bản vẽ tiếp theo phải được cung cấp cho Nhà thầu, Nhà thầu có thể chụp thêm hoặc yêu cầu sao chép thêm một số bản nữa bằng chi phí của mình.

Mỗi tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu bảo quản, giữ gìn cẩn thận, trừ khi và cho tới khi Chủ đầu tư tiếp nhận. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp Chủ đầu tư 6 bản sao của mỗi tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ, trên công trường, một bản sao Hợp đồng, ấn phẩm có nêu tên trong Chỉ dẫn kỹ thuật, tài liệu của Nhà thầu (nếu có), những bản vẽ, và Sự thay đổi và các thông tin khác được đưa ra trong Hợp đồng. Người của Chủ đầu tư phải có quyền tiếp cận toàn bộ tài liệu này vào bất kỳ thời điểm nào thích hợp.

Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng thi công công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

1.9 Các bản vẽ hoặc chỉ dẫn bị chậm trễ và Bảo mật

1.9.1 Các bản vẽ hoặc chỉ dẫn bị chậm trễ

Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư bất cứ khi nào công trình có vẻ có thể bị chậm trễ hoặc gián đoạn nếu các bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết không được phê duyệt trong vòng một thời gian cụ thể hợp lý. Thông báo này phải gồm các chi tiết của bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết, các chi tiết về tại sao và khi nào nó cần được

đưa ra, và bản chất và mức độ chậm trễ hoặc gián đoạn có thể gặp phải nếu bị muộn.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và /hoặc chịu chi phí do Chủ đầu tư không phê duyệt bản vẽ hoặc các hướng dẫn đã thông báo trong vòng một thời gian hợp lý và được chỉ rõ trong thông báo với các chi tiết hỗ trợ, Nhà thầu phải thông báo thêm một lần nữa cho Nhà tư vấn và phải được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) Gia hạn thời gian cho bất kỳ một sự chậm trễ nào như vậy, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành công trình*], và
- (b) Thanh toán bất kỳ chi phí nào nảy sinh do nguyên nhân như vậy, cộng với lợi nhuận hợp lý, đưa vào giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo, Nhà tư vấn phải tiến hành như nêu trong Khoản 3.3 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc xác định những vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà việc Nhà tư vấn không giải quyết được điều nói trên là do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu, gồm sai sót hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ tài liệu nào của Nhà thầu, thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí hoặc lợi nhuận như vậy.

1.9.2 Bảo mật

Các Bên sẽ phải xem chi tiết hợp đồng như là tài liệu riêng và bảo mật, trừ phạm vi cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ theo nó và phù hợp với luật áp dụng. Hợp đồng sẽ không được xuất bản, cho phép xuất bản hay trích dẫn bất kỳ chi tiết của Công việc trong bất kỳ trao đổi mua bán hay công việc kỹ thuật hay bất kỳ điều gì tương tự mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.10 Chủ đầu tư sử dụng tài liệu Nhà thầu

Giữa các Bên với nhau, Nhà thầu giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với các tài liệu của Nhà thầu, bản vẽ và các tài liệu thiết kế khác do (hoặc thay mặt) Nhà thầu làm.

Nhà thầu được xem như (bằng cách ký Hợp đồng) cấp cho Chủ đầu tư một Giấy phép có thể chuyển nhượng, không có thời hạn chấm dứt, không độc quyền, không phải trả tiền bản quyền, về việc sao chụp, sử dụng và thông tin các tài liệu của Nhà thầu, bao gồm cả tiến hành và sử dụng các cải tiến. Giấy phép này phải:

- (a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (dù dài thế nào chăng nữa) của các phần liên quan của công trình.
- (b) giao quyền cho một người bất kỳ đang sở hữu một cách thích hợp các phần liên quan đến công trình, được sao chụp, sử dụng và thông tin tài liệu Nhà thầu với mục đích hoàn thành, vận hành, bảo trì, sửa đổi, điều chỉnh, sửa chữa và phá dỡ công trình, và
- (c) trường hợp tài liệu Nhà thầu ở dạng chương trình máy tính và phần mềm khác, cho phép họ sử dụng trên bất cứ máy vi tính nào trên công trường và các nơi khác như đã trừ tính trong Hợp đồng, kể cả việc thay một máy tính bất kỳ do Nhà thầu cấp.

Tài liệu Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do bản thân (hoặc người thay mặt) Nhà thầu thực hiện, nếu Nhà thầu không đồng ý, thì không được sử dụng, sao chụp hoặc thông tin cho bên thứ 3 bởi bản thân (hoặc thay mặt) Chủ đầu tư vì mục đích khác với những mục đích cho phép trong Khoản này.

1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư

Giữa các bên, Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác về Các Chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ và các tài liệu khác do bản thân (hoặc người thay mặt) Chủ đầu tư làm ra. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chụp, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì mục đích của Hợp đồng.

Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc thông tin những tài liệu đó cho bên thứ 3, trừ khi điều đó là cần thiết vì mục đích của Hợp đồng.

1.12 Các chi tiết bí mật

Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư phải tiết lộ tất cả các thông tin bí mật và các thông tin khác khi được yêu cầu hợp lý, để kiểm chứng việc tuân thủ Hợp đồng của Nhà thầu và cho phép thực hiện đúng.

Nhân sự Các Bên sẽ phải xem xét các chi tiết của Hợp đồng như là tài liệu riêng, bí mật, ngoại trừ trong phạm vi cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng hoặc tuân thủ những luật lệ được áp dụng. Mỗi trong số họ sẽ không được công bố hoặc tiết lộ bất cứ chi tiết nào về Công trình, được chuẩn bị bởi Bên kia nếu không có sự thỏa thuận trước của Bên kia. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ được phép tiết lộ bất kỳ thông tin chung sẵn có, hoặc thông tin cần thiết khác để chứng minh năng lực của mình để cạnh tranh giành các dự án khác.

1.13 Tuân thủ luật pháp

Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ Luật áp dụng. Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng.

(a) Chủ đầu tư phải xin được (hoặc sẽ phải xin được) Giấy phép quy hoạch, phân vùng, Giấy phép xây dựng hoặc Giấy phép tương tự cho công trình vĩnh cửu, và bất kỳ Giấy phép nào khác được mô tả trong Chỉ dẫn kỹ thuật là Chủ đầu tư đã (hoặc đang) xin; và Chủ đầu tư phải bồi thường và giữ cho Nhà thầu không bị thiệt hại do hậu quả của việc mình không thực hiện được điều nói trên; và

(b) Nhà thầu phải đưa ra tất cả các thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí và có cả giấy phép và giấy phê chuẩn, theo Luật định liên quan đến thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót; và Nhà thầu phải bồi thường và giữ cho Chủ đầu tư không bị thiệt hại do hậu quả của việc mình không thực hiện được điều nói trên; trừ khi nhà thầu bị cản trở thực hiện các hành động này và đưa ra bằng chứng về sự miễn cưỡng.

1.14 Trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng

Nếu Nhà thầu thiết lập (theo luật áp dụng) một liên doanh, liên danh, hoặc nhóm hợp tác không thành một liên doanh, gồm hai người hoặc nhiều hơn:

(a) những người này phải có trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng đối với Chủ đầu tư về việc thực hiện Hợp đồng.

- (b) những người này phải thông báo với Chủ đầu tư về người đứng đầu của họ, là người có quyền ràng buộc Nhà thầu và từng người trong số những người này; và
- (c) Nhà thầu phải không được thay đổi thành phần hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

1.15 Việc thanh tra và kiểm toán bởi Ngân hàng

Nhà thầu sẽ cho phép Ngân hàng và /hoặc những người do Ngân hàng chỉ định để thanh tra, kiểm tra công trường và / hoặc tài khoản của Nhà thầu và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và những tài khoản và hồ sơ này phải được các kiểm toán viên do Ngân hàng chỉ định kiểm toán nếu Ngân hàng yêu cầu.

2. CHỦ ĐẦU TƯ

2.1 Quyền tiếp cận công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sở hữu toàn bộ các phần của công trường trong suốt thời gian (hoặc những thời gian) như đã quy định trong Tài liệu Hợp đồng. Quyền và việc sở hữu có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu trong Hợp đồng Chủ đầu tư được yêu cầu phải (cho Nhà thầu) quyền sở hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, thiết bị hoặc phương tiện tiếp cận công trường, Chủ đầu tư phải thực hiện điều này trong thời gian và theo cách thức quy định trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Tuy nhiên, Chủ đầu tư có thể giữ lại, chưa cho bất cứ quyền nào như vậy hoặc quyền sở hữu đó cho tới khi nào nhận được Bảo lãnh thực hiện.

Nếu không có quy định thời gian như vậy trong Tài liệu Hợp đồng, Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và quyền sở hữu công trường trong thời gian như vậy vì có thể được yêu cầu để tạo điều kiện cho Nhà thầu có thể xúc tiến công việc không gián đoạn đúng chương trình đã nộp theo Khoản 8.3 [Chương trình].

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc phải gánh chịu chi phí gây ra do Chủ đầu tư không cho Nhà thầu những quyền hoặc sở hữu như vậy trong thời gian như thế, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] về:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [Giới hạn thời gian hoàn thành]
- (b) được thanh toán chi phí gây ra như vậy sẽ được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải thực hiện các việc theo Khoản 3.3 [Quyết định] để nhất trí hoặc quyết định vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà việc Chủ đầu tư không cho phép những quyền ấy cho Nhà thầu là do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu, bao gồm một sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ tài liệu nào của Nhà thầu, thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí như vậy.

2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận

Chủ đầu tư phải hỗ trợ hợp lý cho Nhà thầu theo yêu cầu của Nhà thầu như cho phép Nhà thầu nắm bắt đúng:

- (a) bản sao các bộ Luật của nước sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và
- (b) Giấy phép, Chứng chỉ hoặc Giấy chấp thuận mà luật của nước sở tại yêu cầu, gồm những loại:
 - (i) Nhà thầu được đòi hỏi phải có theo Khoản 1.13 [Tuân thủ luật pháp]
 - (ii) để cung cấp hàng hóa, bao gồm thông qua thủ tục hải quan, và
 - (iii) để xuất các thiết bị của Nhà thầu khi đưa chúng đi khỏi công trường.

2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo cho người của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên công trường:

- (a) hợp tác với nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 4.6 [Hợp tác]
- (b) có hành động tương tự như những gì Nhà thầu được yêu cầu thực hiện theo mục (a), (b) và (c) của Khoản 4.8 [Những quy định về an toàn] và theo Khoản 4.18 [Bảo vệ môi trường]

2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải đệ trình, trước ngày khởi công và sau đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Nhà thầu, bằng chứng hợp lệ là việc thu xếp tài chính đã được thực hiện và đang được duy trì, điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chủ đầu tư có thể thanh toán Giá Hợp đồng đúng hạn (như đã dự toán tại thời điểm đó) theo Điều 14 [Giá Hợp đồng và thanh toán], trước khi Chủ đầu tư thực hiện bất cứ sự thay đổi cần thiết nào đó đối với việc thu xếp tài chính thì Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu các chi tiết cụ thể.

Ngoài ra, nếu Ngân hàng đã thông báo cho bên vay rằng Ngân hàng tạm ngừng giải ngân theo khoản vay cấp vốn cho toàn bộ hoặc một phần việc thi công Công trình, thì Chủ đầu tư phải thông báo việc tạm ngừng này cho Nhà thầu với các chi tiết cụ thể, bao gồm ngày ra thông báo, trong vòng 7 ngày từ ngày bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng. Nếu nguồn tài chính khác có thể có được theo loại tiền tệ thích hợp để Chủ đầu tư tiếp tục việc thanh toán cho Nhà thầu muộn hơn 60 ngày sau ngày thông báo tạm ngừng của Ngân hàng, thì Chủ đầu tư phải đưa ra bằng chứng hợp lý trong thông báo này về phạm vi mà nguồn tài chính này có được.

2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư tự xét thấy mình có trách nhiệm đối với bất kỳ thanh toán nào theo bất cứ Điều nào của Điều kiện này hoặc cách gì khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót, Chủ đầu tư phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu. Tuy nhiên, không phải thông báo đối với khoản thanh toán đến hạn theo Khoản 4.20 [Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp tự do], hoặc các dịch vụ khác do Nhà thầu yêu cầu.

Thông báo phải được đưa ra càng sớm càng tốt không lâu hơn 28 ngày sau khi Chủ đầu tư biết được hoặc lẽ ra đã biết được vấn đề hoặc tình huống đang dẫn tới

khấu nại. Thông báo liên quan đến kéo dài thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thông báo này.

Các thông tin chi tiết phải chỉ ra được cụ thể điều hoặc cơ sở khiếu nại khác, và phải bao gồm minh chứng của số tiền và/hoặc sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự xét thấy mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư, sau đó phải tiến hành công việc theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định (i) số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền được Nhà thầu thanh toán và/hoặc (ii) kéo dài (nếu có) Thời hạn thông báo sai sót theo Khoản 11.3 [*Kéo dài thời hạn thông báo sai sót*].

Số tiền này có thể sẽ được đưa vào thành một khoản khấu trừ trong Giá Hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán, hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu phù hợp theo Khoản này.

3. QUẢN LÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

3.1 Người đại diện của Chủ đầu tư

3.1.1 Đại diện của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có thể cử người đại diện thay mặt Chủ đầu tư theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, Người này sẽ thông báo đến nhà thầu tên, địa chỉ, nhiệm vụ, quyền đại diện của Chủ đầu tư.

Đại diện Chủ đầu tư sẽ thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện quyền được giao bởi Chủ đầu tư trừ khi và cho đến khi Chủ đầu tư có thông báo khác đến Nhà thầu. Đại diện Chủ đầu tư được xem là đầy đủ quyền của Chủ đầu tư theo Hợp đồng trừ điều khoản 15 [*Chấm dứt bởi Chủ đầu tư*].

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế bất cứ Người được bổ nhiệm như Đại diện Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thông báo đến Nhà thầu trước 14 ngày về sự thay thế tên, địa chỉ, nhiệm vụ và quyền, ngày bổ nhiệm.

3.1.2 Nhân sự khác của Chủ đầu tư :

Chủ đầu tư hoặc Đại diện chủ đầu tư có thể từ giao nhiệm vụ và giao phó ủy quyền cho các trợ lý, và cũng có thể thu hồi việc bổ nhiệm hay ủy quyền này. Những trợ lý này có thể bao gồm các kỹ sư thường trú và/ hoặc các thanh kiểm tra độc lập được bổ nhiệm để kiểm tra và thử nghiệm vật tư thiết bị và / hoặc vật liệu. Việc bổ nhiệm, ủy quyền hay thu hồi sẽ không có hiệu lực tới khi Nhà thầu nhận được 1 bản copy về điều này.

Các trợ lý sẽ là những người có năng lực thích hợp, những người thành thạo thực hiện những nhiệm vụ này và thực hiện quyền này, và những người thành thạo ngôn ngữ giao tiếp được xác định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

3.1.3 Người được ủy quyền

Tất cả những người này, bao gồm Đại diện của Chủ đầu tư và trợ lý, được bổ nhiệm và giao ủy quyền đại diện, sẽ chỉ được ủy quyền đưa ra hướng dẫn Nhà thầu trong phạm vi được xác định bởi nhóm đại diện. Bất kỳ sự phê duyệt, điều tra, chứng nhận, đồng ý, thử nghiệm, thanh tra, hướng dẫn, đề xuất, yêu cầu, thử nghiệm hay bất cứ hành động nào tương tự bởi người đại diện, theo nhóm đại diện, sẽ có hiệu lực như là hành động của Chủ đầu tư, Tuy nhiên:

- a) trừ khi có quy định khác trong thông tin của người đại diện về những hành động như vậy, sẽ không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp đồng, bao gồm trách nhiệm: lỗi, chênh mảng, mơ hồ, không phù hợp;
- b) bất kỳ cố gắng không thành không về việc không chấp thuận bất kỳ công việc, Máy móc, thiết bị và Vật liệu mà không tạo thành sự tán thành, và sẽ vì vậy không sớm xét đoán quyền Chủ đầu tư và từ bỏ công việc, Máy móc thiết bị, vật liệu.
- c) Nếu Nhà thầu đặt câu hỏi về các quyết định hay hướng dẫn của người được ủy quyền, Nhà thầu có thể chuyển các vấn đề đó đến Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ nhanh chóng xác nhận, xem lại, thay đổi các quyết định hay hướng dẫn

3.2 Hướng dẫn

Chủ đầu tư có thể đưa ra cho Nhà thầu các hướng dẫn cần thiết cho Hợp đồng và để hình thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Các hướng dẫn sẽ được trình bày bằng văn bản nêu lên nghĩa vụ liên quan, các điều khoản mục (thuộc các điều khoản Hợp đồng) trong đó có nêu rõ các nghĩa vụ. Nếu có bất kỳ sự hướng dẫn Thay đổi , Điều 13[*Thay đổi và Điều chỉnh*] sẽ được áp dụng.

Nhà thầu sẽ nhận hướng dẫn từ Chủ đầu tư hay từ Đại diện chủ đầu tư hay 1 trợ lý được đại diện với sự ủy quyền thích hợp theo điều khoản này.

3.3 Quyết định

Bất cứ khi nào những điều kiện này cho thấy Chủ đầu tư sẽ đi đến đồng ý hay quyết định bất cứ điều gì theo khoản 3.3, Chủ đầu tư sẽ bàn bạc với Nhà thầu trong sự nỗ lực đi đến sự thống nhất. Nếu sự thống nhất không đạt được, Chủ đầu tư sẽ đưa ra quyết định phù hợp theo Hợp đồng, có tham khảo tất cả các điều kiện liên quan.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu về mỗi sự thỏa thuận hay quyết định, bao gồm các chi tiết phụ. Các Bên sẽ nỗ lực với mỗi sự thỏa thuận và quyết định, nếu không Nhà thầu sẽ thông báo đến Chủ đầu tư, sự không hài lòng về quyết định trong vòng 14 ngày nhận được thông báo. Mỗi Bên sau đó có thể đưa sự tranh chấp đến DAB theo khoản 20.4.

4. NHÀ THẦU

4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu ⁵

Nhà thầu phải thiết kế, thi công và hoàn thành Công trình theo đúng Hợp đồng và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình. Sau khi hoàn thành, Công trình phải phù hợp với Công việc được xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị, máy móc và các tài liệu của Nhà thầu được xác định Hợp đồng, và toàn bộ nhân viên, hàng hoá, vật liệu tiêu hao và những vật dụng cùng các dịch vụ khác, dù là những thứ có tính chất tạm thời hoặc lâu dài, được đòi hỏi trong và cho thiết kế, thi công hoàn thành và sửa chữa sai sót.

⁵ Điều khoản này được trích tại khoản 4.1 EPC 1999 .

Công việc sẽ bao gồm bất kỳ công việc cần thiết thỏa mãn Yêu cầu của Nhà thầu, hay được ám chỉ trong Hợp đồng, và tất cả công việc (dù cho không được đề cập trong Hợp đồng) là cần thiết cho sự ổn định hay cho dự hoàn thành hay an toàn và hoạt động đúng , thuộc Công việc.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về đầy đủ, ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động của Công trường, mọi biện pháp thi công và toàn bộ Công trình.

Tất cả thiết bị, vật tư, và dịch vụ cần thiết để đưa vào trong Công trình phải có nguồn gốc ở một quốc gia có đủ tư cách như đã được Ngân hàng xác định (nếu có).

Bất kỳ lúc nào Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải nộp các chi tiết về việc bố trí và phương pháp mà Nhà thầu đề xuất để được chấp nhận cho việc thi công công trình. Không được thực hiện bất cứ một thay đổi đáng kể nào đối với những bố trí và phương pháp thi công nếu không thông báo trước cho Chủ đầu tư.

4.2. Bảo lãnh thực hiện

Nhà thầu, (bằng chi phí của mình), phải có được Bảo lãnh thực hiện cho việc thực hiện hợp đồng một cách thoả đáng, với số tiền và loại tiền được xác định trong Điều kiện cụ thể.

Nhà thầu sẽ nộp Bảo lãnh thực hiện cho Chủ đầu tư trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Thư chấp thuận trúng thầu. Bảo lãnh thực hiện sẽ được phát hành do một đơn vị và từ trong một nước (hoặc một thẩm quyền pháp lý khác), được Chủ đầu tư chấp thuận; Bảo lãnh đó phải đúng theo như mẫu được kèm theo làm thành phụ lục của Điều kiện riêng hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh thực hiện có giá trị và hiệu lực cho đến khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành xong công trình và sửa chữa xong các sai sót. Nếu các điều khoản của Bảo lãnh thực hiện có ghi rõ ngày hết hạn và Nhà thầu vẫn chưa được quyền nhận Chứng chỉ thực hiện vào thời gian còn 28 ngày trước khi hết hạn Bảo lãnh thực hiện, Nhà thầu phải gia hạn giá trị của Bảo lãnh thực hiện cho tới khi công trình được hoàn thành và mọi sai sót được sửa chữa xong.

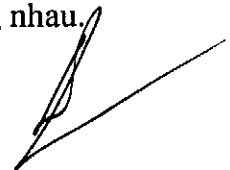
Chủ đầu tư sẽ không khiếu nại về Bảo lãnh thực hiện, ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư có quyền đòi theo Hợp đồng.

Chủ đầu tư phải bồi thường và đảm bảo cho Nhà thầu không bị thiệt hại gì đối với tất cả những hư hại, tổn thất, và chi phí (bao gồm các loại chi phí và chi phí pháp lý) gây ra cho việc khiếu nại về Bảo lãnh thực hiện trong phạm vi mà Chủ đầu tư không có quyền khiếu nại.

Chủ đầu tư sẽ trả lại cho nhà thầu Bảo lãnh thực hiện trong vòng 21 ngày sau khi nhận được 1 bản sao của Chứng chỉ thực hiện.

Không có giới hạn đối với các điều khoản còn lại của Khoản này, bất cứ khi nào Chủ đầu tư quyết định một sự bổ sung hoặc khấu trừ vào giá Hợp đồng do một sự thay đổi về chi phí và/hoặc pháp luật hoặc do một sự thay đổi có giá trị hơn 25% của phần Giá Hợp đồng được thanh toán theo một loại tiền tệ cụ thể, tùy theo trường hợp có thể, Nhà thầu khẩn trương làm tăng hoặc giảm giá trị của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng theo loại tiền tệ đó với tỷ lệ phần trăm ngang nhau.

4.3. Đại diện Nhà thầu



Nhà thầu sẽ chỉ định Đại diện Nhà thầu và uỷ quyền cần thiết cho người này hành động thay mặt Nhà thầu trong Hợp đồng.

Trừ phi Đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư để được chấp thuận tên và các chi tiết liên quan về người mà Nhà thầu đề nghị chỉ định làm Đại diện Nhà thầu. Nếu không được chấp thuận hoặc sau đó bị huỷ bỏ theo điều khoản 6.9[Nhân sự Nhà Thầu], hoặc người được chỉ định không làm tròn vai trò Đại diện Nhà thầu, thì một cách tương tự, Nhà thầu phải tiến hành lại việc trình tên và các chi tiết liên quan của người thích hợp khác làm đại diện.

Nếu không được chấp thuận của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được rút lại việc đã chỉ định người Đại diện Nhà thầu hoặc chỉ định người khác thay thế.

Toàn bộ thời gian của Đại diện Nhà thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu. Nếu Đại diện Nhà thầu buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải cử người thay thế phù hợp, với sự chấp thuận trước của Chủ đầu tư và Chủ đầu tư phải được thông báo về việc đó một cách tương ứng.

Đại diện Nhà thầu sẽ thay mặt Nhà thầu tiếp nhận các chỉ dẫn theo Khoản 3.2 [Hướng dẫn].

Đại diện Nhà thầu có thể uỷ nhiệm quyền, chức năng, chức trách cho bất kỳ người nào có khả năng thực hiện và bất kỳ lúc nào có thể huỷ bỏ sự uỷ nhiệm đó. Việc uỷ nhiệm và huỷ bỏ sẽ không có hiệu lực chừng nào Chủ đầu tư chưa nhận được thông báo trước do Đại diện Nhà thầu ký, nêu lên tên và xác định quyền hạn, chức năng, chức trách được uỷ quyền hoặc huỷ bỏ.

Đại diện Nhà thầu phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp đã được xác định ở Khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ]. Nếu những người được uỷ quyền của đại diện Nhà thầu không thông thạo ngôn ngữ nói trên, thì Nhà thầu phải yêu cầu phiên dịch có năng lực luôn có mặt trong mọi thời gian làm việc với số lượng mà Chủ đầu tư cho là đủ.

4.4. Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được ký giao lại hợp đồng cho thầu phụ để thực hiện quá tỉ lệ được quy định trong Dữ liệu hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những hoạt động hoặc sai sót của bất kỳ Nhà thầu phụ nào cũng như các đại lý và nhân viên của họ như là các hoạt động hoặc sai sót này là của chính bản thân Nhà thầu. Trừ phi được nêu khác đi trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu sẽ không bị yêu cầu đạt được sự đồng ý về các nhà cung cấp vật liệu hoặc về một hợp đồng phụ mà trong đó Nhà thầu phụ đã được ghi tên trong Hợp đồng.
- (b) cần phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các Nhà thầu phụ khác được đề nghị.
- (c) Nhà thầu phải gửi thông báo cho Chủ đầu tư không ít hơn 28 ngày trước ngày dự định bắt đầu làm việc của mỗi Nhà thầu phụ về bắt đầu công việc đó tại công trường và

(d) mỗi hợp đồng phụ phải có các quy định có thể cho phép Chủ đầu tư yêu cầu hợp đồng phụ được nhượng lại cho Chủ đầu tư theo Khoản 4.5 [*Nhượng lại lợi ích của hợp đồng phụ*] (nếu hoặc khi có thể có thể áp dụng được), hoặc, trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng*].

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các yêu cầu mà Nhà thầu phải áp dụng theo Khoản 1.12 [*những chi tiết bí mật*] áp dụng như nhau đối với mỗi nhà thầu phụ.

Tại nơi có thể thực hiện được, Nhà thầu cần tạo cơ hội công bằng và hợp lý cho các nhà thầu của nước sở tại được chỉ định làm Nhà thầu phụ.

4.5. Thầu phụ được chỉ định

4.5.1. Nguyên tắc chung

Nếu nghĩa vụ của Nhà thầu phụ kéo dài vượt quá ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót có liên quan, và trước ngày hết hạn, Chủ đầu tư chỉ dẫn cho Nhà thầu nhượng lại lợi ích của các nghĩa vụ đó cho Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải thực hiện. Trừ phi được nêu khác đi trong việc nhượng lại, Nhà thầu sẽ không còn nghĩa vụ pháp lý với Chủ đầu tư về công việc do Nhà thầu phụ thực hiện, sau khi việc nhượng lại có hiệu lực.

4.5.2. Định nghĩa “Nhà thầu phụ được chỉ định”

Trong Hợp đồng, “Nhà thầu phụ được chỉ định” là một Nhà thầu phụ:

(a) được nêu trong Hợp đồng là một Nhà thầu phụ được chỉ định, hoặc

4.5.3. được Chủ đầu tư theo Điều 13 [*Thay đổi và điều chỉnh*] chỉ dẫn cho Nhà thầu thuê làm theo Điều 4.5.3 [*Phản đối việc chỉ định*]

Nhà thầu không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải thuê một Nhà thầu phụ được chỉ định khi Nhà thầu nêu ra ý kiến từ chối hợp lý bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư càng sớm càng tốt với những lý lẽ chi tiết để chứng minh. Việc phản đối được coi là hợp lý, nếu được đưa ra từ bất cứ một vấn đề nào sau đây (trong số những vấn đề khác), trừ phi Chủ đầu tư đồng ý bồi thường cho Nhà thầu về những hậu quả từ vấn đề đó nảy sinh.

(a) có lý do để tin rằng Nhà thầu phụ không đủ khả năng, nguồn lực hoặc sức mạnh tài chính;

(b) hợp đồng phụ không nêu ra là Nhà thầu phụ được chỉ định sẽ bồi thường cho Nhà thầu về những hậu quả từ sự thiếu thận trọng hoặc sự sử dụng hàng hoá không đúng mục đích, do Nhà thầu phụ, các đại lý hoặc nhân viên của Nhà thầu phụ gây ra.

(c) hợp đồng phụ không nêu ra rằng, đối với công việc của Hợp đồng phụ (gồm cả thiết kế, nếu có) Nhà thầu phụ được chỉ định sẽ:

(i) cam kết với Nhà thầu những trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý mà sẽ giúp cho Nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng, và

(ii) bồi thường cho Nhà thầu về tất cả trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý này sinh từ Hợp đồng hoặc có liên quan đến Hợp đồng và từ những hậu quả

của bất kỳ sự không thành công nào của Nhà thầu phụ trong việc thực hiện các nghĩa vụ hoặc hoàn thành các trách nhiệm pháp lý đó.

4.5.4. Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định

Nhà thầu sẽ thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định các khoản tiền mà Chủ đầu tư xác định là phải trả theo hợp đồng phụ. Các khoản tiền này cộng với các khoản thanh toán khác sẽ được đưa vào trong Giá Hợp đồng theo điểm (b) của Khoản 13.5 [*Khoản tạm tính*], trừ trường hợp được nêu trong Khoản 5.4 [*Bảng chứng thanh toán*].

4.5.5. Bảng chứng thanh toán

Trước khi phát hành một Chứng chỉ thanh toán bao gồm một khoản tiền có thể trả cho Nhà thầu phụ được chỉ định, Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bằng chứng hợp lý rằng Nhà thầu phụ được chỉ định đã nhận được tất cả các khoản được hưởng phù hợp với những Chứng chỉ thanh toán trước đây, trừ đi khoản bị giảm bớt được áp dụng để giữ lại hoặc cách khác. Trừ phi Nhà thầu:

- (a) nộp cho Chủ đầu tư bằng chứng hợp lý này, hoặc:
- (b) (i) giải thích với Chủ đầu tư bằng văn bản rằng Nhà thầu được hưởng một cách hợp lý quyền giữ lại hoặc từ chối thanh toán các khoản này và
(ii) nộp cho Chủ đầu tư bằng chứng hợp lý rằng Nhà thầu phụ được chỉ định đã được thông báo về quyền đó của Nhà thầu.

Sau đó Chủ đầu tư có thể (theo sự suy xét duy nhất của mình) thanh toán, trực tiếp cho Nhà thầu phụ được chỉ định, một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền đã được xác nhận dưới đây (trừ khoản khấu trừ được áp dụng) là khoản được hưởng của Nhà thầu phụ được chỉ định mà Nhà thầu đã không đệ trình được các bằng chứng như đã nêu ở đoạn phụ (a) hoặc (b) trên đây. Nhà thầu sau đó phải thanh toán lại cho Chủ đầu tư khoản tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ được chỉ định

4.6. Hợp tác

Như đã được xác định trong Hợp đồng hoặc theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải tạo các cơ hội thích hợp cho việc thực hiện công việc đối với:

- (a) nhân lực của Chủ đầu tư
- (b) các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và
- (c) các nhân viên của những cơ quan công quyền được thiết lập một cách hợp pháp

là những người có thể được thuê làm công việc nào đó, không có trong Hợp đồng, ở trên hoặc gần công trường

Bất kỳ chỉ dẫn nào như vậy sẽ tạo nên một biến đổi, có thể và tới một mức độ làm cho Nhà thầu phải chịu chi phí không lường trước được. Các dịch vụ cho những người này và cho các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị Nhà thầu, công trình tạm hoặc bố trí đường vào là những thứ thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.



Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về các hoạt động tại Công trường, và sẽ kết hợp các hoạt động của mình với các Nhà thầu khác trong phạm vi (nếu có) được mô tả trong Chỉ dẫn Kỹ thuật ⁶

Nếu theo hợp đồng, Chủ đầu tư được yêu cầu giao cho Nhà thầu sử dụng phần móng, kết cấu, thiết bị hoặc phương tiện tiếp cận nào đó phù hợp với tài liệu Nhà thầu, thì Nhà thầu phải nộp các tài liệu đó cho Chủ đầu tư theo đúng thời gian và cách được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật.

4.7. Định vị các mốc

Nhà thầu phải xác định các mốc công trình theo các điểm gốc, tuyến và cao trình được xác định trong Hợp đồng hoặc do Chủ đầu tư thông báo. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm định vị đúng toàn bộ các hạng mục của công trình và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào về vị trí, cao trình, kích thước hoặc xác định tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào trong các mục được chỉ định hoặc thông báo để tham chiếu đó, nhưng Nhà thầu phải có những cố gắng thích hợp để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí do phải thực hiện công việc nảy sinh vì những sai sót trong những mục để tham chiếu đó và một Nhà thầu có kinh nghiệm không thể (một cách hợp lý) phát hiện ra sai sót đó và tránh khỏi sự chậm trễ và/hoặc chi phí đó thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] về:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho mọi sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*] và
- (b) thanh toán mọi chi phí, những chi phí này sẽ được đưa vào trong Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) xem có phải và (nếu đúng như vậy) thì tới mức nào mà sai sót không thể được phát hiện một cách hợp lý, và (ii) những vấn đề được mô tả ở đoạn phụ (a) và (b) trên đây liên quan đến phạm vi này.

4.8. Các quy định về an toàn

Nhà thầu phải:

- (a) tuân thủ tất cả các quy định an toàn được áp dụng.
- (b) chú ý bảo đảm an toàn cho tất cả những người được quyền có mặt trên công trường.
- (c) có biện pháp hợp lý giữ cho công trường và công trình khỏi bị những trở ngại không cần thiết để tránh nguy hiểm cho người đó.
- (d) làm hàng rào bảo vệ, hệ thống chiếu sáng, bảo vệ, canh gác công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao công trình theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*] và

⁶ Đoạn này được bổ sung từ EPC 1999



- (e) làm mọi công trình tạm (bao gồm đường ô tô, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) có thể cần thiết, cho việc thi công công trình, cho việc sử dụng và bảo vệ công chúng, những người sở hữu và cư trú ở khu đất liền kề.

4.9. Đảm bảo chất lượng

Nhà thầu phải lập hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với các yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải phù hợp với các chi tiết được nêu trong Hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong hệ thống này.

Chi tiết của tất cả các trình tự và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hệ thống đó phải được trình lên Chủ đầu tư để thông tin trước khi mỗi giai đoạn thiết kế và thi công bắt đầu. Khi bất kỳ tài liệu mang tính chất kỹ thuật nào được gửi cho Chủ đầu tư, thì bằng chứng về việc chính Nhà thầu đã phê duyệt trước khi gửi, phải được thể hiện rõ ràng trong tài liệu.

Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không hề miễn giảm cho Nhà thầu khỏi các nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.

4.10. Dữ liệu về công trường

Chủ đầu tư, trước Ngày cơ sở, phải có sẵn thông báo cho Nhà thầu tất cả các số liệu có liên quan, thuộc sở hữu của Chủ đầu tư, về điều kiện ngầm dưới đất và thủy văn tại công trường, bao gồm cả về mặt môi trường. Tương tự như vậy, Chủ đầu tư sẽ phải có sẵn cho Nhà thầu tất cả các số liệu mà sẽ là của Chủ đầu tư, sau Ngày cơ sở. Nhà thầu phải có trách nhiệm diễn giải các số liệu được cung cấp.

Trong phạm vi có thể thực hiện được (có tính đến chi phí và thời gian), Nhà thầu được coi là đã có được tất cả những thông tin cần thiết về những rủi ro, bất trắc và những tình huống khác có thể ảnh hưởng hoặc tác động đến Hồ sơ dự thầu hoặc công trình. Cũng tới một chừng mực như vậy, Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nói trên, và đã được thỏa mãn trước khi nộp Thầu, về tất cả các vấn đề liên quan, bao gồm (không hạn chế) về:

- (a) hình dạng và bản chất của công trường, bao gồm cả các điều kiện ngầm dưới đất,
- (b) điều kiện thủy văn và khí hậu,
- (c) phạm vi và tính chất của công việc và hàng hoá cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót,
- (d) các Luật, thủ tục và thông lệ lao động của nước sở tại, và
- (e) các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn ở, phương tiện, nhân lực, điện, giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm xác minh, diễn giải các dữ liệu như vậy. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hay toàn bộ dữ liệu như vậy, trừ những dữ liệu được nêu trong khoản 5.1 [Trách nhiệm thiết kế tổng hợp]⁷

4.11. Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp nhận

Nhà thầu được coi là đã:

⁷ Đoạn này được bổ sung và được trích từ EPC 1999



(a) thoả mãn về tính chất đúng và đủ của Giá Hợp đồng được chấp nhận, và

(b) Căn cứ Giá Hợp đồng được chấp nhận trên cơ sở dữ liệu, sự diễn giải, các thông tin cần thiết, kiểm tra, xem xét và sự thoả mãn về tất cả các vấn đề có liên quan được tham chiếu ở Khoản 4.10 [Dữ liệu về công trường].

Trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng, Giá Hợp đồng được chấp thuận bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng (gồm cả nghĩa vụ theo tiền tạm tính, nếu có) và tất cả những gì cần thiết cho việc thi công và hoàn thành một cách thích hợp công trình và việc sửa chữa các sai sót.

4.12. Điều kiện vật chất không lường trước được:

Trong Khoản này, “các điều kiện vật chất” là các điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo, những trở ngại vật chất khác cũng như chất gây ô nhiễm mà Nhà thầu gặp phải tại công trường khi thi công công trình, bao gồm cả các điều kiện ngầm dưới đất, điều kiện thủy văn nhưng không kể các điều kiện khí hậu.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện vật chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể được.

Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện vật chất sao cho Chủ đầu tư có thể thẩm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện vật chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công công trình, sử dụng các biện pháp thoả đáng và hợp lý và là thích ứng với các điều kiện vật chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra: Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì áp dụng theo Điều 13 [Thay đổi và điều chỉnh]

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện vật chất không lường trước được, và tới mức độ gửi thông báo về việc đó, và bị chậm trễ và /hoặc gánh chịu chi phí do các điều kiện này gây nên, thì Nhà thầu được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [Kiểu nại của Nhà thầu] về:

(a) gia hạn thời gian để bù cho bất kỳ sự chậm trễ nào như vậy, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], và

(b) thanh toán bất kỳ chi phí nào như vậy và được đưa vào Giá Hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo như vậy và thẩm tra và /hoặc khảo sát các điều kiện vật chất này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc quyết định xem (i) và (nếu đúng như vậy) thì tới mức độ nào điều kiện vật chất này là không thể lường trước được, và (ii) những vấn đề mô tả ở khoản phụ (a) và (b) trên liên quan đến mức độ này.

Tuy nhiên, trước khi chi phí bổ sung được chấp nhận hoặc quyết định lần cuối cùng theo đoạn phụ (ii), Chủ đầu tư cũng có thể xem xét lại xem có phải những điều kiện vật chất khác ở các phần tương tự của công trình (nếu có) là thuận lợi hơn và đã có thể được dự tính trước một cách hợp lý, khi Nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu. Nếu và tới chừng mực là những điều kiện thuận lợi hơn đó đã xảy ra, Nhà thầu vẫn có thể thực hiện phù hợp với Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc quyết định giảm bớt chi phí, sinh ra do những điều kiện này, có thể được đưa vào (trừ bớt) trong Giá Hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. tuy nhiên, hệ quả thực của toàn

bộ sự điều chỉnh theo đoạn phụ (b) và toàn bộ khoản trừ bớt này, đối với các điều kiện tự nhiên gặp phải trong các phần tương tự của công trình, sẽ không còn dẫn đến sự giảm giá thực trong Giá Hợp đồng.

Chủ đầu tư có thể tính đến bất kỳ bằng chứng nào của những điều kiện vật chất được Nhà thầu thấy trước khi giao nộp Hồ sơ dự thầu và có thể Nhà thầu có được, nhưng không ràng buộc bởi bất kỳ bằng chứng nào như vậy.

4.13. Quyền về đường đi và phương tiện⁸

Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cung cấp đường đi vào và quyền sử dụng đường đi tại Công trường bao gồm quyền đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời cần thiết để thực hiện Công trình. Nhà thầu sẽ phải có được, bằng chi phí và rủi ro tự chịu, các phương tiện bổ sung bên ngoài công trường mà Nhà thầu có thể cần đến cho mục đích thi công công trình.

4.14. Tránh can thiệp

Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không phù hợp với:

- (a) sự thuận tiện của công chúng; hoặc
- (b) việc tiếp cận sử dụng và chiếm lĩnh tất cả đường sá, lối đi, bất kể thuộc loại công cộng hay thuộc sở hữu của Chủ đầu tư hoặc người khác.

Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí hợp pháp) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

4.15. Đường vào công trường

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về sự thích hợp và có sẵn của các tuyến đường vào công trường vào ngày Cơ sở. Nhà thầu phải có các nỗ lực hợp lý để tránh làm cho mọi cầu hoặc đường khỏi bị hư hỏng do phương tiện giao thông vận tải hoặc nhân lực của Nhà thầu gây ra. Các nỗ lực này bao gồm cả việc sử dụng các loại xe và tuyến đường thích hợp.

Trừ phi được quy định khác trong Điều kiện này:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các Bên) chịu trách nhiệm về bất kỳ việc bảo trì nào có thể được đòi hỏi cho việc Nhà thầu sử dụng các tuyến đường vào.
- (b) Nhà thầu phải làm các biển báo hoặc chỉ dẫn cần thiết dọc theo đường vào và xin được mọi cấp phép cần thiết của các nhà chức trách có thẩm quyền về việc sử dụng các tuyến đường, biển báo, và chỉ dẫn.
- (c) Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếu nại nào có thể phát sinh từ việc sử dụng hoặc điều gì khác đối với bất kỳ tuyến đường vào nào.
- (d) Chủ đầu tư không đảm bảo sự phù hợp và sự sẵn có của các tuyến đường vào riêng biệt nào, và
- (e) chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn để sử dụng theo yêu cầu của Nhà thầu, đối với các đường vào sẽ do Nhà thầu phải gánh chịu.

4.16. Vận chuyển hàng hoá

⁸ Điều khoản này áp dụng theo EPC 1999



Trừ phi được quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không ít hơn 21 ngày, trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục chính của hàng hóa khác sẽ được giao đến công trường,
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, tiếp nhận bốc dỡ, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết cho công trình; và
- (c) Nhà thầu phải bồi thường và bảo đảm cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do việc vận chuyển hàng hoá, và sẽ đàm phán và trả cho mọi khiếu nại nảy sinh do việc vận chuyển chúng.

4.17. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị Nhà thầu. Khi đã được đưa đến công trường, thiết bị Nhà thầu được coi là dành riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển khỏi công trường bất kỳ một hạng mục thiết bị chủ yếu nào của thiết bị Nhà thầu nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với các xe cộ vận chuyển hàng hoá hoặc nhân lực Nhà thầu ra khỏi công trường.

4.18. Bảo vệ Môi trường

Nhà thầu phải thực hiện những bước hợp lý nhằm bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài công trường) và hạn chế hư hại, ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và những hậu quả khác do hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải bảo đảm rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu gây ra không vượt quá giới hạn được chỉ ra trong Chỉ dẫn kỹ thuật, và không vượt quá giới hạn được quy định trong Luật áp dụng.

4.19. Điện, nước và khí đốt

Trừ những trường hợp được nêu ra dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ điện, nước và các dịch vụ khác Nhà thầu có thể cần đến cho các hoạt động xây dựng và phạm vi được xác định trong Chỉ dẫn kỹ thuật, cho cách hoạt động thử nghiệm.

Nhà thầu có quyền sử dụng vì mục đích của công trình, các dịch vụ như cung cấp điện, nước, khí đốt, các dịch vụ khác có thể có sẵn tại công trường mà đối với những thứ đó các chi tiết và giá cả được ghi trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Bằng chi phí và rủi ro tự chịu, Nhà thầu phải cung cấp các thiết bị cần thiết để Nhà thầu sử dụng các dịch vụ này và để đo khối lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả (theo các giá nói trên) cho các dịch vụ như vậy sẽ do Nhà tư vấn thoả thuận hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.3 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải trả các khoản này cho Chủ đầu tư.

4.20. Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải làm sao cho thiết bị Chủ đầu tư (nếu có) có sẵn để Nhà thầu sử dụng trong thi công công trình phù hợp với các chi tiết nội dung, bố trí sắp xếp và

giá cả đã được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Trừ phi được quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật:

- (a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị của Chủ đầu tư, trừ trường hợp:
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng mục thiết bị của Chủ đầu tư khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển hoặc quản lý, kiểm tra thiết bị đó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (theo giá đã được quy định) cho việc sử dụng thiết bị Chủ đầu tư sẽ do Chủ đầu tư thỏa thuận và quyết định phù hợp với Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.3 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán các khoản này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư sẽ cung cấp, không phải trả tiền, các vật liệu “cung cấp tự do” (nếu có) phù hợp với các nội dung được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Bằng chi phí và rủi ro tự chịu, Chủ đầu tư sẽ cung cấp những vật liệu này vào thời gian và địa điểm được nêu trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ kiểm tra bằng mắt các vật liệu này, và phải thông báo nhanh chóng cho Chủ đầu tư biết về sự thiếu số lượng. Sai sót, hoặc không có của các loại vật liệu này. Trừ phi hai Bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư sẽ phải khắc phục ngay những thiếu số lượng, sai sót hoặc lỗi đã được thông báo cho biết.

Sau cuộc kiểm tra bằng mắt đó, các loại vật liệu được cấp tự do sẽ chuyển cho Nhà thầu giữ gìn bảo quản và kiểm tra. Nghĩa vụ của Nhà thầu trong việc giữ gìn bảo quản, và kiểm tra sẽ không miễn cho Chủ đầu tư tránh khỏi trách nhiệm pháp lý về sự thiếu số lượng, sai sót hoặc lỗi mà không thể thấy rõ khi kiểm tra bằng mắt thường.

4.21. Báo cáo tiến độ

Trừ phi được quy định khác trong Điều kiện riêng, báo cáo tiến độ hàng tháng phải được Nhà thầu lập và gửi cho Chủ đầu tư thành sáu bản. Báo cáo đầu tiên phải bao trùm giai đoạn tính đến cuối tháng thứ nhất theo lịch, tiếp sau Ngày khởi công. Sau đó các báo cáo sẽ được gửi hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong vòng 7 ngày kể từ ngày cuối cùng của quãng thời gian mà báo cáo đề cập tới.

Việc báo cáo sẽ tiếp tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành xong toàn bộ công việc được nêu ra là những việc còn dở dang vào ngày hoàn thành, được nêu ra trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Mỗi báo cáo phải bao gồm:

- (a) sơ đồ và miêu tả chi tiết tiến trình, bao gồm mỗi giai đoạn thiết kế, tài liệu Nhà thầu, việc mua sắm, gia công chế tạo, cung cấp đến công trường, thi công, lắp đặt, thử nghiệm và bao gồm các giai đoạn của công việc được thực hiện bởi từng Nhà thầu phụ được chỉ định (như được xác định trong Điều 4.5 [*Nhà thầu phụ được chỉ định*]).
- (b) các bức chụp tình hình gia công, chế tạo và tiến độ trên công trường;
- (c) đối với việc gia công chế tạo mỗi hạng mục chính của thiết bị và vật tư, tên nhà sản xuất, nơi chế tạo, phần trăm tiến độ và ngày thực tế hoặc dự kiến của các việc như:
 - (i) bắt đầu gia công chế tạo,

- (ii) kiểm tra của Nhà thầu,
- (iii) thử nghiệm; và
- (iv) xếp hàng xuống tàu và đến công trường;
- (d) các nội dung nêu trong Khoản 6.10 [*Hồ sơ Nhân lực và thiết bị Nhà thầu*]
- (e) các bản sao của tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thí nghiệm và chứng chỉ của các loại vật liệu.
- (f) bản liệt kê các thay đổi và các thông báo được đưa ra theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và các thông báo được đưa ra theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*].
- (g) số liệu thống kê về an toàn, bao gồm những chi tiết về các sự cố nguy hiểm, các hoạt động có liên quan về mặt môi trường và quan hệ công cộng; và
- (h) so sánh tiến độ thực tế với tiến độ theo kế hoạch, cùng với các chi tiết về mọi sự việc hoặc tình huống có thể cản trở tới việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục chậm trễ.

4.22. An ninh công trường

Trừ phi được quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu có trách nhiệm giữ cho những người không có nhiệm vụ không được vào công trường, và
- (b) Những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi nhân lực của Nhà thầu, của Chủ đầu tư và những người do Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có trách nhiệm của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên công trường.

4.23. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu chỉ giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung nào Nhà thầu có thêm được và được sự đồng ý của Chủ đầu tư để làm khu vực làm việc. Nhà thầu cần có sự cẩn trọng cần thiết để giữ cho thiết bị Nhà thầu và nhân lực Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung, và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường khỏi bị các cản trở không cần thiết và phải lưu kho, sắp xếp mọi thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải thu dọn và đưa đi khỏi công trường các phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm không còn cần đến nữa.

Sau khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa ra khỏi những bộ phận nào của công trường và công trình mà Chứng chỉ nghiệm thu đã đề cập, tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể giữ lại trên công trường trong Thời hạn thông báo sao sót các hàng hoá cần thiết để hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.24. Cổ vật



Tất cả các cổ vật, đồng tiền, vật phẩm quý hoặc cổ, các cấu trúc, di vật khác hoặc đồ vật được sự quan tâm về mặt địa chất hoặc khảo cổ, phát hiện được ở công trường, phải được đặt dưới sự giữ gìn cẩn thận và thuộc phạm vi chức trách của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải có sự cân trọng thích hợp để không cho nhân lực Nhà thầu hoặc những người khác mang đi hoặc làm hỏng những thứ tìm được đó.

Ngay sau khi phát hiện ra bất cứ một vật gì như vậy, Nhà thầu phải nhanh chóng thông báo cho Chủ đầu tư, là người sẽ đưa ra các chỉ dẫn để giải quyết. Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí thêm vì thực hiện những chỉ dẫn đó, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và có quyền được hưởng theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] để:

- (a) Gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ đó nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm lại; theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], và
- (b) thanh toán chi phí cho những việc xảy ra như vậy và được đưa vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc xác định các vấn đề này.

5. THIẾT KẾ

5.1 Nghĩa vụ thiết kế tổng thể

Nhà thầu được coi là xem xét kỹ lưỡng, trước ngày Cơ sở, Các Nghĩa vụ theo Yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm tiêu chuẩn thiết kế, tính toán, nếu có). Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về thiết kế Công trình và về độ chính xác Các yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm tiêu chuẩn thiết kế, tính toán) trừ các khoản nêu dưới đây.

Chủ đầu tư sẽ không chịu bất kỳ sự sai sót, không chính xác, sự thiếu sót hay bất cứ điều tương tự trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư như nguyên bản bao gồm trong Hợp đồng và sẽ không đưa ra sự trình bày về tính chính xác hay đầy đủ của bất kỳ dữ liệu hay thông tin ngoại trừ được nêu dưới đây. Bất kỳ dữ liệu hay thông tin được nhận bởi Nhà thầu từ Chủ đầu tư hay ai khác, cũng sẽ không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu thiết kế và thực hiện Công trình.

Tuy nhiên, Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của các phần sau đây trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư và các dữ liệu và thông tin sau đây được cung cấp bởi (đại diện) Chủ đầu tư:

1. Các phần, dữ liệu, thông tin được nêu trong Hợp đồng được xem là không thay đổi hay trách nhiệm của Chủ đầu tư.
2. định nghĩa về những mục đích được dự định của Công trình hay bất kỳ phần nào thuộc nó,
3. Tiêu chuẩn cho thử nghiệm hay hình thành cho Công trình hoàn thành, và các phần, dữ liệu, thông tin mà không thăm tra được bởi Nhà thầu, trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng.

5.2 Hồ sơ của Nhà thầu



Nhà thầu sẽ biên tập các Hồ sơ kỹ thuật theo mô tả trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, các hồ sơ được yêu cầu thỏa mãn tất cả các quy định quy phạm, hồ sơ được mô tả trong khoản 5.6 [Hồ sơ hoàn công] và khoản 5.7 [Hướng dẫn hoạt động và bảo dưỡng]. Trừ khi có quy định khác nêu trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ nhà thầu sẽ được viết theo ngôn ngữ nêu trong khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ].

Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị Hồ sơ của Nhà thầu, và cũng phải chuẩn bị bất kỳ các hồ sơ khác cần thiết để hướng dẫn Nhân lực của Nhà thầu.

Nếu Các yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả Hồ sơ của Nhà thầu được trình cho Chủ đầu tư để xem qua, chúng sẽ được đệ trình theo đó cùng với ghi chú mô tả bên dưới. Theo khoản này, (i) “ thời gian xem qua” là khoản thời gian được yêu cầu theo Chủ đầu tư xem qua, và (ii) “ Hồ sơ của Nhà thầu” không bao gồm bất kỳ tài liệu mà không được mô tả được yêu cầu đệ trình để xem qua.

Trừ khi có yêu cầu khác nêu trong Các Yêu cầu của Chủ đầu tư, mỗi thời gian xem qua không quá 21 ngày, tính từ ngày Chủ đầu tư nhận được 1 Hồ sơ của Nhà thầu và thông báo của Nhà thầu. Thông báo này sẽ phải nêu rằng Hồ sơ của Nhà thầu đã sẵn sàng, cho việc xem qua theo khoản này và để sử dụng. Thông báo cũng nêu rằng Hồ sơ của Nhà thầu phù hợp với Hợp đồng, hay những phạm vi mà không tuân theo.

Chủ đầu tư có thể, trong vòng thời gian xem qua, thông báo cho Nhà thầu rằng Hồ sơ của Nhà thầu không (trong phạm vi nêu) tuân thủ Hợp đồng. Nếu Hồ sơ của Nhà thầu không tuân thủ như vậy, nó sẽ phải sửa lại, nộp lại, xem lại theo khoản này, với chi phí của Nhà thầu.

Mỗi phần Công trình, trừ phạm vi các Bên có sự thỏa thuận khác:

- a. thực hiện các phần việc như vậy của Công trình sẽ không bắt đầu trước thời hạn của thời gian xem lại của toàn bộ Hồ sơ của Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thực hiện
- b. thực hiện các phần việc như vậy của Công trình theo Hồ sơ của Nhà thầu, đã được đệ trình để xem lại; và
- c. nếu Nhà thầu mong muốn sử đổi bất kỳ thiết kế hay hồ sơ đã đệ trình trước đó để xem qua, Nhà thầu sẽ ngay lập tức thông báo cho Chủ đầu tư. Sau đó, Nhà thầu sẽ đệ trình hồ sơ được chỉnh sửa cho Chủ đầu tư phù hợp quy trình nêu trên.

5.3 Công việc của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ thực hiện các công việc như thiết kế, biên tập Hồ sơ của Nhà thầu, thực hiện và hoàn thành công trình, phù hợp với:

- a. Luật của nước sở tại
- b. Các tài liệu hình thành nên Hợp đồng, sau khi được thay đổi, chỉnh sửa theo điều khoản Thay đổi.

5.4 Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật

Thiết kế, Hồ sơ của Nhà thầu, việc thực hiện và hoàn thành kết thúc Công trình sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, xây dựng, kết cấu xây dựng của nước sở tại, luật về môi trường, luật áp dụng đối với sản phẩm được hình thành từ Công trình, và

các tiêu chuẩn khác được mô tả trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, áp dụng cho Công trình hay được xác định trong luật áp dụng.

Tất cả các luật này sẽ, liên quan đến Công trình hay mỗi hạng mục sẽ ưu tiên khi Công trình và hạng mục được nghiệm thu bởi Chủ đầu tư theo khoản 10 [Nghiệm thu của Chủ đầu tư]. Sự tham khảo trong Hợp đồng về các tiêu chuẩn đã phát hành sẽ được hiểu là tham khảo lần xuất bản áp dụng trong ngày Cơ sở, trừ khi có quy định khác

Nếu thay đổi hay các tiêu chuẩn áp dụng mới áp dụng trong hợp đồng sau ngày Cơ sở, Nhà thầu sẽ thông báo đến Chủ đầu tư và (nếu thích hợp) đề trình đề nghị áp dụng. Trong các trường hợp như:

- a. Chủ đầu tư quyết định yêu cầu áp dụng, và
- b. đề nghị áp dụng tạo thành 1 sự thay đổi

Sau đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành sự Thay đổi theo Điều 13 [Thay đổi và Điều chỉnh].

5.5 Huấn luyện

Nhà thầu sẽ phải thực hiện huấn luyện Nhân lực của Chủ đầu tư trong việc vận hành và bảo dưỡng công trình. Nếu Hợp đồng ghi rằng việc huấn luyện thực hiện trước chuyển giao, Công trình sẽ không được xem là hoàn thành theo mục đích nghiệm thu theo khoản 10.1 [Nghiệm thu Công trình và hạng mục] cho đến khi việc huấn luyện này hoàn thành.

5.6 Hồ sơ hoàn công

Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị, và giữ 1 bộ đầy đủ, cập nhật 1 báo cáo “hoàn công” về việc thực hiện Công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ, chi tiết của công trình sau khi được thực hiện. Các báo cáo này sẽ được lưu tại Công trường và được dùng chỉ cho mục đích của này. Chủ đầu tư sẽ được cung cấp 1 bộ copy trước khi bắt đầu Thử nghiệm khi hoàn thành.

Hơn nữa, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư Bản vẽ hoàn công của Công trình, chỉ rõ tất cả các Công trình sau khi thực hiện và nộp cho Chủ đầu tư để xem qua theo mục 5.2 [Hồ sơ của Nhà thầu]. Nhà thầu sẽ nhận được sự đồng ý của Chủ đầu tư về kích cỡ của chúng, hệ thống liên quan và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi phát hành bất kỳ Chứng nhận Nghiệm thu, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư các con số chi tiết, và các loại copy của các bản vẽ hoàn công liên quan, theo như Các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được xem là hoàn thành theo mục đích nghiệm thu theo khoản 10.1 [Nghiệm thu Công trình và Hạng mục] cho đến khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu này.

5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

Trước khi bắt đầu Nghiệm thu khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ cung cấp Chủ đầu tư các hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời đầy đủ các chi tiết cho Chủ đầu tư để vận hành, duy trì, tháo dỡ, lắp ráp lại, kết nối và sửa chữa Máy móc thiết bị.

Công trình sẽ không được xem là hoàn thành cho mục đích nghiệm thu theo điều khoản 10.1 [Nghiệm thu Công trình và Hạng mục] cho đến khi Chủ đầu tư nhận được bảng hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cuối cùng chi tiết như vậy, và bất kỳ

bảng hướng dẫn khác quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư cho các mục đích này.

5.8 Sai sót thiết kế

Nếu sai sót, bỏ sót, mơ hồ, không nhất quán, không đầy đủ hay khiếm khuyết khác được tìm thấy trong Hồ sơ của Nhà thầu, Hồ sơ và Công trình sẽ được chỉnh sửa với chi phí của Nhà thầu, cho dù bất kỳ đồng ý và phê duyệt, theo điều khoản này.

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.1. Tuyển mộ nhân viên và lao động

Trừ phi được quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải thu xếp cho việc tuyển mộ tất cả các nhân viên và lao động ở địa phương hoặc ở nơi khác, trả lương, bố trí chỗ ăn ở nếu thích hợp và phương tiện đi lại cho họ.

Nhà thầu được khuyến khích, trong phạm vi hợp lý và có thể thực hiện được, tuyển dụng nhân viên và người lao động có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thích hợp từ các nguồn lực trong nước sở tại.

6.2. Mức lương và điều kiện lao động

Nhà thầu sẽ trả mức lương và tôn trọng các điều kiện lao động, không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện lao động được quy định cho các nghề và ngành công nghiệp nơi công việc của người lao động được thực hiện. Nếu không có mức lương và điều kiện lao động, không thấp hơn mức lương và điều kiện lao động chung ở địa phương mà các chủ thuê người trả cho các nghề và ngành công nghiệp tương tự như của Nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo cho nhân sự của mình về trách nhiệm pháp lý phải nộp thuế thu nhập cá nhân ở nước sở tại đối với những khoản lương tháng, tiền thưởng và trợ cấp là các khoản phí tổn phải chịu đánh thuế theo luật của nước sở tại trong thời gian có hiệu lực, và Nhà thầu phải thực hiện các nhiệm vụ này đối với các khoản khấu trừ đó mà Nhà thầu có thể phải chấp nhận theo luật.

6.3. Những người đang làm việc cho Chủ đầu tư

Nhà thầu không tuyển mộ, hoặc toan tính tuyển mộ, nhân viên và lao động từ trong những nhân sự của Chủ đầu tư

6.4. Luật lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các Luật Lao động tương ứng được áp dụng, đối với nhân lực Nhà thầu, bao gồm các Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và phải để họ được hưởng tất cả các quyền lợi hợp pháp của họ.

Nhà thầu phải yêu cầu tất cả những người làm việc cho mình chấp hành tất cả các Luật đang áp dụng, bao gồm cả các quy định liên quan đến an toàn khi làm việc

6.5. Giờ lao động

Không tiến hành làm việc trên công trường vào những ngày nghỉ của địa phương hoặc ngoài giờ làm việc bình thường được nêu trong Tài liệu Hợp đồng, trừ phi:

(a) có quy định khác trong Hợp đồng,

(b) có sự chấp thuận của Chủ đầu tư,

(c) công việc không thể tránh được hoặc cần thiết để bảo vệ tính mạng, tài sản, hoặc vì sự an toàn của công trình, trong trường hợp đó Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư biết.

6.6. Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và lao động

Trừ phi được nêu khác đi trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các phương tiện ăn ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu còn phải cung cấp các cho nhân viên của Chủ đầu tư.

Nhà thầu không được cho phép bất kỳ người nào của Nhà thầu duy trì bất kỳ khu nhà ở tạm hoặc vĩnh cửu nào trong khu các công trình tạo thành bộ phận của công trình vĩnh cửu.

6.7. Sức khỏe và an toàn lao động

Nhà thầu phải luôn có tất cả những sự cần trọng thích đáng để bảo đảm sức khỏe và an toàn cho nhân lực Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo sao cho các nhân viên y tế, phương tiện cấp cứu, phòng bệnh nhân, xe cứu thương luôn luôn có sẵn tại công trường và tại khu sinh hoạt cho các nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư, đồng thời phải bảo đảm có sự bố trí thích hợp cho tất cả phúc lợi và yêu cầu vệ sinh cần thiết và cho việc phòng chống bệnh dịch

Nhà thầu cần chỉ định một an toàn viên tại công trường, chịu trách nhiệm duy trì an toàn và bảo vệ chống tai nạn. Người này cần có đủ năng lực để hoàn thành trách nhiệm, có thẩm quyền đưa ra những chỉ dẫn và có các biện pháp bảo vệ để phòng ngừa tai nạn. Trong suốt quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ bất cứ thứ gì mà người đó yêu cầu để thực thi trách nhiệm và quyền hạn về an toàn

Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư, một cách sớm nhất có thể được, các chi tiết về bất kỳ tai nạn nào sau khi xảy ra. Nhà thầu cần duy trì việc ghi chép và làm báo cáo về tình trạng sức khỏe, an toàn và chăm sóc sức khỏe con người, về tình trạng hư hỏng tài sản, để phòng khi Chủ đầu tư yêu cầu.

Về việc phòng chống HIV-AIDS. Nhà thầu phải thực hiện chương trình tuyên truyền để mọi người nhận thức về HIV-AIDS thông qua nhà cung cấp dịch vụ được chấp thuận, và cam kết thực hiện các biện pháp khác như đã quy định trong Hợp đồng này để giảm nguy cơ do sự lan truyền của vi rút HIV giữa những nhân sự của Nhà thầu và dân địa phương, để sớm chẩn đoán được và giúp đỡ những cá nhân bị nhiễm bệnh.

Trong suốt quá trình hợp đồng (bao gồm cả giai đoạn thông báo những sai sót), Nhà thầu phải: (i) tiến hành các chiến dịch truyền thông tin, giáo dục và tư vấn, ít nhất là hàng tháng đến tất cả các nhân viên và người lao động (bao gồm tất cả người làm thuê của Nhà thầu, nhà thầu phụ, của Tư vấn, tất cả những người lái xe tải và những người giao chuyển hàng đến công trường phục vụ các hoạt động thi công) và đến cộng đồng dân cư lân cận của địa phương, về những rủi ro, nguy cơ và ảnh hưởng cũng như cách phòng tránh thích hợp đối với các căn bệnh lan truyền hoặc lây nhiễm qua đường tình dục nói chung và HIV/AIDS nói riêng; (ii) cung cấp bao cao su cho tất cả nhân viên và người lao động trên

công trường khi thích hợp; và (iii) cung cấp chương trình chiếu phim về bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV/AIDS, chẩn đoán, hướng dẫn và tham khảo chương trình cấp quốc gia về phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV/AIDS, (trừ phi có thoả thuận khác) cho tất cả nhân viên và người lao động trên công trường.

Nhà thầu phải đưa vào trong chương trình kế hoạch cần đề trình để thực hiện Công trình theo Khoản 8.3 một chương trình kế hoạch để giảm thiểu sự lây nhiễm căn bệnh qua đường tình dục, bao gồm cả HIV/AIDS cho nhân viên và người lao động trên công trường và gia đình của họ. Chương trình giảm thiểu sự lây nhiễm căn bệnh qua đường tình dục và HIV/AIDS cần chỉ rõ khi, bằng cách nào và chi phí mà Nhà thầu dự kiến để thoả mãn những yêu cầu của Khoản này và chỉ dẫn kỹ thuật có liên quan. Đối với mỗi bộ phận, chương trình sẽ trình bày chi tiết các nguồn cần được cung cấp hoặc sử dụng và bất kỳ việc ký kết hợp đồng phụ có liên quan được đề xuất. Chương trình cũng bao gồm việc cung cấp dự toán chi phí chi tiết có tài liệu hỗ trợ. Việc thanh toán cho Nhà thầu để chuẩn bị và thực hiện chương trình này sẽ không vượt quá khoản tạm tính dành cho mục đích này.

6.8. Sự giám sát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thi công công trình, và sau đó tới chừng nào còn là cần thiết để hoàn thành nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải thực hiện mọi sự giám sát cần thiết để lập kế hoạch, bố trí, hướng dẫn, quản lý, kiểm tra và thử nghiệm đối với công việc.

Việc giám sát sẽ giao cho một số lượng đầy đủ người có trình độ thoả đáng về ngôn ngữ giao tiếp (được xác định trong Khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ], về tiến hành các thao tác (bao gồm những phương pháp và kỹ thuật cần thiết, những nguy cơ có thể gặp phải và các phương pháp phòng chống tai nạn) nhằm thi công công trình một cách mỹ mãn và an toàn.

6.9. Nhân lực Nhà thầu

Nhân lực Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp tương xứng với nghề nghiệp, công việc làm của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu điều đi (hoặc buộc phải điều đi) bất kỳ người nào được thuê trên công trường hoặc công trình, bao gồm cả Đại diện Nhà thầu, nếu nằm trong diện phải xử lý, những người mà:

- (a) khăng khăng bảo vệ thái độ không đúng hoặc thiếu cẩn thận,
- (b) thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cầu thả,
- (c) không tuân thủ bất kỳ một điều khoản nào của Hợp đồng, hoặc
- (d) cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ hoặc bảo vệ môi trường.

Nếu đúng như vậy, thì sau đó Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) người thay thế thích hợp.

6.10. Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu sẽ nộp cho Chủ đầu tư, chi tiết nêu rõ số lượng mỗi cấp bậc chuyên môn của nhân lực Nhà thầu và mỗi loại thiết bị Nhà thầu có mặt trên công

trường. Báo cáo được gửi vào mỗi tháng theo lịch, theo mẫu do Chủ đầu tư chấp thuận, cho tới khi Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ những công việc mà được hiểu là công việc còn dở dang tại thời điểm hoàn thành được xác định trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

6.11. Hành vi gây rối

Nhà thầu phải luôn luôn có mọi biện pháp phòng ngừa thích hợp để phòng ngừa bất kỳ hành động phi pháp, gây rối hoặc làm mất trật tự nào gây ra do hoặc giữa các nhân viên của Nhà thầu và để bảo vệ sự yên bình cho con người và tài sản ở trên và gần công trường.

6.12. Nhân sự người nước ngoài

Nhà thầu có thể đưa vào nước sở tại bất kỳ nhân sự người nước ngoài nào cần thiết cho việc thực hiện công trình trong phạm vi cho phép bởi luật pháp áp dụng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng những nhân sự này được cấp thị thực cần thiết, giấy phép cư trú và làm việc. Nếu Nhà thầu có yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ cố gắng hết sức bằng cách thức nhanh chóng, kịp thời để hỗ trợ Nhà thầu trong việc xin giấy phép của Chính phủ, Nhà nước, địa phương để đưa nhân sự người nước ngoài vào.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cho sự trở về của những nhân sự này về nơi mà họ đã được tuyển dụng hoặc nơi cư trú của họ. Trong trường hợp bất kỳ người nào trong số những nhân sự này hoặc thành viên gia đình của họ bị chết, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tương tự trong việc thu xếp một cách thích hợp mai táng hoặc sự trở về của họ.

6.13. Cung cấp thực phẩm

Nhà thầu phải thu xếp việc cung cấp đầy đủ thực phẩm thích hợp như có thể được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật với giá cả hợp lý cho nhân sự của Nhà thầu vì mục đích hoặc có liên quan đến Hợp đồng.

6.14. Cung cấp nước

Nhà thầu, có xem xét điều kiện tại địa phương, cung cấp đầy đủ nước uống và nước sử dụng khác trên công trường cho nhân sự của Nhà thầu

6.15. Các biện pháp chống côn trùng và sâu bọ gây hại

Nhà thầu phải luôn luôn có các biện pháp phòng ngừa cần thiết để bảo vệ nhân sự của Nhà thầu trên công trường khỏi côn trùng và sâu bọ gây hại, và để giảm thiểu nguy hại cho sức khỏe của họ. Nhà thầu phải tuân thủ những quy định của cơ quan y tế địa phương, bao gồm cả việc sử dụng thuốc diệt côn trùng.

6.16. Rượu cồn hoặc ma túy

Nhà thầu sẽ không được làm những việc mà không tuân theo luật pháp của nước sở tại như nhập khẩu, bán, cho, trao đổi hoặc bằng hình thức khác bất kỳ loại rượu cồn hoặc ma túy, hoặc cho phép nhân sự của Nhà thầu nhập khẩu, bán, tặng, trao đổi hoặc chuyển nhượng.

6.17. Vũ khí và đạn dược

Nhà thầu sẽ không được cho, trao đổi hoặc bằng hình thức khác với bất kỳ người nào, bất cứ loại vũ khí hay đạn dược nào, hoặc cho phép nhân sự của Nhà thầu làm việc đó.

6.18. Lễ hội và các phong tục tôn giáo

Nhà thầu phải tôn trọng các lễ hội, ngày nghỉ và tôn giáo hoặc các phong tục khác được thừa nhận tại nước sở tại.

6.19. Thu xếp việc tang lễ

Trong phạm vi mà các quy định của địa phương yêu cầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm thu xếp việc tang lễ cho bất kỳ công nhân nào người địa phương của Nhà thầu bị chết trong khi được thuê thi công công trình.

6.20. Nghiêm cấm sử dụng lao động bị bắt buộc

Nhà thầu không được thuê “lao động bị cưỡng ép hoặc bắt buộc” dưới bất kỳ hình thức nào. “Lao động bị cưỡng ép hoặc bắt buộc” bao gồm tất cả các công việc, dịch vụ được thực hiện một cách không tự nguyện từ một cá nhân do bị đe dọa hoặc bị phạt.

6.21. Nghiêm cấm sử dụng lao động có hại cho trẻ em

Nhà thầu không được thuê bất kỳ trẻ em nào để thực hiện bất kỳ công việc nào mang tính khai thác về kinh tế, hoặc có khả năng có hại đến, hoặc ảnh hưởng đến việc giáo dục của trẻ em, hoặc có hại đến sự phát triển về sức khỏe, thể lực, tinh thần, trí tuệ đạo đức hoặc xã hội của trẻ em.

6.22. Hồ sơ tuyển dụng công nhân

Nhà thầu phải duy trì các hồ sơ đầy đủ và chính xác về việc thuê lao động tại công trường. Hồ sơ phải bao gồm tên, tuổi, giới tính, giờ công đã làm và lương trả cho tất cả công nhân. Những hồ sơ này sẽ được tổng hợp trên cơ sở hàng tháng và phải sẵn sàng để Chủ đầu tư kiểm tra trong phạm vi thời gian làm việc bình thường và các báo cáo này luôn sẵn sàng thanh tra bởi các Kiểm toán trong giờ làm việc. Những hồ sơ này phải được đưa vào theo các chi tiết mà Nhà thầu cần đệ trình theo khoản 6.10 [Hồ sơ về nhân sự và thiết bị của Nhà thầu].

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ.

7.1. Cách thức thực hiện

Nhà thầu sẽ tiến hành chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu và tất cả các việc thi công khác của công trình:

- (a) theo cách thức (nếu có) được nêu ra trong Hợp đồng,
- (b) với một cung cách thành thạo về chuyên môn và cẩn thận, đúng với khả năng thực tế đã được thừa nhận, và
- (c) với các phương tiện trang bị phù hợp và các vật liệu không nguy hiểm, trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng.

7.2. Mẫu mã



Nhà thầu phải nộp các mẫu vật liệu dưới đây và các thông tin tương ứng cho Chủ đầu tư để có sự chấp thuận, trước khi sử dụng vật liệu vào hoặc cho công trình:

(a) các tiêu chuẩn của Nhà sản xuất vật liệu và các mẫu được nêu trong Hợp đồng, tất cả do Nhà thầu chịu chi phí; và

(b) các mẫu bổ sung theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư, như là một biến đổi.

Từng mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và việc sử dụng được dự kiến trong công trình.

7.3. Giám định

Nhân lực của Chủ đầu tư, vào một thời gian thích hợp, sẽ:

(a) tiếp cận đầy đủ tới mọi bộ phận của công trường và mọi vị trí mà từ đó lấy nguyên vật liệu tự nhiên, và

(b) trong quá trình sản xuất, chế tạo và xây dựng (tại công trường hoặc nơi nào khác), có quyền kiểm tra, giám định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu.

Nhà thầu phải tạo cho người của Chủ đầu tư đầy đủ mọi cơ hội để tiến hành các hoạt động đó, bao gồm cung cấp đường vào, phương tiện, giấy phép và thiết bị an toàn. Không có hoạt động nào nêu trên có thể miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ một nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư mỗi khi một công việc nào đó đã xong trước khi được phủ lấp, hoặc không còn nhìn thấy, hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ, hoặc là tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường, hoặc thử, không được chậm trễ mà không có lý do, hoặc là thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy. Trường hợp Nhà thầu không gửi thông báo thì, nếu và khi Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu phải mở lại công trình ra, sau đó lấp lại và hoàn thiện, tất cả đều bằng chi phí của mình

7.4. Thử nghiệm

Khoản này sẽ áp dụng đối với tất cả các việc thử được xác định trong Hợp đồng, khác với các thử nghiệm sau hoàn thành (nếu có).

Ngoại trừ các quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật liệu tiêu hao, dụng cụ, lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm thích hợp, là những gì cần thiết để tiến hành có hiệu quả các cuộc thử nghiệm. Nhà thầu sẽ đồng ý, với Chủ đầu tư về thời gian địa điểm thực hiện thử nghiệm chi tiết bất kỳ thiết bị vật tư hay các bộ phận khác của Công trình.

Chủ đầu tư có thể, theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*], thay đổi địa điểm hoặc chi tiết của các cuộc thử đã được xác định, hoặc chỉ dẫn cho Nhà thầu tiến hành các cuộc thử bổ sung. Nếu những cuộc thử bổ sung hoặc có thay đổi này cho thấy thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề được thử không theo đúng với Hợp đồng, thì chi phí thực hiện sự biến đổi này sẽ do Nhà thầu chịu, bất kể những điều khoản khác của Hợp đồng.



Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu không ít hơn 24 giờ về ý định của Chủ đầu tư có tham dự các cuộc thử. Nếu Chủ đầu tư không đến tham dự vào thời gian và địa điểm đã thoả thuận thì Nhà thầu có thể tiến hành các cuộc thử, trừ phi có chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư, và sau đó, việc thử coi như đã được thực hiện với sự có mặt của Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu bị chậm tiến độ và/hoặc phải chịu chi phí do làm theo chỉ dẫn đó, hoặc là do kết quả của một sự chậm trễ mà Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi chi phí này sinh vì lý do như vậy, cộng thêm với lợi nhuận hợp lý và được đưa vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư phải xử lý theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc đưa ra quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu cần nhanh chóng gửi cho Chủ đầu tư các báo cáo về các cuộc thử nghiệm, được xác nhận theo quy định. Khi cuộc thử nghiệm, như đã được xác định, được tiến hành xong, Chủ đầu tư phải ghi ý kiến tán thành vào chứng chỉ thử của Nhà thầu, hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả thử đó. Nếu Chủ đầu tư không tham dự cuộc thử thì coi như Chủ đầu tư đã chấp nhận các số liệu thu được là chính xác.

7.5. Từ chối

Nếu kết quả kiểm tra, giám định, đo lường hoặc thử mà một thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề nào đó được phát hiện là có sai sót hoặc, theo những cách nào khác, không theo đúng Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể từ chối thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề đó bằng cách thông báo cho Nhà thầu biết, với các lý do từ chối. Nhà thầu phải nhanh chóng sửa chữa sai sót và đảm bảo cho các mục đã bị bác bỏ được xử lý cho phù hợp với Hợp đồng.

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề này cần được thử lại, thì các cuộc thử cần được tiến hành lại theo đúng các điều khoản và điều kiện như vậy. Nếu việc từ chối và thử lại làm cho Chủ đầu tư phải chịu các chi phí bổ sung thì Nhà thầu sẽ phải chịu trả theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] các chi phí này cho Chủ đầu tư.

7.6. Công việc sửa chữa

Bất kể cuộc thử hoặc chứng chỉ nào đã có trước đây, Chủ đầu tư có thể chỉ dẫn cho Nhà thầu:

- (a) đưa đi khỏi công trường và thay thế bất kỳ thiết bị hoặc vật liệu nào không theo đúng Hợp đồng.
- (b) dỡ bỏ và làm lại bất kỳ công việc nào khác mà không theo đúng Hợp đồng, và
- (c) tiến hành bất kỳ công việc nào đó được yêu cầu khẩn cấp vì sự an toàn của công trình, hoặc do một tai nạn, sự việc không lường trước được, hoặc do nguyên nhân nào khác.

Nhà thầu phải làm theo chỉ dẫn đó trong một thời gian hợp lý, đó là thời gian (nếu có) được xác định trong chỉ dẫn hoặc phải tiến hành ngay, nếu tính chất cấp bách được xác định theo đoạn phụ (c).

Nếu Nhà thầu không làm theo chỉ dẫn đó Chủ đầu tư sẽ được quyền thuê và trả tiền cho người khác thực hiện công việc. Trừ phạm vi Nhà thầu được hưởng quyền thanh toán cho công việc, Nhà thầu sẽ phải trả theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] tiền thanh toán cho Chủ đầu tư cho toàn bộ chi phí nảy sinh do không tuân thủ chỉ dẫn gây ra.

7.7. Quyền sở hữu về thiết bị và vật liệu

Trừ khi có quy định khác trong hợp đồng, Mỗi danh mục thiết bị hoặc vật liệu, trong phạm vi phù hợp với Luật của nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, trong bất kỳ trường hợp nào xảy ra sớm hơn những thời điểm sau đây, mà không bị cầm giữ hoặc gây trở ngại:

- (a) khi thiết bị hoặc vật liệu được cung cấp đến công trường.
- (b) khi Nhà thầu được thanh toán giá trị tương ứng của thiết bị và vật liệu theo Khoản 8.10 [*Thanh toán đối với thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công trình*].

7.8. Lệ phí sử dụng

Trừ phi được quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải trả toàn bộ lệ phí sử dụng, tiền thuê và các khoản thanh toán khác cho:

- (a) vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài công trường, và
- (b) các vật liệu thải từ việc phá dỡ, đào bới và vật liệu thừa khác (dù là tự nhiên hoặc nhân tạo), trừ trường hợp khu đổ phế thải nằm ở trong công trường như được quy định trong Hợp đồng.

8. KHỞI CÔNG, CHẠM TRỄ VÀ TẠM DỪNG

8.1 Khởi công

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu ít nhất 7 ngày về ngày khởi công. Trừ khi có qui định khác trong Điều kiện cụ thể, ngày khởi công sẽ ở trong vòng 42 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận.

Ngoại trừ có quy định khác trong Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng, Ngày khởi công sẽ là ngày các điều kiện tiên quyết hội tụ đầy đủ và Nhà thầu nhận được Hướng dẫn của Chủ đầu tư cho biết thỏa thuận của Các bên đầy đủ và hướng dẫn bắt đầu công trình bao gồm:

- a. Việc ký kết thỏa thuận hợp đồng bởi các Bên và nếu được yêu cầu, phê duyệt Hợp đồng bởi các cơ quan chính quyền liên quan của Nước sở tại.
- b. Giao cho Nhà thầu bằng chứng hợp lý về sắp xếp Tài chính của Chủ đầu tư theo khoản 2.4 [*Sắp xếp tài chính của Chủ đầu tư*].
- c. Trừ khi có quy định khác Dữ liệu hợp đồng và việc sở hữu Công trường cho Nhà thầu cùng với những cho phép như vậy theo khoản 1.13 [*Tuân thủ theo Luật*] được yêu cầu cho khởi công Công trình.

- d. Biên nhận của nhà thầu về Thanh toán tiền tạm ứng theo khoản 14.2 (Thanh toán tạm ứng) cho biết rằng Nhà thầu đã chuyển đảm bảo ngân hàng tương ứng.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thiết kế và thực hiện toàn bộ công trình ngay trên cơ sở thực tế sau ngày khởi công và sẽ thực hiện công trình đúng thời hạn mà không được chậm trễ.

8.2 Thời gian hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình, và mỗi hạng mục (nếu có) trong khoảng Thời hạn hoàn thành công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) bao gồm:

- (a) đã qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng như được yêu cầu cho công trình hoặc hạng mục để được xem xét là đã hoàn thành cho các mục đích nghiệm thu theo Khoản 10.1 [Nghiệm thu công trình và các hạng mục]

8.3 Chương trình kế hoạch⁹

Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư chương trình kế hoạch thời gian chi tiết trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [Khởi công]. Nhà thầu cũng sẽ trình chương trình thời gian đã được sửa đổi nếu chương trình kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi chương trình kế hoạch sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu sẽ tiến hành để thực hiện công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình
- (b) thời gian để xem lại theo Điều khoản 5.2 [Hồ sơ của Nhà thầu]
- (c) trình tự và thời gian biểu kiểm tra và thử nghiệm được nêu cụ thể trong Hợp đồng và,
- (d) báo cáo hỗ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng và các giai đoạn chính của Công trình, và
 - (ii) các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Nhà thầu về số lượng mỗi loại nhân công của Nhà thầu và mỗi loại thiết bị của Nhà thầu cho mỗi giai đoạn chính.

Trừ phi Chủ đầu tư, trong vòng 21 ngày sau khi nhận được chương trình kế hoạch, thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình kế hoạch và nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Người của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình kế hoạch khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu đối với công việc, hay làm tăng giá Hợp đồng hoặc làm chậm trễ việc thi công công trình. Trong trường

⁹ Trích từ điều khoản 8.3 [Chương trình] trong EPC 1999

hợp này hoặc nếu Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu rằng chương trình kế hoạch đã không tuân thủ (trong phạm vi đã định) với Hợp đồng hoặc không phù hợp với tiến độ thực tế và những ý định đã nêu của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải trình một chương trình kế hoạch được sửa đổi cho Chủ đầu tư theo Khoản này.

8.4 Gia hạn thời gian hoàn thành

Nhà thầu sẽ được phép theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn thời gian hoàn thành nêu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) Có sự thay đổi (trừ phi việc điều chỉnh thời gian hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục thay đổi*]).
- (b) Nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được kéo dài thêm về mặt thời gian theo một Khoản của những Điều kiện này
- (c) Trong những điều kiện thời tiết xấu bất thường
- (d) Việc thiếu nhân lực hay hàng hoá không thể lường trước được do các hoạt động của Chính phủ hay dịch bệnh gây ra
- (e) Sự chậm trễ, trở ngại hoặc cản trở trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy kết

Nếu nhà thầu tự coi như mình đã được phép gia hạn thời gian hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc kéo dài thời gian theo Khoản 20.1, Chủ đầu tư phải xem xét lại những quyết định trước đó của mình và có thể tăng, chứ không được giảm tổng thời gian kéo dài.

8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) nhà thầu đã thực hiện đúng các thủ tục do các nhà chức trách tại nước sở tại quy định
- (b) các nhà chức trách này đã làm chậm trễ hoặc đổ vỡ công việc của Nhà thầu, và
- (c) việc chậm trễ hoặc đổ vỡ là không thể biết trước được

khi đó việc chậm trễ hoặc đổ vỡ này sẽ được coi là nguyên nhân gây chậm trễ theo phần (b) của Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*]

8.6 Tiến độ thực hiện

Nếu, bất cứ lúc nào:

- (a) tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành công việc trong khoảng thời gian hoàn thành, và/hoặc
- (b) tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với chương trình kế hoạch hiện tại theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*]

mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], khi đó Chủ đầu tư có thể hướng dẫn cho Nhà thầu, theo Khoản 8.3

[Chương trình tiến độ], trình một chương trình được sửa đổi và báo cáo hỗ trợ mô tả các phương pháp được sửa đổi mà Nhà thầu đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành.

Trừ phi Chủ đầu tư có thông báo khác, Nhà thầu sẽ áp dụng những phương pháp đã được sửa đổi này, mà chúng có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng nhân lực của Nhà thầu và/hoặc hàng hoá mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và mọi chi phí. Nếu những phương pháp được sửa đổi này dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư, theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư], Nhà thầu sẽ phải thanh toán những chi phí này cho Chủ đầu tư, ngoài những thiệt hại do việc chậm trễ gây ra (nếu có) theo Khoản 8.7 dưới đây.

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 8.2 [Thời gian hoàn thành], thì Nhà thầu theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] sẽ phải chi trả cho Chủ đầu tư đối với những thiệt hại do lỗi này. Những thiệt hại này sẽ là số tiền được nêu trong Tài liệu Hợp đồng, sẽ được trả hàng ngày trong khoảng thời gian giữa thời gian hoàn thành và ngày đã nêu trong Tài liệu Hợp đồng.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi đã gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt theo Khoản 15.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào mà Nhà thầu phải thực hiện theo Hợp đồng.

8.8 Tạm ngừng công việc

Chủ đầu tư vào bất cứ lúc nào đều có thể hướng dẫn Nhà thầu tạm ngừng tiến độ của một hạng mục hay toàn bộ công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải bảo vệ, giữ gìn và đảm bảo hạng mục hoặc công trình không bị xuống cấp, mất mát hay hư hỏng.

Chủ đầu tư sẽ thông báo nguyên nhân tạm ngừng. Nếu và ở phạm vi nguyên nhân được thông báo, và là trách nhiệm của Nhà thầu, khi đó những Khoản 8.9, 8.10 và 8.11 sẽ không được áp dụng.

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/ hoặc phải chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư theo Khoản 8.8 [Tạm ngừng công việc] và/hoặc từ việc tiến hành lại công việc, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo quy định của Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] được:

- (a) Gia hạn thời gian vì lý do chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], và
- (b) Thanh toán các chi phí, được tính trong Giá Hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc xác định những vấn đề này.

Nhà thầu sẽ không được quyền kéo dài thời gian, hay thanh toán các chi phí cho việc sửa các hậu quả của lỗi thiết kế, tay nghề hay vật liệu của Nhà thầu gây ra hoặc lỗi của Nhà thầu không bảo vệ cất giữ hoặc bảo quản theo Khoản 8.8 [Tạm ngừng công việc]

8.10 Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng

Nhà thầu sẽ được thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu đã không được vận chuyển đến công trường (vào ngày tạm ngừng) nếu:

- (a) công việc đối với thiết bị hoặc sự cung cấp thiết bị và/hoặc các vật liệu đã bị trì hoãn hơn 28 ngày, và
- (b) Nhà thầu đã đánh dấu thiết bị và/hoặc các vật liệu là tài sản của Chủ đầu tư theo hướng dẫn của Chủ đầu tư

8.11 Tình trạng tạm ngừng kéo dài

Nếu việc tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] đã tiếp tục diễn ra quá 84 ngày, Nhà thầu có thể yêu cầu Chủ đầu tư cho phép tiếp tục tiến hành công việc. Nếu Chủ đầu tư không cấp phép trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu đã yêu cầu, Nhà thầu có thể thông báo cho Chủ đầu tư và coi như việc tạm ngừng sẽ bị bỏ qua theo Điều 13 [*Thay đổi và điều chỉnh*] của hạng mục công trình bị ảnh hưởng. Nếu việc tạm dừng ảnh hưởng đến toàn bộ công trình, Nhà thầu có thể thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Kết thúc Hợp đồng bởi Nhà thầu*]

8.12 Tiếp tục tiến hành công việc

Sau khi nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành, Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ cùng kiểm tra công trình, thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Nhà thầu sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của công trình, thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng sau khi nhận hướng dẫn của Chủ đầu tư về ảnh hưởng này theo điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

9. THỬ NGHIỆM KHI HOÀN THÀNH.

9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu¹⁰

Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [*Thử nghiệm*], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo điểm (d) Khoản 4-1 [*Các nghĩa vụ chung của Nhà thầu*] khoản 5.6 [*Hồ sơ hoàn công*] và khoản 5.7 [*Hướng dẫn hoạt động và Vận hành*].

Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành. Trừ phi đã có thoả thuận khác, các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày hoặc các ngày mà Chủ đầu tư đã hướng dẫn.

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện đặc biệt, Thử nghiệm khi hoàn thành sẽ thực hiện như sau:

- a. thử nghiệm trước khi hoạt động, bao gồm kiểm tra thích hợp và thử nghiệm các chức năng (“khô” hay “nóng”) để chứng minh mỗi đơn vị của Thiết bị có thể an toàn thực hiện các bước tiếp theo tại mục (b).

¹⁰ Trích từ khoản 9 , EPC 1999 của FIDIC

- b. thử nghiệm chạy thử, bao gồm thử nghiệm hoạt động chứng minh Công trình hay hạng mục có thể hoạt động an toàn như quy định, theo tất cả các điều kiện hoạt động có sẵn; và
- c. vận hành thử, sẽ phải chứng minh rằng Công trình và hạng mục hoạt động 1 cách đáng tin cậy và phù hợp với hợp đồng.

Trong khi vận hành thử, nếu Công trình vận hành trong điều kiện ổn định, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư rằng Công trình sẵn sàng cho bất kỳ Thử nghiệm khi hoàn thành, bao gồm thử nghiệm hoạt động chứng minh Công trình có tuân thủ các tiêu chuẩn quy định trong Các Yêu cầu của Chủ đầu tư và Đảm bảo thực hiện.

Vận hành thử sẽ không hình thành việc nghiệm thu theo điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện cụ thể, bất kỳ sản phẩm tạo ra do Công trình trong quá trình vận hành thử sẽ thuộc sở hữu của Chủ đầu tư.

Khi xem xét kết quả của các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ xem xét đến hiệu quả của việc sử dụng công trình do Chủ đầu tư yêu cầu về hoạt động hoặc các đặc tính khác của công trình. Ngay sau khi các công trình hay hạng mục đã vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ trình bản báo cáo đã được chứng nhận về kết quả của cuộc thử nghiệm khi này cho Chủ đầu tư.

9.2 Việc thử nghiệm bị chậm trễ

Nếu các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Chủ đầu tư, thì Khoản 7.4 [*Thử nghiệm*] (đoạn 5) và/hoặc Khoản 10.3 [*Can thiệp vào các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành*] sẽ được áp dụng.

Nếu các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Nhà thầu, Chủ đầu tư có thể bằng thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc thử nghiệm trong vòng 21 ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc thử nghiệm mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và chi phí cho các cuộc thử nghiệm đó. Các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành khi đó sẽ được coi là đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả thử nghiệm sẽ được chấp nhận là chính xác.

Nếu Nhà Thầu không thứ hiện Thử nghiệm khi hoàn thành; trong vòng 21 ngày, Nhân sự Chủ đầu tư có thể tiến hành với các Thử nghiệm với rủi ro và Chi phí của Nhà thầu. Các Thử nghiệm khi hoàn thành sẽ được cho là/ hay được thực hiện với sự hiện diện của Nhà thầu và kết quả của các Thử nghiệm sẽ được chấp nhận là chính xác.

9.3 Thử nghiệm lại

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, thì Khoản 7.5 [*Từ chối*] sẽ được áp dụng và Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc thử nghiệm không đạt và các công việc có liên quan theo những quy trình và điều kiện tương tự trước đó.

9.4 Không vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành đã được tiến hành lại theo Khoản 9.3 [*Thử nghiệm lại*], khi đó Chủ đầu tư có quyền:

- (a) yêu cầu tiếp tục tiến hành thử nghiệm lại theo Khoản 9.3
- (b) nếu như việc công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư có được từ đó hoặc phải loại bỏ công trình hay hạng mục (tùy theo từng trường hợp) mà Chủ đầu tư phải khắc phục tương tự như phần (c) của Khoản 11.4 [*Không sửa chữa được sai sót*]; hoặc
- (c) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, nếu Chủ đầu tư yêu cầu

Trong trường hợp của phần (c), Nhà thầu khi đó sẽ thực hiện tất cả các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng, và Giá Hợp đồng sẽ bị giảm đi một số tiền để bù vào số tiền mà Chủ đầu tư bị thiệt từ việc giá trị công trình bị giảm đi do việc không qua được thẩm định. Trừ phi việc giảm giá do nguyên nhân này gây ra được nêu cụ thể (hay xác định được phương pháp tính toán) trong Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu việc giảm giá được: (i) hai bên thoả thuận (khi hoàn toàn vừa lòng về vấn đề này) và sẽ ứng trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, hoặc (ii) xác định và thanh toán theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.3 [*Quyết định*]

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

10.1. Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình

Trừ những quy định trong Khoản 9.4 [*Không vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành*], công trình sẽ được Chủ đầu tư nghiệm thu khi (i) công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [*Thời gian hoàn thành*] và trừ những nội dung được cho phép trong phần (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc coi là đã được cấp Chứng chỉ theo Khoản này

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư để xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, công trình đã được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, tương tự như vậy Nhà thầu có thể xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho mỗi hạng mục.

Chủ đầu tư, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được đơn của Nhà thầu, sẽ:

- (a) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho Nhà thầu, nêu rõ ngày công trình hay hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình hay các hạng mục cho mục đích ban đầu (cho đến khi hoặc trong khi những việc này được hoàn thành và các sai sót được sửa chữa) hoặc
- (b) bác bỏ đơn và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo Khoản này.

Nếu Chủ đầu tư không cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hay bác bỏ đơn của Nhà thầu trong thời gian 28 ngày và nếu công trình hay hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng, Chứng chỉ nghiệm thu công trình coi như đã được cấp vào ngày cuối cùng của thời kỳ này.

10.2. Nghiệm thu bộ phận công trình

Chủ đầu tư có thể, sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho từng phần của công trình vĩnh cửu.

Chủ đầu tư sẽ không sử dụng bất cứ phần nào của công trình (trừ trường hợp sử dụng tạm thời nhưng đã được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc đã được hai bên nhất trí) trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư cấp Chứng chỉ nghiệm thu phần công trình đó. Tuy nhiên, nếu Chủ đầu tư sử dụng bất cứ phần nào của công trình trước khi Chứng chỉ nghiệm thu được cấp, thì:

- (a) phần công trình được sử dụng sẽ được coi như là đã được tiếp cận kể từ ngày nó được đưa vào sử dụng
- (b) Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về phần công trình đó kể từ ngày này, khi đó trách nhiệm sẽ thuộc về Chủ đầu tư, và
- (c) nếu Nhà thầu yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho một phần công trình,

Sau khi Chủ đầu tư đã cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho một phần công trình, Nhà thầu sẽ được tạo cơ hội sớm nhất để thực hiện các bước cần thiết để tiến hành những cuộc thử nghiệm khi hoàn thành còn tồn tại. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành này càng sớm càng tốt trước khi hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót.

Nếu Nhà thầu phải chịu các chi phí do việc tiếp nhận và/hoặc sử dụng của Chủ đầu tư mà không phải là việc sử dụng được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu đồng ý, khi đó Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Chủ đầu tư và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được quyền thanh toán những chi phí đó và được tính vào Giá Hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định chi phí này và lợi nhuận theo Khoản 3.3.

Nếu Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp cho một phần công trình (chứ không phải là một hạng mục) thì những thiệt hại do chậm trễ hoàn thành công việc của những phần còn lại của công trình sau đó sẽ được giảm xuống. Tương tự, những thiệt hại do chậm trễ cho phần còn lại của hạng mục (nếu có) mà phần công trình này thuộc về cùng sẽ được giảm bớt. Đối với bất kỳ thời gian chậm trễ nào sau ngày được nêu cụ thể trong Chứng chỉ nghiệm thu này, sự giảm bớt theo tỷ lệ trong các thiệt hại do sự chậm trễ đó sẽ được tính theo tỷ lệ mà giá trị của phần đã được xác nhận mang đến cho giá trị của công trình hoặc bộ phận (nếu trường hợp xảy ra) xét như một tổng thể. Theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những phần thiệt hại được giảm bớt này. Những điều khoản của đoạn này sẽ chỉ áp dụng cho tỷ lệ thiệt hại do trì hoãn gây ra hàng ngày theo Khoản 8.7 [*Những thiệt hại do chậm trễ*], và sẽ không ảnh hưởng đến giá trị tối đa của các thiệt hại này.

10.3. Can thiệp vào các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành

Nếu quá 14 ngày mà Nhà thầu không tiến hành được các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành vì nguyên nhân do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thì khi đó Chủ đầu tư sẽ được coi như đã nghiệm thu công trình hay hạng mục (tuỳ từng trường hợp) vào ngày mà lẽ ra các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành đã được hoàn tất.

Theo đó Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình và Nhà thầu sẽ tiến hành ngay các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành càng sớm càng tốt trước ngày hết hạn của Thời gian thông báo sai sót. Chủ đầu tư sẽ thông báo trước 14 ngày về yêu

cầu tiến hành các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành theo những điều khoản của Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ hay phải chịu các chi phí do sự chậm trễ tiến hành các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành gây ra, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư biết và theo Khoản 20.1 được quyền:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù lại cho sự chậm trễ đó, nếu như việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí, tính vào Giá Hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này theo Khoản 3.3 [*Quyết định*]

10.4. Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

Trừ phi có một nội dung khác trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình, chứng nhận cho một hạng mục hay một phần công trình sẽ không được xem là đã xác nhận sự hoàn thành một khu vực hoặc yêu cầu bố trí lại mặt bằng khác.

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

Để công trình hoặc tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục phải luôn ở trong tình trạng do Hợp đồng quy định (trừ trường hợp hao mòn, hư hỏng hợp lý) đến ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc càng sớm càng tốt, Nhà thầu sẽ phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu, và
- (b) thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót, do Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư thông báo vào ngày hoặc trước ngày Thời hạn thông báo sai sót, của công trình hay hạng mục hết hạn (nếu trường hợp xảy ra)

Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư thông báo.

11.2 Chi phí do việc sửa chữa sai sót¹¹

Tất cả công việc được nêu trong phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa các sai sót*] sẽ được tiến hành và Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

- (a) thiết kế Công trình
- (b) thiết bị, các vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng
- (c) vận hành và bảo dưỡng không thích hợp mà nó quy cho dẫn đến các sự cố Nhà thầu phải chịu trách nhiệm (theo khoản 5.5 đến 5.7 hay quy định khác), hoặc
- (d) Nhà thầu không thực hiện đúng bất kỳ nghĩa vụ nào khác

¹¹ theo EPC 1999

Nếu và ở mức độ mà việc đó được quy cho nguyên nhân khác, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư hay đại diện Chủ đầu tư thông báo ngay lập tức và khi đó sẽ áp dụng Khoản 13.3 [Thủ tục biến đổi]

11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót

Theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài thêm Thời hạn thông báo sai sót về công trình hay hạng mục nếu và ở mức độ mà công trình, hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Nhà máy (tùy từng trường hợp và sau khi đã bàn giao) không thể sử dụng được cho mục đích đã định do sai sót hoặc hư hỏng. Tuy nhiên, Thời hạn thông báo sai sót sẽ không được kéo dài quá 2 năm.

Nếu việc cung cấp và/hoặc lắp đặt thiết bị và/hoặc các vật liệu bị tạm ngừng theo Khoản 8.8 [Tạm ngừng công việc] hay Khoản 16.1 [Quyền của Nhà thầu tạm ngừng công việc], theo Điều này nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không áp dụng cho những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra quá 2 năm sau khi Thời hạn thông báo sai sót cho thiết bị và/hoặc các vật liệu lẽ ra đã không còn hiệu lực

11.4 Không sửa chữa được sai sót

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về ngày này.

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã thông báo và việc sửa chữa sẽ được thực hiện mà Nhà thầu phải chịu chi phí theo Khoản 11.2 [Chi phí cho việc sửa chữa sai sót], Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn có thể):

- (a) tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thực hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này; và Nhà thầu theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] phải trả cho Chủ đầu tư những chi phí hợp lý phát sinh từ việc Chủ đầu tư sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng;
- (b) yêu cầu Chủ đầu tư đồng ý hoặc xác định khấu trừ hợp lý trong Giá Hợp đồng theo Khoản 3.3 [Quyết định]; hoặc
- (c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định, khi đó không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, theo Hợp đồng hay không Chủ đầu tư sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả cho công trình hoặc một phần công trình đó (tùy trường hợp cụ thể cộng thêm chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần công trình đó, dọn dẹp công trường và trả thiết bị, các vật liệu lại cho Nhà thầu

11.5 Di chuyển công việc bị sai sót

Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường hạng mục Nhà máy bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tăng số tiền, cho bảo lãnh Hợp đồng bằng chi phí thay thế toàn bộ các phần này hay cung cấp sẽ bảo đảm phù hợp khác

11.6 Các thử nghiệm thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc thử nghiệm nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành và/hoặc thử nghiệm sau khi hoàn thành. Yêu cầu này có thể được thông báo trong vòng 28 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các thử nghiệm này sẽ được tiến hành theo các điều kiện áp dụng được cho các thử nghiệm trước, loại trừ phải được tiến hành bằng rủi ro và kinh phí của bên chịu trách nhiệm đối với chi phí sửa chữa theo khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*]

11.7 Quyền được ra vào

Khi Chúng chỉ thực hiện đã được cấp, Nhà thầu sẽ được quyền ra vào công trình nếu có yêu cầu hợp lý phù hợp với điều này, trừ phi không phù hợp với những hạn chế hợp lý về mặt an ninh của Chủ đầu tư

11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân

Nhà thầu sẽ, nếu Chủ đầu tư yêu cầu, tìm nguyên nhân dẫn đến sai sót theo hướng dẫn của Chủ đầu tư. Trừ phi sai sót đã được sửa chữa bằng chi phí của Nhà thầu theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*], chi phí của việc tìm nguyên nhân cộng với lợi nhuận hợp lý sẽ được Chủ đầu tư đồng ý hoặc xác định theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] và sẽ được tính vào Giá Hợp đồng.

11.9 Chứng chỉ thực hiện

Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được coi là đã hoàn thành nếu Nhà thầu chưa được Chủ đầu tư cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.

Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ thực hiện trong vòng 28 ngày sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu và đã hoàn thành và thử nghiệm tất cả công trình bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót. Chủ đầu tư sẽ được nhận 01 bản của Chứng chỉ thực hiện.

Chỉ có Chứng chỉ thực hiện mới được coi là cấu thành nên việc chấp nhận công trình.

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp Chứng chỉ thực hiện, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với các mục đích xác định nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa thực hiện.

11.11 Giải phóng mặt bằng

Khi nhận được Chứng chỉ thực hiện, Nhà thầu sẽ dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Nhà thầu, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm thời còn lại.

Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi công trường trong vòng 28 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được 01 bản sao Chứng chỉ thực hiện, Chủ đầu tư

có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hay lưu các vật dụng đó trên công trường.

Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí phát sinh dôi ra cho Chủ đầu tư.

12 ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ VÀ THỬ NGHIỆM SAU KHI HOÀN THÀNH.

12.1 Đo lường và đánh giá

12.1.1 Công việc cần đo lường

Các công việc được đo lường và đánh giá để thanh toán theo Điều này. Khi nào Chủ đầu tư yêu cầu đo lường phần nào của công trình, thì gửi thông báo hợp lý cho đại diện Nhà thầu, người này sẽ:

- (a) nhanh chóng tham gia hoặc cử đại diện có năng lực khác để giúp Chủ đầu tư trong công tác đo lường, và
- (b) cung cấp các yêu cầu riêng của Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu không tham gia hoặc không cử người đại diện, việc đo lường của Chủ đầu tư (hoặc đại diện) sẽ được chấp nhận như chính xác.

Nếu Nhà thầu xem xét và không đồng ý với báo cáo, và/hoặc không ký vào xem như thoả thuận thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các vấn đề mà báo cáo bị đánh giá không chính xác. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư cần xem lại các báo cáo và/hoặc là công nhận hoặc thay đổi chúng. Nếu Nhà thầu không thông báo như vậy cho Chủ đầu tư trong vòng 14 ngày sau khi được yêu cầu xem xét báo cáo, thì các báo cáo được chấp nhận là chính xác.

12.1.2 Phương pháp đo lường

Ngoại trừ đã được quy định khác ở trong Hợp đồng và không kể đến các thông lệ địa phương:

- (a) sự đo lường sẽ được tiến hành theo khối lượng thực hiện nay của mỗi hạng mục công trình vĩnh cửu, hay
- (b) phương pháp đo lường phải theo bảng khối lượng hoặc các bảng được áp dụng khác.

12.1.3 Đánh giá

Ngoại trừ đã được quy định khác ở trong Hợp đồng, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc xác định Giá Hợp đồng bằng cách đánh giá từng hạng mục của công trình, áp dụng việc đánh giá đã được thoả thuận hoặc xác định theo khoản 12.1.1, 12.1.2 ở trên và tỷ giá thích hợp cho hạng mục.

Đối với mỗi hạng mục công trình, tỷ giá thích hợp hoặc giá cả của hạng mục sẽ là tỷ giá hoặc giá được xác định cho hạng mục đo ở trong Hợp đồng và, nếu không có hạng mục như vậy, sẽ được xác định theo công việc tương đương. Tuy nhiên, một tỷ giá hoặc giá mới sẽ thích hợp với một hạng mục công trình nếu:

- (a)

- (i) khối lượng đo lường được của hạng mục thay đổi quá 10% so với khối lượng ở trong bảng khối lượng hoặc bảng khác.
- (ii) sự thay đổi về khối lượng này nhân với tỷ giá xác định cho hạng mục đó sẽ vượt quá 0,01% của số tiền hợp đồng thoả thuận.
- (iii) sự thay đổi về khối lượng ngày trực tiếp thay đổi chi phí trên đơn vị khối lượng (đơn giá) của hạng mục đó vượt quá 1% và
- (iv) hạng mục này không xác định là “hạng mục có tỷ giá cố định” ở trong hợp đồng, hoặc

(b)

- (i) công trình được chỉ dẫn theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*]
- (ii) không có tỷ giá hoặc giá được xác định ở trong Hợp đồng cho hạng mục đó, và
- (iii) không có tỷ giá hoặc giá được xác định thích hợp bởi vì hạng mục công trình không cùng tính chất, hoặc không được thực hiện theo các điều kiện tương tự như mọi hạng mục ở trong Hợp đồng

Mỗi tỷ giá hoặc giá mới sẽ được suy ra từ các tỷ giá hoặc giá có liên quan ở trong Hợp đồng, với các điều chỉnh hợp lý có chú ý đến các điều được miêu tả trong mục (a) hoặc (b), nếu được. Nếu không có tỷ giá hoặc giá có liên quan để suy ra tỷ giá hoặc giá mới, thì sẽ suy ra từ giá để thực hiện công trình hợp lý, cùng với lợi nhuận hợp lý, có để ý đến các vấn đề liên quan khác.

Cho đến khi một tỷ giá hoặc giá thích hợp được thoả thuận hoặc xác định, Chủ đầu tư sẽ xác định một tỷ giá hoặc giá thích hợp để làm căn cứ cho các chứng chỉ thanh toán tạm thời.

12.1.4 Sự bỏ sót

Khi sự bỏ sót một công việc nào đó hình thành một phần (hoặc tất cả) của một biến đổi, mà giá trị đã không được thoả thuận, nếu:

- (a) Nhà thầu sẽ phát sinh (hoặc đã phát sinh) chi phí, nếu công việc không bị bỏ sót, thì đã được xem như được trả một khoản tiền hình thành một phần của Giá tiền hợp đồng thoả thuận
- (b) việc bỏ sót công việc sẽ dẫn tới (hoặc đã dẫn tới) một khoản tiền không nằm trong Giá Hợp đồng và
- (c) chi phí không được xem như đã được đưa vào trong việc đánh giá của công việc thay thế nào.

Do đó, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định với các đặc điểm thuyết minh. Sau khi nhận được thông báo đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] để thoả thuận hoặc quyết định chi phí đó, sẽ được đưa vào trong Giá Hợp đồng.

12.2 Thử nghiệm sau khi hoàn thành.

12.2.1 Tiến hành thử nghiệm sau khi hoàn thành

Nếu Thử nghiệm sau khi hoàn thành được quy định trong Hợp đồng, điều khoản này sẽ được áp dụng. Trừ khi có quy định khác nêu trong Điều kiện đặc biệt:

- a. Chủ đầu tư sẽ cung cấp tất cả điện, nhiên liệu, nguyên liệu và sẵn sàng về Nhân lực và Thiết bị của Chủ đầu tư
- b. Nhà thầu sẽ cung cấp các thiết bị, dụng cụ, nhân viên có kinh nghiệm và năng lực thích hợp, cần thiết để thực hiện Thử nghiệm sau khi hoàn thành một cách có hiệu quả; và
- c. Nhà thầu sẽ thực hiện thử nghiệm sau khi hoàn thành với sự hiện diện Nhân lực của Chủ đầu tư và của Nhà thầu nếu các Bên có thể yêu cầu chính đáng.

Thử nghiệm sau khi hoàn thành thực hiện càng sớm càng tốt 1 cách thích hợp sau khi Công trình và Hạng mục được nghiệm thu bởi Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ thông báo đến Nhà thầu trong vòng 21 ngày sau khi thử nghiệm sau khi hoàn thành sẽ được thực hiện. Trừ khi có quy định khác, Thử nghiệm này sẽ thực hiện trong vòng 14 ngày sau ngày này, trong ngày này hay ngày được Chủ đầu tư quyết định.

Kết quả của thử nghiệm sau khi hoàn thành sẽ được biên soạn và đánh giá bởi Nhà thầu, và Nhà thầu sẽ chuẩn bị 1 báo cáo chi tiết. Các mục thích hợp sẽ được đưa vào sử dụng cho các Công trình dùng trước của Chủ đầu tư

12.2.2 Thử nghiệm bị chậm lại

Nếu Nhà thầu gánh chịu chi phí từ kết quả chậm trễ không chính đáng theo Chủ đầu tư về Thử nghiệm sau hoàn thành, Nhà thầu sẽ (i) thông báo đến Chủ đầu tư và (ii) có quyền thanh toán theo khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] bất kỳ chi phí bao gồm khoản lợi nhuận chính đáng, mà nó sẽ được cộng vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư thực hiện theo điều 3.3 [*Quyết định*] đồng ý hoặc quyết định Chi phí này.

Nếu các lý do không quy do Nhà thầu, Việc thử nghiệm hoàn thành cả Công trình hay bất kỳ hạng mục nào không thể hoàn thành trong Thời gian thông báo thiếu sót (hoặc thời gian được thống nhất giữa các Bên), thì Công trình và hạng mục sẽ được coi là vượt qua Thử nghiệm sau khi hoàn thành này.

12.2.3 Thử nghiệm lại

Nếu Công trình hay hạng mục không thể vượt qua Thử nghiệm sau khi hoàn thành

- a. mục (b) khoản 11.1 [*Hoàn thành các công việc quá hạn và chỉnh sửa các thiết sót*] sẽ được áp dụng, và
- b. hoặc Một trong các Bên sau đó có thể yêu cầu làm Thử nghiệm đã thất bại và thử nghiệm sau khi hoàn thành hay các công việc liên quan, được lặp lại theo thời hạn và điều kiện tương tự.

Nếu và trong phạm vi thất bại và thử nghiệm lại được quy do bất kỳ vấn đề nêu trong mục (a) đến (d) của khoản 11.2 [*Chi phí chi chỉnh sửa các thiết sót*] và làm này sinh chi phí thêm cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ theo điều khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán các chi phí này cho Chủ đầu tư

12.2.4 Thử nghiệm không đạt sau khi hoàn thành

Nếu các điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- a. Công trình hay hạng mục, không vượt qua bất kỳ hay toàn bộ Các thử nghiệm sau khi hoàn thành.

- b. Số tiền liên quan có thể được thanh toán như thiệt hại không hoàn thành cho thất bại này được nêu (hay phương thức và tính toán được định nghĩa) trong hợp đồng, và
- c. Nhà thầu thanh toán số tiền liên quan này cho Chủ đầu tư trong Thời hạn thông báo khiếm khuyết.

Sau đó Công trình và hạng mục được xem là vượt qua các thử nghiệm sau khi hoàn thành này.

Nếu Công trình hay hạng mục không vượt qua thử nghiệm sau khi hoàn thành Nhà thầu đề nghị điều chỉnh hay chỉnh sửa Công trình hay hạng mục đó. Nhà thầu có thể được hướng dẫn bởi (hay đại diện) của Chủ đầu tư để có quyền tiếp cận Công trình hay hạng mục có thể không được cho phép tiếp cận đến thời điểm thuận tiện cho Chủ đầu tư và phù hợp thử nghiệm này. Nhà thầu sau đó sẽ không duy trì khả năng thực hiện việc điều chỉnh và chỉnh sửa để thỏa mãn thử nghiệm này, trong thời gian hợp lý bởi (hay đại diện) của Chủ đầu tư trong thời gian thuận tiện của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, nếu Nhà thầu không nhận được thông báo này trong Thời gian thông báo khiếm khuyết, Nhà thầu cũng sẽ không được miễn các trách nhiệm và Công trình và hạng mục (trong trường hợp có thể) sẽ được xem vượt qua thử nghiệm sau khi hoàn thành.

Nếu Nhà thầu gánh chịu cách Chi phí bổ sung do kết quả từ bất cứ sự trì hoãn vô lý của Chủ đầu tư trong việc cho phép Nhà thầu tiếp cận Công trình và hạng mục, hoặc sẽ điều tra nguyên nhân gây ra Thử nghiệm không đạt sau khi hoàn thành hoặc thực hiện các điều chỉnh hay sửa chữa mà Nhà thầu (i) sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và (ii) có quyền theo điều khoản 20.1 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] để thanh toán bất kỳ Chi phí như vậy, sẽ được cộng vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Điều khoản 3.3 [*Quyết định*] đồng ý hay quyết định Chi phí này.

13 BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

13.1 Quyền được biến đổi¹²

Việc biến đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu hoặc hướng dẫn cho Nhà thầu trình đề xuất.

Nhà thầu sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm về mỗi việc biến đổi, trừ phi Nhà thầu thông báo ngay cho Chủ đầu tư nêu rõ (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng (i) Nhà thầu không thể có được ngay những hàng hoá cần thiết theo yêu cầu cho việc biến đổi (ii) nó sẽ làm giảm sự an toàn và ổn định của công trình, hay (iii) nó sẽ bất lợi để đạt được Đảm bảo thực hiện. Khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ hủy bỏ, khẳng định hoặc thay đổi hướng dẫn.

13.2 Tư vấn về giá trị công trình¹³

¹² Tham khảo điều 13.1 [Quyền biến đổi] trong EPC 1999

¹³ Trích từ điều khoản 13.2 [Tư vấn giá trị] trong EPC 1999

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu sẽ đề đạt lên Chủ đầu tư các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục ở Khoản 13.3 [Thủ tục biến đổi].

13.3 Thủ tục biến đổi¹⁴

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu một đề xuất trước khi hướng dẫn biến đổi, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu là trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) bản mô tả thiết kế và/hay công việc đề xuất sẽ được tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng
- (b) đề xuất của Nhà thầu về các sửa đổi cần thiết cho chương trình kế hoạch theo Khoản 8.3 [Chương trình tiến độ] và cho thời gian hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc đánh giá sự biến đổi và điều chỉnh Giá hợp đồng.

Chủ đầu tư, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [Tư vấn về giá trị công trình] và cái khác) sẽ trả lời nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn công việc nào trong khi đợi sự phản hồi từ phía Chủ đầu tư.

Mỗi hướng dẫn thực hiện việc biến đổi với bất kỳ yêu cầu nào về việc ghi lại các chi phí sẽ được Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu và họ sẽ xác nhận là đã nhận được.

Trong khi hướng dẫn và phê duyệt 1 Biến đổi, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Điều khoản 3.3 [Quyết định] đồng ý hay xác định điều chỉnh Giá hợp đồng và kế hoạch thanh toán. Điều chỉnh này bao gồm lợi nhuận hợp lý và tính đến việc đệ trình của Nhà thầu theo điều khoản 13.2 [Tư vấn có giá trị] nếu áp dụng.

13.4 Thanh toán bằng tiền tệ quy định

Nếu Hợp đồng quy định thanh toán Giá Hợp đồng bằng 2 loại tiền tệ trở lên khi việc điều chỉnh được nhất trí, chấp thuận hoặc quyết định như đã nêu ở trên, số tiền phải trả bằng mỗi loại đơn vị tiền tệ sẽ được xác định cụ thể. Cho mục đích này, tỷ lệ tiền tệ thực tế hoặc dự kiến cho chi phí của công việc được sửa đổi và tỷ lệ các loại tiền tệ khác nhau được xác định trong việc thanh toán Giá Hợp đồng sẽ được tham chiếu.

13.5 Khoản tạm tính

Khoản tạm tính sẽ chỉ được sử dụng toàn bộ hay một phần theo hướng dẫn của Chủ đầu tư, và Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Toàn bộ số tiền Nhà thầu được ứng sẽ bao gồm tiền cho công việc, cung cấp hay các dịch vụ mà tiền tạm ứng, Chủ đầu tư có thể hướng dẫn:

¹⁴ Khoản này được bổ sung từ 13.6[Thủ tục Biến đổi] trong EPC 1999

- (a) công việc sẽ được Nhà thầu thực hiện và định giá trị (bao gồm thiết bị, các vật liệu hay các dịch vụ sẽ được cung cấp) theo Khoản 13.3 [Thủ tục biến đổi], và/hoặc
- (b) thiết bị, các vật liệu hoặc dịch vụ được Nhà thầu mua từ một Nhà thầu phụ được chọn (đã định nghĩa trong Điều 5 [Nhà thầu phụ được chỉ định] hoặc khác) và sẽ được đưa vào Giá Hợp đồng.
 - (i) số tiền thực tế được Nhà thầu trả (hoặc sẽ trả), và
 - (ii) số tiền chi phí quản lý và lợi nhuận, được tính là phần trăm của số tiền thực tế này bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm phù hợp (nếu có) được nêu trong bảng giá thích hợp. Nếu không có tỷ lệ đó, tỷ lệ phần trăm được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu sẽ được áp dụng.

Nhà thầu phải, khi Chủ đầu tư yêu cầu, cung cấp báo giá, hoá đơn phiếu mua hàng và sổ sách kế toán hoặc giấy biên nhận để làm căn cứ.

13.6 Ngày làm việc

Nếu là công việc nhỏ hoặc phụ, Chủ đầu tư có thể hướng dẫn việc biến đổi sẽ được thực hiện trên cơ sở ngày làm việc. Các công việc sau đó sẽ được xác định giá theo lịch trình công việc hàng ngày được nêu trong Hợp đồng, và những thủ tục tiếp theo sẽ áp dụng. Nếu danh mục Ngày làm việc không được nêu trong Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Trước khi đặt hàng hàng hoá cho công việc, Nhà thầu sẽ trình bảng báo giá lên Chủ đầu tư. Khi đề nghị thanh toán, Nhà thầu sẽ trình phiếu mua hàng, hoá đơn, phiếu thanh toán hoặc giấy biên nhận của các hàng hoá đó.

Trừ các hạng mục mà danh mục Ngày làm việc xác định không phải thanh toán, hàng ngày Nhà thầu sẽ phải gửi các thông báo chính xác (gồm 02 bản) bao gồm các chi tiết sau đây của các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các chi tiết sau đây của các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các công việc của ngày trước đó:

- (a) tên, công việc và thời gian của nhân viên Nhà thầu
- (b) xác định, loại và thời gian của thiết bị Nhà thầu và công trình tạm thời, và
- (c) số lượng và chủng loại thiết bị và các vật liệu được sử dụng

Một bản chụp của mỗi bản báo cáo, nếu chính xác, hoặc khi được đồng ý, sẽ được Chủ đầu tư ký và gửi lại cho Nhà thầu. Nhà thầu khi đó sẽ trình các báo cáo giá của các nguồn đó lên cho Chủ đầu tư trước khi chúng được đưa vào báo cáo tiếp sau theo Khoản 14.3 [Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm]

13.7 Điều chỉnh do thay đổi luật pháp

Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh để tính đến việc tăng hoặc giảm chi phí nảy sinh từ việc thay đổi trong luật pháp của nước sở tại (bao gồm việc ban hành luật mới và việc sửa đổi bổ sung các luật hiện hành) hoặc Chính phủ diễn giải có tính pháp luật hoặc chính thức về Luật đó, được thực hiện sau Ngày Cơ sở, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc những chi phí phát sinh thêm do việc thay đổi luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực

hiện sau Ngày Cơ Sở, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và theo Khoản 20.1 [Khuyến nghị của Nhà thầu] sẽ được phép:

(a) kéo dài thời gian cho sự chậm trễ đó nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị trì hoãn theo Khoản 8.4 [Giới hạn thời gian hoàn thành], và

(b) thanh toán các chi phí đó, sẽ được tính vào Giá Hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Khoản 3.3 [Quyết định]

Tuy nhiên như đề cập, Nhà thầu sẽ không có quyền mở rộng thời gian nếu sự chậm trễ liên quan đã được đưa vào xác định thời hạn trước và Chi phí như vậy sẽ không được thanh toán tách rời nếu việc tương tự đã được đưa vào phụ lục hay đã đưa vào bất kỳ bảng biểu hay dữ liệu điều chỉnh theo quy định tại điều khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi về Chi phí] .

13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

Trong Khoản này, “bảng số liệu điều chỉnh” có nghĩa là bảng hoàn chỉnh các số liệu điều chỉnh được đưa vào trong Phụ lục Hồ sơ thầu. Nếu không có bảng số liệu điều chỉnh, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nếu Khoản này được áp dụng, các khoản tiền thanh toán cho Nhà thầu sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo chi phí lao động, hàng hoá và các đầu vào khác cho công trình, bằng việc thêm hoặc bớt các khoản tiền được xác định theo công thức được nêu trong Khoản này. Trong phạm vi mà việc bù trừ đầy đủ cho việc tăng hoặc giảm chi phí không được nêu trong Điều này hoặc các Điều khác, số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng sẽ được coi là đã tính cả các khoản tiền dự phòng cho việc tăng và giảm các chi phí.

Việc điều chỉnh sẽ được áp dụng đối với số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu như được tính toán theo Bảng giá thích hợp và được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán, sẽ được xác định theo công thức cho mỗi loại tiền tệ sẽ thanh toán cho Giá Hợp đồng. Sẽ không áp dụng điều chỉnh đối với các công việc được định giá dựa trên cơ sở của chi phí hoặc giá cả hiện hành. Công thức sẽ theo kiểu thông dụng sau:

$$P_n = a + b \frac{L_n}{L_0} + c \frac{E_n}{E_0} + d \frac{M_n}{M_0} + \dots$$

trong đó:

“ P_n ” là số nhân điều chỉnh được áp dụng cho giá trị hợp đồng ước tính cho các công việc được tiến hành trong thời gian “ n ” theo tiền tệ tương ứng, thời gian này có nghĩa là 1 tháng trừ khi được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu;

“ a ” là hệ số cố định, được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh tương ứng, thể hiện phần không điều chỉnh của các khoản thanh toán theo hợp đồng;

“ b ”, “ c ”, “ d ”,... là những hệ số biểu hiện tỷ lệ ước tính của mỗi phần chi phí liên quan đến việc thi công công trình, được nêu trong bảng các số liệu điều chỉnh tương ứng; như các phần chi phí trong bảng có thể thể hiện các nguồn như lao động, thiết bị và vật liệu;

“ L_n ”, “ E_n ”, “ M_n ”, ... là những chỉ số chi phí hiện thời hoặc những giá tham khảo, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào thời điểm 49 ngày trước ngày cuối cùng của thời gian (mà Chứng nhận thanh toán riêng có liên quan đến), và

“ L_0 ”, “ E_0 ”, “ M_0 ”, ... là những chỉ số chi phí cơ bản hoặc những giá tham khảo, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào Ngày khởi công.

Các chỉ số chi phí hoặc các giá tham khảo được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ được sử dụng. Nếu có nghi ngờ về nguồn của chúng, Nhà tư vấn sẽ xác định cho mục đích này, việc tham khảo sẽ được thực hiện đối với các giá trị của các chỉ số vào những ngày được nêu (được nêu riêng trong cột 4 và cột 5 của bảng) nhằm làm sáng tỏ về nguồn của giá tham khảo; mặc dù những ngày này (và các giá trị này) có thể không khớp với các chỉ số chi phí cơ bản.

Trong trường hợp mà “tiền tệ của chỉ số” (được nêu trong bảng) không phải là tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được chuyển đổi sang tiền tệ thanh toán tương ứng theo tỷ giá bán ra, do Ngân hàng Trung ương của nước sở tại ấn định, của tiền tệ tương ứng này vào ngày đã nêu trên, ngày mà chỉ số sẽ được yêu cầu áp dụng.

Khi mà mỗi chỉ số chi phí hiện hành còn chưa có, Nhà tư vấn sẽ xác định một chỉ số tạm thời để cấp Chứng nhận thanh toán tạm thời. Khi một chỉ số hiện hành có rồi thì việc điều chỉnh sẽ được tính toán lại cho phù hợp.

Nếu Nhà thầu không hoàn thành công trình trong khoảng thời gian hoàn thành, việc điều chỉnh giá sẽ được thực hiện dựa trên (i) mỗi chỉ số hoặc giá được áp dụng vào thời điểm 49 ngày trước ngày hết hạn thời gian hoàn thành công trình hoặc (ii) chỉ số hoặc giá cả hiện hành: tùy theo cách thức nào thuận lợi hơn cho Chủ đầu tư.

Các hệ số cho mỗi yếu tố chi phí được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ chỉ được điều chỉnh nếu chúng đã được chứng tỏ là không hợp lý, không cân bằng hoặc không áp dụng được, dẫn đến thay đổi.

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

14.1. Giá Hợp đồng¹⁵

- (a) Thanh toán cho Công trình sẽ dựa trên cơ bản toàn bộ số tiền Giá hợp đồng, và được điều chỉnh theo Hợp đồng, và
- (b) Nhà thầu sẽ phải trả tất cả các loại thuế, phí được yêu cầu phải trả theo Hợp đồng, và Giá Hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho các chi phí này, trừ khi được nêu trong Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do thay đổi về luật pháp*];

14.2. Ứng trước

Chủ đầu tư sẽ ứng trước, như một khoản vay không có lãi suất cho việc huy động và ủng hộ lưu chuyển tiền tệ, khi Nhà thầu trình một bản bảo lãnh theo Khoản này.

¹⁵ Trích từ EPC 1999

Tổng số ứng trước, số lần và thời gian của thanh toán (nếu hơn 1 lần) và tiền tệ và tỷ lệ sẽ được áp dụng như được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu.

Trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh này, hoặc nếu tổng số ứng trước không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ thanh toán tạm cho lần thanh toán đầu tiên sau đó nhận được một bản báo cáo theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*] và sau khi Chủ đầu tư nhận được (i) Bảo lãnh thực hiện theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và (ii) một bảo lãnh bằng số lượng và tiền tệ tương đương với số tiền ứng trước. Bảo lãnh này sẽ được một cơ quan cấp và từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) do Chủ đầu tư chấp thuận, và sẽ theo biểu mẫu phụ lục của các Điều kiện riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả, nhưng số tiền này có thể sẽ được chiết khấu lũy tiến bởi số tiền mà Nhà thầu trả lại như đã nêu trong Chứng chỉ thanh toán. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh và việc ứng trước không được hoàn trả trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả.

Trừ khi có quy định khác trong Dữ liệu Hợp đồng, việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các chiết khấu phần trăm trong Chứng chỉ thanh toán tạm được xác định bởi Chủ đầu tư như sau:

- (a) các chiết khấu sẽ bắt đầu trong Chứng chỉ thanh toán, trong đó tổng số tất cả thanh toán tạm thời được xác nhận lớn hơn 30% của số tiền Hợp đồng được chấp thuận trừ đi số tiền tạm thời; và
- (b) Các chiết khấu sẽ dựa trên tỉ lệ nêu trong Dữ liệu Hợp đồng về số tiền của Chứng chỉ thanh toán tạm bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ của ứng trước, cho đến khi ứng trước đã được hoàn trả quy định số tiền ứng trước sẽ được hoàn trả lại đầy đủ trước thời điểm 80% (chín mươi phần trăm) số tiền Hợp đồng trừ số tiền tạm thời được chứng nhận thanh toán.

Nếu việc ứng trước vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], Điều 16 [*Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19 [*Bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số nợ sẽ là nợ đến kỳ và trong trường hợp chấm dứt theo Điều khoản 15 [*Chấm dứt bởi Chủ đầu tư*] và điều khoản 19.6 [*Chấm dứt công trình có lựa chọn, Thanh toán, Di dời*] và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm

Nhà thầu sẽ trình báo cáo (6 bản) lên Chủ đầu tư theo lịch trình thanh toán sau ngày cuối của mỗi tháng bằng biểu mẫu mà Chủ đầu tư chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ trong tháng theo Khoản 4.21 [*Báo cáo tiến độ*]

Báo cáo sẽ bao gồm những mục sau, nếu được, những mục này sẽ được nêu cụ thể bằng các loại tiền tệ khác nhau mà Giá Hợp đồng có thể thanh toán theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của các công việc được thực hiện và các tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị (bao gồm cả biến đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong phần (b) đến (g) dưới đây);
- (b) bất cứ số tiền nào được thêm vào hay giảm đi do có sự thay đổi về luật pháp và thay đổi về chi phí theo Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi luật pháp] và Khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi về chi phí];
- (c) bất cứ số tiền nào bị chiết khấu đi để giữ lại, được tính toán bằng cách áp dụng phần trăm để giữ lại được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu đối với tổng số tiền trên cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại đạt tới giới hạn của số tiền giữ lại (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu;
- (d) số tiền thêm vào và giảm đi cho ứng trước và hoàn trả theo Khoản 14.2 [Ứng trước];
- (e) số tiền được thêm vào và bớt đi đối với thiết bị và các vật liệu theo Khoản 14.5 [Thiết bị và các vật liệu cho công trình];
- (f) các việc thêm vào hoặc bớt đi có thể trở thành nợ đến hạn theo Hợp đồng hoặc quy định khác thuộc các nội dung của Điều 20 [Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài], và
- (g) việc chiết khấu số tiền được xác nhận trong các Chứng chỉ thanh toán trước đó

14.4. Lịch trình thanh toán

Nếu Hợp đồng có một lịch trình thanh toán nêu cụ thể về các đợt thanh toán trong đó Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán, khi đó trừ phi được nêu khác đi trong lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong lịch trình thanh toán sẽ là các giá trị hợp đồng ước tính cho các mục đích của phần (a) của Khoản 14.3 [Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm];
- (b) Khoản 14.5 [Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình] sẽ không được áp dụng, và
- (c) nếu những đợt thanh toán này không được xác định bằng cách tham khảo tiến độ thực tế đạt được trong quá trình thực hiện công việc và nếu tiến độ thực tế được phát hiện thấy chậm hơn (hoặc nhanh hơn) tiến độ của lịch trình thanh toán, căn cứ vào đó Chủ đầu tư có thể đồng ý hoặc xác định những đợt thanh toán sửa đổi theo Khoản 3.3 [Quyết định] có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hơn (hoặc nhanh hơn) so với tiến độ đã được xác định trước đó

Nếu Hợp đồng không có lịch trình thanh toán, Nhà thầu sẽ trình dự toán không ràng buộc đối với các khoản thanh toán mà Nhà thầu muốn trả góp đúng hạn trong mỗi quý. Dự toán đầu tiên sẽ được trình trong vòng 42 ngày sau Ngày khởi công. Các dự toán được sửa đổi sẽ được trình theo định kỳ hàng quý cho đến khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp.

14.5. Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình

Nếu áp dụng Khoản này, Chứng chỉ thanh toán tạm, theo phần (e) của Khoản 14.3, sẽ bao gồm, (i) số tiền cho thiết bị và vật liệu đã được gửi tới công trường để đưa vào công trình vĩnh cửu, và (ii) một chiết khấu khi giá trị hợp đồng của thiết bị và các hợp đồng này được gộp vào làm một phần của công trình vĩnh cửu theo phần (a) của Khoản 14.3 [Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm]

Nếu những danh sách được đề cập tới trong phần (b) (i) hoặc phần (c) (i) dưới đây không có trong Phụ lục Hồ sơ thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng

Nhà tư vấn sẽ xác định và chứng nhận cho mỗi bổ sung nếu những điều kiện sau đây được thỏa mãn:

(a) Nhà thầu đã

- (i) giữ những biên bản hồ sơ tốt (bao gồm đơn đặt hàng, giấy biên nhận, các chi phí và việc sử dụng thiết bị và vật liệu) sẵn sàng cho giám sát, và
- (ii) trình báo cáo chi phí mua và vận chuyển thiết bị và vật liệu đến công trường, có các chứng từ hợp lý;

và hoặc

(b) Thiết bị và các vật liệu liên quan:

- (i) là những thứ được liệt kê trong Phụ lục Hồ sơ thầu để thanh toán khi được vận chuyển xuống tàu
- (ii) đã được vận chuyển đến nước sở tại, trên đường tới công trường, theo Hợp đồng; và
- (iii) được mô tả trong vận đơn đường biển sạch hoặc các chứng từ vận tải biển đã được trình cho Nhà tư vấn cùng với cả chứng từ thanh toán vận tải và bảo hiểm, các giấy tờ khác được yêu cầu hợp lý và giấy bảo lãnh của ngân hàng theo mẫu và do một pháp nhân được Chủ đầu tư chấp nhận cấp với số tiền và các loại tiền tệ tương đương với số tiền đúng theo Khoản này; giấy bảo lãnh này có thể theo mẫu tương tự mẫu trong Khoản 14.2 [trước] và sẽ có giá trị cho đến khi thiết bị và vật liệu được bảo quản đúng cách trên công trường và được bảo vệ tránh mất mát, hư hại;

hoặc

(c) Thiết bị và các vật liệu liên quan:

- (i) là những thứ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu để thanh toán khi được vận chuyển tới công trường, và
- (ii) đã được vận chuyển tới và được bảo quản đúng cách trên công trường và được bảo vệ không bị mất mát, hư hại và theo đúng Hợp đồng

Số tiền bổ sung để được chứng nhận sẽ là tương đương với 80% của chi phí cho thiết bị và các vật liệu mà Nhà tư vấn xác định (bao gồm việc vận chuyển tới công trường) có tính đến các tài liệu được nêu trong Khoản này và của giá trị hợp đồng đối với thiết bị và các vật liệu

Tiền tệ cho số tiền bổ sung này cũng sẽ giống như tiền tệ trong khoản thanh toán đến hạn khi giá trị hợp đồng được tính đến theo phần (a) của Khoản 14.3 [Xin cấp

Chứng chỉ thanh toán tạm]. Lúc đó, Chứng chỉ thanh toán sẽ bao gồm cả chiết khấu tương đương, với số tiền bổ sung cho thiết bị và các vật liệu tương ứng cũng cùng loại tiền tệ và tỷ lệ này.

14.6. Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm

Sẽ không có số tiền nào được chứng nhận hoặc được thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận và thông qua Bảo lãnh thực hiện. Sau đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được báo cáo và các tài liệu liên quan khác, Chủ đầu tư sẽ gửi 1 Chứng chỉ thanh toán tạm nêu rõ số tiền mà Chủ đầu tư sẽ xác định rõ là nợ đến hạn phải trả, với các tài liệu hỗ trợ khác cho các khoản tiền bị cắt giảm hay giữ lại trong Bảng kê do Chủ đầu tư làm, nếu có.

Tuy nhiên, trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Chủ đầu tư sẽ không bị bắt buộc phải cấp Chứng chỉ thanh toán tạm của một số tiền (sau việc giữ lại và các chiết khấu khác) ít hơn số tiền tối thiểu của Chứng chỉ thanh toán tạm (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu ngay.

Chứng chỉ thanh toán tạm sẽ không bị từ chối vì bất cứ lý do nào khác, dù cho:

- (a) nếu cái gì được cung cấp hoặc công việc được thực hiện bởi Nhà thầu không đúng với Hợp đồng, chi phí cho việc sửa chữa hay thay thế có thể bị từ chối cho đến khi việc sửa chữa hoặc thay thế đã hoàn tất, và/hoặc
- (b) nếu Nhà thầu đã hoặc đang không thực hiện công việc nào hoặc nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng và đã được Chủ đầu tư thông báo như vậy, giá trị của công việc này hoặc nghĩa vụ này có thể bị từ chối cho đến khi công việc hoặc nghĩa vụ được thực hiện xong.

Chủ đầu tư, trong bất cứ Chứng chỉ thanh toán nào cũng có thể điều chỉnh hoặc sửa cho phù hợp với bất cứ Chứng chỉ thanh toán trước đó. Chứng chỉ thanh toán sẽ không được coi là biểu thị sự chấp thuận, phê duyệt hoặc đồng ý thoả mãn của Chủ đầu tư.

14.7. Thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) đợt ứng trước đầu tiên trong vòng 42 ngày sau khi cấp Thư chấp thuận hoặc trong vòng 21 ngày sau khi nhận được các tài liệu theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và Khoản 14.2 [*ứng trước*], tùy theo việc nào đến sau;
- (b) số tiền được chứng nhận trong mỗi Chứng chỉ thanh toán tạm trong vòng 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được báo cáo và các tài liệu liên bổ trợ, và
- (c) số tiền được chứng nhận trong Chứng chỉ thanh toán cuối cùng trong vòng 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được Chứng chỉ thanh toán này hay tại thời điểm tiền vay Ngân hàng hay tín dụng (từ phần thanh toán cho Hợp đồng được làm) bị hoãn, số tiền không tranh chấp được nêu trong Bảng kê cuối cùng trong vòng 56 ngày sau ngày thông báo đình chỉ theo Điều khoản 16.2 [*Chấp dứt bởi Nhà thầu*].

Việc thanh toán số tiền đến hạn phải trả bằng mỗi loại tiền tệ sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng, do Nhà thầu đề xuất, tại nước thanh toán (cho loại tiền tệ này) được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

14.8. Thanh toán bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [Thanh toán] Nhà thầu sẽ được nhận các thanh toán tài chính theo từng tháng trên cơ sở số tiền đã không được thanh toán trong thời gian chậm trễ. Thời gian này sẽ được coi như bắt đầu từ ngày thanh toán được nêu cụ thể trong Khoản 14.7 [Thanh toán] bất kỳ đến (trong trường hợp của phần (b) ngày mà Chứng chỉ thanh toán được cấp.

Trừ phi có quy định khác trong các Điều kiện riêng, những khoản thanh toán tài chính này sẽ được tính theo tỷ lệ hàng năm là 3% trên tỷ suất chiết khấu của ngân hàng trung ương ở nước của tiền tệ thanh toán, nếu không có sẽ áp dụng tỉ giá liên ngân hàng), và sẽ được thanh toán theo tiền tệ đó.

Nhà thầu sẽ được nhận khoản thanh toán này mà không cần có thông báo hoặc chứng nhận chính thức và không làm ảnh hưởng quyền lợi hoặc phương cách khác.

14.9. Thanh toán tiền bị giữ lại

Khi chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho các công việc, 1/2 số tiền giữ lại đầu tiên sẽ được Chủ đầu tư xác nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục hoặc bộ phận của công trình, một tỷ lệ của số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán. Tỷ lệ đó sẽ bằng 50% của tỷ lệ được tính toán bằng cách chia giá trị dự tính của Hợp đồng của hạng mục hoặc bộ phận công trình cho giá trị hợp đồng cuối cùng được ước tính.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời hạn thông báo sai sót hư hỏng, việc cân đối tồn đọng của số tiền giữ lại sẽ được Chủ đầu tư chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một Hạng mục, tỷ lệ phần trăm tương ứng của nửa sau số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán ngay sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót của hạng mục. Tỷ lệ đó sẽ bằng 50% của tỷ lệ được tính bằng cách chia giá trị hợp đồng dự tính của hạng mục cho giá trị hợp đồng cuối cùng được tính.

Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [Trách nhiệm đối với sai sót], Chủ đầu tư sẽ có quyền từ chối chứng nhận về chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc đó được tiến hành xong.

Khi tính các tỷ lệ đó, sẽ không có sự tính toán cho các điều chỉnh nào theo Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi về giá]

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện đặc biệt, nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành cho Công trình thì Chủ đầu tư sẽ chứng nhận thanh toán 50% số tiền Giữ lại, Nhà thầu sẽ có quyền hình thành bảo hành theo mẫu trong Điều kiện đặc biệt hay mẫu khác do Chủ đầu tư phê duyệt và quy định hay do tổ chức do Chủ đầu tư quy định để nhận lại nửa số tiền còn lại lần thứ 2. Nhà thầu phải chắc rằng số tiền bảo hành bằng đúng số tiền và loại tiền tệ như số tiền Giữ lại một nửa được thanh toán lần thứ hai và giá trị và hiệu lực đến khi Nhà thầu đã thực hiện xong và hoàn thành kết thúc Công trình và chỉnh sửa bất kỳ sai sót, được quy định trong Đảm bảo thực hiện tại Điều khoản 4.2 Trong biên nhận về số tiền bảo hành được yêu cầu theo Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thanh toán nửa thứ hai của số tiền Giữ lại. Việc phát hành số tiền Giữ lại lần thứ hai khi số tiền bảo hành được thay cho như đoạn 2 của điều khoản này. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả số tiền bảo hành trong vòng 21

ngày sau khi nhận được Chứng nhận Thực hiện theo Khoản 14.13 [*Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng*].

Nếu Đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của điều khoản 4.2 là một hình thức đảm bảo theo nhu cầu, và số tiền được đảm bảo theo đó thì nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp nhiều hơn một nửa số tiền giữ lại, thì đảm bảo tiền giữ lại không được yêu cầu. Nếu số tiền được đảm bảo theo hình thức Đảm bảo thực hiện thì Chứng chỉ Nghiệm thu sẽ được cấp ít hơn một nửa Tiền giữ lại, đảm bảo tiền giữ lại sẽ chỉ được yêu cầu cho số tiền chênh lệch giữa một nửa Tiền giữ lại và số tiền được đảm bảo theo Đảm bảo thực hiện

14.10. Báo cáo khi hoàn thành

Trong vòng 84 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bản của báo cáo khi hoàn thành cùng với các tài liệu bổ trợ theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*], cho thấy:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm đúng với Hợp đồng với Hợp đồng cho đến ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình,
- (b) bất cứ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán, và
- (c) dự toán của các khoản tiền khác mà Nhà thầu coi là sẽ đến hạn thanh toán theo Hợp đồng. Các số tiền ước tính sẽ được trình bày riêng lẻ trong báo cáo khi hoàn thành này.

Sau đó Chủ đầu tư sẽ chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp chứng chỉ thanh toán tạm*]

14.11. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng

Trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ thực hiện, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bản của dự thảo báo cáo cuối cùng với các tài liệu bổ trợ trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã duyệt:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng, và
- (b) số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thoả thuận khác.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc không có thể chứng thực một phần nào của dự thảo báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình thêm thông tin khi Chủ đầu tư có thể yêu cầu hợp lý trong vòng 28 ngày từ khi nhận bản thảo và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư báo cáo cuối cùng như hai bên đã nhất trí, báo cáo này sẽ được gọi là “Báo cáo cuối cùng” trong các Điều kiện này.

Tuy nhiên nếu sau khi có những cuộc thảo luận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu và những thay đổi nào trong dự thảo báo cáo cuối cùng mà hai bên đã nhất trí, hiển nhiên là sẽ có tranh chấp, Chủ đầu tư sẽ gửi cho Nhà thầu 01 bản Chứng chỉ thanh toán tạm cho các phần cả hai bên đã nhất trí của dự thảo báo cáo cuối cùng. Sau đó, nếu tranh chấp được giải quyết theo Khoản 20.4 [*Khi có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] hoặc Khoản 20.5 [*Hoà giải một cách hữu hảo*],

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư (gửi cho Chủ đầu tư 01 bản) báo cáo cuối cùng.

14.12. Thanh toán hết nợ

Khi trình báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình Bản thanh toán trên giấy tờ khẳng định rằng toàn bộ báo cáo cuối cùng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản thanh toán này có thể nêu rằng nó sẽ có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh thực hiện và việc cân bằng nợ nần của số tiền này mà Bản thanh toán sẽ có hiệu lực vào ngày đó.

14.13. Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng

Trong vòng 28 ngày sau khi nhận được báo cáo cuối cùng và Bản thanh toán hết nợ trên giấy tờ phù hợp với Khoản 14.12 [*Thanh toán hết nợ*], Chủ đầu tư sẽ gửi cho Nhà thầu, Chứng chỉ thanh toán cuối cùng nêu rõ:

- (a) số tiền thanh toán cuối cùng, và
- (b) sau khi trao tín dụng cho Chủ đầu tư đối với tất cả các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã ứng trước đó và tất cả số tiền mà Chủ đầu tư được hưởng, hoặc việc cân bằng nợ từ Chủ đầu tư sang Nhà thầu hoặc từ Nhà thầu sang Chủ đầu tư, tùy từng trường hợp

Nếu Nhà thầu không xin Chứng chỉ thanh toán cuối cùng theo Khoản 14.11 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Thanh toán hết nợ*], Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu làm điều đó. Nếu Nhà thầu không trình đơn xin trong vòng 28 ngày, Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng cho số tiền họ xác định đúng là phải thanh toán.

14.14. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thực hiện công việc, trừ phi Nhà thầu nêu cụ thể một số tiền dùng cho việc đó:

- (a) trong báo cáo cuối cùng và cũng.
- (b) (trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình) trong báo cáo khi hoàn thành được nêu trong Khoản 14.10 [*Báo cáo khi hoàn thành*]

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường hay trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý phạm hay tiến hành sai công việc do lơ là của Chủ đầu tư.

14.15. Loại tiền dùng để thanh toán

Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán bằng một loại tiền tệ hoặc nhiều loại tiền tệ được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ thầu. Trừ phi có các quy định khác trong các Điều kiện riêng nếu có hơn một loại tiền tệ được nêu, việc thanh toán sẽ được thể hiện như sau:

- (a) nếu số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng chỉ được tính bằng nội tệ khi:

- (i) Tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng nội tệ và ngoại tệ và tỷ lệ trao đổi ấn định được sử dụng để tính tiền thanh toán như đã nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ thầu, trừ phi có thoả thuận khác của cả hai bên;
 - (ii) việc thanh toán và chiết khấu theo Khoản 13.5 [*Tiền tạm ứng*] và Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do thay đổi luật pháp*] sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được áp dụng; và
 - (iii) việc thanh toán và chiết khấu khác trong phần (a) đến (d) của Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*] sẽ được tính bằng các tiền tệ và tỷ lệ được nêu rõ trong phần (a) (i) ở trên
- (b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ thầu được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu;
- (c) các thanh toán khác của Nhà thầu do Chủ đầu tư sẽ được tính bằng loại tiền tệ mà số tiền do Chủ đầu tư đã chi tiêu bằng loại tiền tệ đó hoặc bằng tiền tệ mà cả hai Bên có thể thoả thuận;
- (d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng loại tiền tệ riêng vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền tệ đó, Chủ đầu tư có thể thu lại phần cân đối của số tiền này từ các khoản tiền khác thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và
- (e) nếu không có tỷ giá trao đổi nào được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào Ngày Cơ sở và do Ngân hàng nước sở tại xác định.

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15.1. Thông báo sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa đổi tốt các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

15.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Hợp đồng*] hoặc với một thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo sửa chữa*],
- (b) bỏ dở công trình hoặc thể hiện ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng
- (c) không có lý do chính đáng mà lại không:
 - (i) tiếp tục công trình theo Điều 8 [*Khởi công, Chậm trễ và Tạm ngừng*], hoặc
 - (ii) tuân thủ thông báo đã được đưa ra theo Khoản 7.5 [*Từ chối*] hoặc Khoản 7.6 [*Công việc sửa chữa*] trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo,

- (d) cho thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thoả thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người được uỷ quyền hoặc người quản lý tài sản, hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này, hoặc
- (f) đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) dứt lốt, quà tặng hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng để mua chuộc:
 - (i) để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
 - (ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng để mua chuộc như được mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng một cách hợp pháp cho người của Nhà thầu sẽ không cho quyền chấm dứt Hợp đồng.

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng hoặc khác

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các hàng hoá cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng phụ, và (ii) bảo vệ cuộc sống và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ hàng hoá, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi và rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được tính cho Nhà thầu.

15.3. Xác định giá tại ngày chấm dứt

Ngay khi thông báo chấm dứt có hiệu lực theo Khoản 15.2 [Chấm dứt bởi Chủ đầu tư], Chủ đầu tư theo Khoản 3.3 [Quyết định] sẽ đồng ý hoặc xác định giá trị

của công trình, hàng hoá và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

15.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- (a) tiến hành theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]
- (b) không thanh toán thêm cho Nhà thầu nếu chi phí nhân công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu chưa được thiết lập, và/hoặc
- (c) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi để riêng ra một khoản nợ Nhà thầu theo Khoản 15.3 [*Xác định giá tại ngày chấm dứt*]. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiền cân đối cho Nhà thầu.

15.5. Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực 28 ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh Hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp cho để Nhà thầu khác thi công công trình hoặc để tránh chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu theo Điều khoản 16.2 [*Chấm dứt bởi Nhà thầu*]

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành theo Khoản 16.3 [*Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu*] và sẽ được thanh toán theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán và giải toả*].

15.6. Hành vi tham nhũng hoặc gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định Nhà thầu có hành động hối lộ, không trung thực, cấu kết, ép buộc, trong cạnh tranh hay trong thực hiện Hợp đồng, thì sau đó Chủ đầu tư có thể, sau 14 ngày thông báo đến Nhà thầu, chấm dứt công việc của Nhà thầu theo Hợp đồng và trục xuất ra khỏi Công trường, Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc trục xuất vậy được làm theo điều 15.2 [*Chấm dứt bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định có tham gia hối lộ, không trung thực hay có hành vi ép buộc trong khi thực hiện công việc thì người đó sẽ bị trục xuất theo điều khoản 6.9 [*Nhân sự của Nhà thầu*].

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

16.1. Quyền tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*] hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ phí và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng chỉ thanh toán, các

chứng từ hợp lý hoặc thanh toán, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Ngoại trừ những điều nêu trên, nếu Ngân hàng tri hoãn chi trả theo khoản vay và tín dụng để thanh toán cho Nhà thầu đang làm, một phần hay toàn bộ, để thực hiện Công trình, không có các nguồn tiền thay thế như Điều khoản 2.4 [Sắp xếp tài chính của Chủ đầu tư], Nhà thầu sẽ thông báo đình chỉ hay giảm tỉ lệ khối lượng công việc tại bất kỳ thời điểm nào, nhưng không ít hơn 7 ngày khi Bên vay nhận thông báo tri hoãn từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính theo Khoản 14.8 [Thanh toán bị chậm trễ] và để chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được Chứng chỉ thanh toán, chứng từ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi phù hợp thực tế.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] có quyền:

- (a) kéo dài thời gian vì lý do chậm trễ đó, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [Giới hạn thời gian hoàn thành], và
- (b) thanh toán cho chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định các vấn đề này theo Khoản 3.3 [Quyết định]

16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [Quyền của Nhà thầu tạm ngừng công việc] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư],
- (b) Chủ đầu tư không cấp Chứng chỉ thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được báo cáo và các tài liệu hỗ trợ
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán đúng theo Chứng chỉ thanh toán tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [Thanh toán] mà việc thanh toán phải được tiến hành trong thời gian đó (trừ việc chiết khấu theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư])
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng về cơ bản gây ảnh hưởng bất lợi đến cân bằng kinh tế của Nhà thầu một cách thiết yếu và/hoặc khả năng Nhà thầu thực hiện Hợp đồng
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [Thỏa thuận Hợp đồng] hoặc Khoản 1.7 [Nhượng lại],

- (f) việc tạm ngừng bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng tạm ngừng*], hoặc
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người quản lý tài sản, người được uỷ thác hoặc đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra (theo các Luật hiện hành) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư, chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của phần (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của bản thân mình, theo Hợp đồng hay không theo

16.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 15.5 [*Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư*], Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Khoản 19.6 [*Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán và giải toả*] đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

- (a) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.
- (b) chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và
- (c) di dời tất cả hàng hoá khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi công trường.

16.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

- (a) trả lại Bảo lãnh Hợp đồng cho Nhà thầu,
- (b) thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán và giải toả*], và
- (c) thanh toán cho Nhà thầu số tiền do mất mát về lợi nhuận hoặc mất mát hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt Hợp đồng này.

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

17.1. Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- (a) tổn hại thân thể, bệnh tật ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các hư hỏng, trừ phi có thể quy cho việc

cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ, và

(b) hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

(i) phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa hư hỏng,

(ii) được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu, hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại do Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến (1) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, và (2) các vấn đề mà trách nhiệm không thuộc bảo hiểm, như đã mô tả trong phần (d) (i), (ii) và (iii) của Khoản 18.3 [*Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản*]

17.2. Sự can thiệp của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình và hàng hoá từ Ngày khởi công cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu (hoặc coi như được phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình*]) cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm coi sóc Hạng mục được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng xảy ra cho công trình, hàng hoá hoặc tài liệu của Nhà thầu trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm coi sóc, do bất cứ lý do nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Những rủi ro của Chủ đầu tư*], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hoá và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành và do việc xảy ra trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

17.3. Rủi ro của Chủ đầu tư¹⁶

¹⁶ trích từ điều khoản 17.3 của EPC 1999

Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 17.4 [*Hậu quả rủi ro của Chủ đầu tư*] dưới đây là:

- (a) chiến tranh, thái độ thù địch (bất kể chiến tranh được tuyên bố hay không), xâm lược, hoạt động thù địch nước ngoài
- (b) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự, hoặc chiếm đoạt quyền lực, hoặc nội chiến,
- (c) nổi loạn, bạo động hay hỗn loạn trong nước sở tại do những người không phải là nhân viên của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra.
- (d) bom đạn của chiến tranh, chất nổ, ion hoá gây phóng xạ trong nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng phương tiện chiến tranh, chất nổ, phát xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ,
- (e) áp lực của các loại phóng xạ gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh

17.4. Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, hàng hoá hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa sự mất mát hay hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do sửa chữa những mất mát hay hư hỏng này Nhà thầu phải gửi một thông báo cho Chủ đầu tư và sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) kéo dài thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*] và
- (b) thanh toán mọi chi phí được tính trong Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] để nhất trí hay xác định các vấn đề này.

17.5. Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp¹⁷

Trong Khoản này, sự “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho xâm phạm) bất cứ một pa tăng; thiết kế đã đăng ký, quyền sao chụp, nhãn hiệu, mác thương mại, bí mật thương mại hay quyền sở hữu công nghiệp hoặc trí tuệ khác liên quan đến công trình; và “khiếu nại” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay kiện tụng đòi hỏi quyền lợi) cho thấy rằng bị xâm phạm.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 28 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là mất mọi quyền bồi thường theo Khoản này.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Nhà thầu đối với bất kỳ khiếu nại cho rằng bị xâm phạm, đó là hoặc đã là:

- (a) một kết quả không tránh khỏi của sự phục tùng của Nhà thầu đối với Các yêu cầu của Chủ đầu tư, hay

¹⁷ trích từ EPC 1999

(b) kết quả của việc công trình đang được sử dụng bởi Chủ đầu tư;

(i) vì một mục đích khác hơn là mục đích được chỉ ra bởi Nhà thầu hoặc được đưa vào một cách hợp lý trong hợp đồng hoặc

(ii) liên quan đến bất kỳ thứ gì không được cung cấp bởi Nhà thầu, trừ phi việc sử dụng như vậy được tiết lộ cho Nhà thầu trước Ngày khởi công hay được nêu trong Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ bồi thường và gánh chịu mọi tổn hại cho Chủ đầu tư đối với bất cứ khiếu nại nảy sinh hoặc liên quan đến (i) thiết kế, chế tạo, thi công hay thực hiện công trình, (ii) thiết bị của Nhà thầu, (iii) sử dụng đúng mục đích của Công trình.

Nếu một bên có quyền được đền bù theo khoản này, Bên bồi thường có thể (bằng chi phí của mình) tiến hành các cuộc đàm phán để giải quyết khiếu nại và bất cứ kiện tụng hay phân xử nào có thể nảy sinh từ đó. Bên khác sẽ, theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên đền bù, trừ phi Bên đền bù không thực hiện bất kỳ cuộc đàm phán, kiện tụng hay giải quyết tranh chấp khi được Bên kia yêu cầu.

17.6. Giới hạn về trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ công trình nào, mất mát về lợi nhuận, mất mát về bất kỳ Hợp đồng nào hay sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hay do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, ngoài những quy định trong Điều khoản 8.7 [Thiệt hại do chậm trễ]; Điều khoản 11.2 [Chi phí sửa chữa các sai sót]; Điều khoản 15.4 [Thanh toán sau khi chấm dứt]; Khoản 16.4 [Thanh toán khi chấm dứt công trình] và Khoản 17.1 [Bồi thường]; Điều khoản 17.4 (b) [Hậu quả do rủi ro của Chủ đầu tư] và Điều khoản 17.5 [Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Khoản 4.19 [Điện, nước và khí ga], Khoản 4.20 [Thiết bị của Chủ đầu tư và vật tư cấp không], Khoản 17.1 [Bồi thường] và Khoản 17.5 [Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ], phải không được vượt qua tổng số đã nêu trong Các Điều kiện riêng hay (nếu tổng số này không được nêu) Giá Hợp đồng được nêu trong thỏa thuận Hợp đồng.

Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liêm lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

17.7. Sử dụng chỗ ở /phương tiện của Chủ đầu tư

Nhà thầu sẽ chịu đầy đủ trách nhiệm về việc bảo quản chỗ ở và các tiện nghi Chủ đầu tư cung cấp, nếu có, được quy định trong Điều kiện cụ thể, từ ngày chuyển giao cho Nhà thầu đến khi chấp dứt công việc (việc chuyển giao hoặc chấm dứt công việc có thể thực hiện sau ngày nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu cho Công trình)

Nếu có mất mát và hư hại các vật dụng nêu trên trong thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản hay từ các nguyên nhân khác mà Chủ đầu tư phải gánh chịu, Nhà thầu sẽ, bằng chi phí riêng, sửa chữa hư hỏng mất mát cho đến khi Chủ đầu tư hài lòng.

18. BẢO HIỂM

18.1. Các yêu cầu chung về bảo hiểm

Trong Điều khoản này, đối với mỗi loại bảo hiểm “Bên bảo hiểm” có nghĩa là Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì bảo hiểm được quy định trong Khoản liên quan.

Khi Nhà thầu là Bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản mục được Chủ đầu tư duyệt. Các khoản mục này phải tương thích với các khoản mục được cả hai Bên thoả thuận trước ngày có Thư chấp thuận. Thoả thuận về các khoản mục này phải được quyền ưu tiên đứng trước các quy định của Điều này.

Nếu yêu cầu phải bồi thường cho đối tượng bảo hiểm chung, thì việc bồi thường phải được áp dụng riêng cho mỗi đối tượng bảo hiểm như thể một Hợp đồng bảo hiểm riêng biệt đã được phát hành cho mỗi đối tượng được bổ sung vào bảo hiểm chung về danh nghĩa là đối tượng bảo hiểm được quy định trong Điều này, (i) Nhà thầu phải theo Hợp đồng đại diện cho đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung này ngoại trừ việc Chủ đầu tư đại diện cho các nhân viên của mình, (ii) đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung sẽ không có quyền nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà bảo hiểm hoặc có bất kỳ quan hệ trực tiếp nào với nhà bảo hiểm, và (iii) Bên bảo hiểm phải yêu cầu mọi đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Mỗi Hợp đồng bảo hiểm cho sự mất mát hay thiệt hại sẽ thanh toán bằng các loại tiền tệ được yêu cầu để bù đắp mất mát và thiệt hại. Các khoản thanh toán được nhận từ nhà Bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp mất mát hay thiệt hại.

Bên Bảo hiểm liên quan, trong các khoảng thời gian riêng được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu (được tính toán từ ngày khởi công) phải nộp cho bên kia:

- (a) bằng chứng về việc những bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã được thực hiện, và
- (b) các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*] và Khoản 18.3 [*Bảo hiểm Thiệt hại cho người và bất động sản*]

Khi tiền đóng bảo hiểm đã được thanh toán, Bên bảo hiểm phải nộp chứng từ thanh toán cho Bên kia. Một khi chứng từ hay Hợp đồng bảo hiểm được nộp, Bên bảo hiểm cũng phải thông báo cho Chủ đầu tư.

Mỗi bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện quy định trong mỗi Hợp đồng bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thông báo các thông tin liên quan đến các thay đổi trong thực hiện thi công công trình cho Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Không bên nào được thay đổi tài liệu đối với các khoản mục bảo hiểm mà không có thoả thuận trước của Bên kia. Nếu một Nhà bảo hiểm thay đổi (hay dự tính) thay đổi, thì Bên được Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Nếu bên bảo hiểm không thực hiện và đảm bảo hiệu lực bảo hiểm như yêu cầu thực hiện và đảm bảo theo Hợp đồng, hoặc không cung cấp chứng cứ đầy đủ và

các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm đầy đủ phù hợp với Khoản này, Bên kia có thể (theo sự lựa chọn của mình và không gây tổn hại cho bất cứ quyền lợi hay biện pháp đền bù khác) thực hiện bảo hiểm cho sự cố liên quan và trả tiền đóng bảo hiểm thích đáng. Bên bảo hiểm sẽ thanh toán các khoản tiền đóng bảo hiểm này cho bên kia và Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Khoản này không giới hạn nghĩa vụ, pháp lý hoặc trách nhiệm của Nhà thầu hay Chủ đầu tư theo các điều khoản khác của Hợp đồng hay các khoản mục khác. Mọi khoản không được bảo hiểm hay không được bồi thường bởi nhà bảo hiểm phải do Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư chịu theo các nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm. Tuy nhiên, nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và không đảm bảo hiệu lực mỗi bảo hiểm hiện có mà nó yêu cầu thực hiện Bảo hiểm cho đền bù liên quan đến sai phạm này, thì mọi khoản tiền lẽ ra đã được hoàn trả theo bảo hiểm này phải được Bên bảo hiểm trả.

Các thanh toán bởi một Bên cho Bên khác sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hay Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để áp dụng.

Nhà thầu sẽ có quyền thay thế tất cả các Bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng (bao gồm và không giới hạn bảo hiểm được nêu trong Điều khoản 18) với các nhà bảo hiểm từ bất kỳ nước nào hợp lệ.

18.2. Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu

Bên Bảo hiểm phải bảo hiểm cho công trình, máy móc thiết bị, vật tư và tài liệu của Nhà thầu không thấp hơn toàn bộ chi phí phục hồi bao gồm cả các chi phí phá dỡ, di dời chất thải xây dựng và các phí nghiệp vụ và lợi nhuận. Bảo hiểm này sẽ có hiệu lực từ ngày chứng từ được nộp theo phần (a) của Khoản 18.1 [*Yêu cầu chung đối với bảo hiểm*], tới ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Bên bảo hiểm phải duy trì bảo hiểm này để cung cấp bảo hiểm cho đến ngày phát hành Chứng nhận thực hiện, cho mất mát hay hư hỏng mà Nhà thầu chịu trách nhiệm xuất phát từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, và cho mất mát hay hư hỏng gây nên bởi Nhà thầu trong quá trình hoạt động khác [bao gồm những mất mát hay hư hỏng theo Điều 11 [*Trách nhiệm về các sai sót*] và Điều khoản 12.2 [*Thử nghiệm sau khi hoàn thành*].

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho các thiết bị của Nhà thầu không ít hơn toàn bộ giá trị thay thế, bao gồm cả vận chuyển đến công trình. Đối với mỗi hạng mục thiết bị của Nhà thầu, bảo hiểm phải có hiệu lực trong khi thiết bị đang được vận chuyển đến công trình và cho đến khi nó không còn cần thiết như là thiết bị của Nhà thầu nữa.

Trừ phi có quy định khác trong Các Điều kiện riêng, các bảo hiểm theo Khoản này:

(a) phải được thực hiện và duy trì bởi Nhà thầu như Bên bảo hiểm.

(b) phải đứng tên chung của các Bên, mà họ có quyền cùng nhận các khoản thanh toán từ các Nhà bảo hiểm, các khoản thanh toán đang giữ hoặc phân bổ cho Bên thực sự chịu chi phí bù đắp mất mát hay thiệt hại.

- (c) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại do bất cứ nguyên nhân nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*].
- (d) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại cho một phần của công trình được quy cho việc sử dụng hay chiếm giữ bởi Chủ đầu tư đối với phần khác của công trình, và mất mát hay thiệt hại từ những rủi ro được liệt kê trong phần (c), (g) và (h) của Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*], loại trừ (trong mỗi trường hợp) những rủi ro mà không thể bảo hiểm được với các khoản mục hợp lý về mất thương mại, với sự chiết khấu cho từng sự cố không lớn hơn khoản được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu (nếu khoản này không được nêu, phần (d) sẽ không được áp dụng) và
- (e) tuy nhiên có thể loại trừ mất mát hay thiệt hại và sự phục hồi của:
 - (i) một phần của các công trình ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề (nhưng đền bù sẽ gồm các phần khác bị mất mát hay thiệt hại như là kết quả trực tiếp của điều kiện bị khuyết tật này và không giống như được miêu tả trong phần (ii) dưới đây)
 - (ii) một phần của các công trình bị mất mát hay thiệt hại nhằm phục hồi một phần khác của các công trình nếu phần kia ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề.
 - (iii) một phần của các công trình được bàn giao cho Chủ đầu tư, loại trừ Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý vì mất mát hay thiệt hại, và
 - (iv) các hàng hoá không có trong nước; theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và vật tư dự định dùng cho các công trình*]

Nếu quá một năm sau ngày khởi công, sự bồi thường được mô tả trong phần (d) trên đây không còn là các khoản mục hợp lý có tính thương mại, Nhà thầu phải (với tư cách là Bên bảo hiểm) thông báo cho Chủ đầu tư với các chi tiết hỗ trợ. Chủ đầu tư sau đó (i) sẽ có quyền theo Khoản 2.5 [*Các khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán một khoản tương đương các khoản mục hợp lý có tính thương mại như Nhà thầu muốn được trả một khoản bồi thường như vậy, mà (ii) được coi như, trừ phi họ có được bồi thường ở các khoản mục hợp lý có tính thương mại, đã thông qua sự bỏ sót theo Khoản 18.1 [*Các yêu cầu chung cho bảo hiểm*]

18.3. Bảo hiểm thương tổn cho người và thiệt hại về tài sản

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên về bất kỳ sự mất mát hay hư hỏng, tử vong hay tổn hại thân thể có thể xảy ra đối với mọi tài sản vật chất (ngoại trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*] hoặc đối với người (trừ những người được bảo hiểm theo Khoản 18.4 [*Bảo hiểm cho các nhân viên của Nhà thầu*], có thể xảy ra do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận thực hiện.

Bảo hiểm này phải giới hạn cho mỗi sự cố không ít hơn số tiền được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, không giới hạn số lượng sự cố. Nếu số tiền không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, thì khoản này sẽ không áp dụng.

Ngoại trừ có quy định khác trong các Điều kiện riêng, các bảo hiểm được nêu rõ trong Khoản này:

- (a) phải có hiệu lực và được duy trì bởi Nhà thầu với tư cách là Bên bảo hiểm
- (b) phải có các tên chung của các Bên
- (c) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho mọi mất mát hay hư hỏng về tài sản của Chủ đầu tư (trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2) nảy sinh do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (d) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm pháp lý trong phạm vi phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư có các công trình vĩnh cửu được thi công từ phía trên, bên dưới, trong hoặc xuyên qua bất kỳ vùng đất nào, chiếm giữ vùng đất này cho các công trình vĩnh cửu.
 - (ii) sự hư hỏng là kết quả không tránh khỏi của các trách nhiệm của Nhà thầu trong thi công các công trình và sửa chữa mọi khuyết tật, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*], ngoại trừ việc có khoản bồi thường cho các khoản mục hợp lý tính thương mại.

18.4. Bảo hiểm nhân lực Nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện và duy trì bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại hư hỏng, các mất mát và chi phí (bao gồm các phí pháp lý và các chi phí do thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ nhân viên nào khác của Nhà thầu.

Chủ đầu tư cũng phải được bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm cho các khiếu nại hư hỏng, các mất mát và chi phí (bao gồm các phí pháp lý và các chi phí do thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ nhân viên nào khác của Nhà thầu. ngoại trừ việc bảo hiểm này có thể không gồm các khiếu nại, mất mát, và phát sinh từ một hành vi hay sự bất cẩn của Chủ đầu tư hay các nhân viên của Chủ đầu tư.

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này giúp thi công công trình. Đối với các nhân công của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với việc tuân thủ theo Điều này.

19. BẤT KHẢ KHÁNG

19.1. Định nghĩa về bất khả kháng

Trong Điều này, “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- (a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên
- (b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng
- (c) đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và
- (d) thực chất không thể quy cho bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (b) ở trên:

- (i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài
- (ii) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính quân sự hoặc nội chiến,
- (iii) nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây bởi những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.
- (iv) vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ và
- (v) các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.

19.2. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng (hoặc lẽ ra đã nhận biết được) về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

19.3. Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất

Mỗi Bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để giảm sự chậm trễ đến mức thấp nhất trong việc thực hiện Hợp đồng do bất khả kháng.

Một Bên phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.

19.4. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 19.2 [Thông báo về tình trạng bất khả kháng], và chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu]:

- (a) kéo dài thời gian do sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [Kéo dài thời gian hoàn thành], và
- (b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần (i) tới (iv) của Khoản 19.1 [Định nghĩa bất khả kháng] và, trong trường hợp từ phần (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các chi phí này bao gồm chi phí sửa

chữa hay thay thế Công trình và/ hoặc hàng hóa hư hại hay bị phá hủy do Bất khả kháng, đối với phạm vi chúng không được bồi thường thông qua chính sách bảo hiểm này thì tham khảo điều 18.2 [Bảo hiểm Công trình và thiết bị của Nhà thầu].

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Khoản 3.3 [Quyết định] để nhất trí hay xác định các vấn đề.

19.5. Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hay theo thoả thuận liên quan đến các công trình làm giảm nhẹ tình trạng bất khả kháng bằng các khoản bổ sung hay rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự kiện hoặc tình trạng bất khả kháng bổ sung hoặc rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu khỏi phải thực hiện hoặc cho phép họ được giảm nhẹ theo Điều này.

19.6. Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và giải tỏa

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 84 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 19.2 [Thông báo bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 140 ngày do cùng một bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu].

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư phải xác định giá trị công việc đã được thực hiện và cấp một Chứng chỉ thanh toán bao gồm:

- (a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- (b) chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;
- (c) mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý với hy vọng hoàn thành công trình.
- (d) chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và
- (e) chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

19.7 Nghĩa vụ thực hiện theo luật định

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của họ hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của bên này cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

- (a) các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước, và
- (b) tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Khoản 19.6 [Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và giải toả] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt theo Khoản 19.6.

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

20.1 Khiếu nại của Nhà thầu.

Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất kỳ sự kéo dài thời gian hoàn thành và/hoặc bất cứ sự thanh toán thêm theo bất kỳ Điều khoản nào của các Điều kiện này hoặc là có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư mô tả sự việc hay trường hợp dẫn tới việc phát sinh khiếu nại. Thông báo phải được đưa ra ngay và không được quá 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã ý thức được sự việc hoặc trường hợp.

Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại trong vòng 28 ngày thì thời gian hoàn thành sẽ không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề khiếu nại. Hoặc là sẽ áp dụng những quy định sau đây của khoản này.

Nhà thầu cũng phải trình các thông báo khác theo Hợp đồng yêu cầu và các chi tiết hỗ trợ cho việc khiếu nại, tất cả đều có liên quan tới việc hoặc trường hợp này.

Nhà thầu phải giữ các bản hồ sơ hiện có ở tại công trường hoặc ở một nơi mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận vì có thể sẽ cần thiết để minh chứng cho khiếu nại. Với việc không thừa nhận trách nhiệm của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể sau khi nhận được bất cứ một thông báo nào theo Khoản này, phải giám sát việc lưu giữ các hồ sơ và/hoặc hướng dẫn Nhà thầu tiếp tục lưu giữ lâu hơn các hồ sơ hiện có. Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư kiểm tra tất cả các hồ sơ này, và phải nộp các bản sao (nếu được yêu cầu) cho Chủ đầu tư.

Trong thời gian 42 ngày sau khi Nhà thầu nhận biết được (hoặc lẽ ra đã phải ý thức được), về sự việc hoặc trường hợp đưa đến khiếu nại, hoặc là trong khoảng thời gian khác tương tự mà có thể được Nhà thầu đưa ra và được Chủ đầu tư phê duyệt, Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư một bản khiếu nại có đầy đủ chi tiết bao gồm đầy đủ chi tiết hỗ trợ về cơ sở của việc khiếu nại và của yêu cầu kéo dài thời gian và/hoặc thanh toán thêm. Nếu sự việc hoặc trường hợp dẫn đến khiếu nại vẫn tiếp tục có hiệu lực thì:

- (a) Khiếu nại này với các chi tiết đầy đủ sẽ được xem xét như là tạm thời;
- (b) Nhà thầu phải gửi tiếp các khiếu nại tạm thời hàng tháng cho thấy sự chậm trễ tích lại và/hoặc khoản tiền mà khiếu nại yêu cầu và những chi tiết cụ thể mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu; và
- (c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong vòng 28 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà thầu đề xuất và được Chủ đầu tư đồng ý.

Trong vòng 42 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Chủ đầu tư đề xuất và Nhà thầu chấp nhận, Chủ đầu tư phải trả lời với sự tán thành hay không

tán thành và các nhận xét chi tiết. Họ cũng có thể yêu cầu thêm bất cứ chi tiết cần thiết nào nhưng tuy nhiên phải được trả lời trên các nguyên tắc của vụ khiếu nại trong khoảng thời gian được xác định ở trên.

Mỗi chứng chỉ thanh toán phải bao gồm các khoản tiền khiếu nại như đã được chứng minh hợp lý đúng với các điều khoản liên quan của Hợp đồng. Ngoại trừ việc cho đến khi các chi tiết được cung cấp đầy đủ để chứng minh toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được quyền thanh toán cho phần của khiếu nại mà đã có thể chứng minh được.

Trong vòng 42 ngày quy định trên, Chủ đầu tư sẽ phải tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc xác định (i) kéo dài (nếu có) thời gian hoàn thành (trước hoặc sau hạn định) theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành] và/ hoặc (ii) thanh toán thêm (nếu có) mà Nhà thầu được quyền theo Hợp đồng.

Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho các yêu cầu của mọi khoản khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến khiếu nại, thì bất cứ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/hoặc khoản thanh toán thêm sẽ phải được xét đến mức độ (nếu có) mà sự không tuân thủ này đã cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến việc điều tra khiếu nại, trừ phi khiếu nại không nằm trong đoạn thứ hai của Khoản này.

20.2 Việc cử Ban xử lý tranh chấp

Các tranh chấp phải được chuyển đến Ban xử lý tranh chấp giải quyết để quyết định theo Khoản 20.4 [Khi có quyết định của Ban xử lý tranh chấp]. Các bên sẽ cùng chỉ định ra Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn được nêu trong Tài liệu Hợp đồng.

Ban xử lý tranh chấp gồm, như quy định trong Tài liệu Hợp đồng, một hoặc ba người có trình độ phù hợp ("những thành viên"), mỗi người trong số họ phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp như được quy định trong Hợp đồng và phải là một chuyên gia có kinh nghiệm về loại hình xây dựng đã tham gia vào Công trình và việc diễn giải các tài liệu Hợp đồng. Nếu số lượng thành viên không được quy định như vậy và các Bên không thống nhất khác, thì Ban xử lý tranh chấp sẽ gồm ba người.

Nếu các bên không cùng chỉ định Ban xử lý tranh chấp (gọi tắt là "Ban DB") trong vòng 21 ngày trước ngày được nêu trong Tài liệu Hợp đồng và Ban xử lý tranh chấp bao gồm ba người, thì mỗi Bên sẽ cử một thành viên để cho Bên kia chấp thuận. Các Bên sẽ lấy ý kiến của hai thành viên này và sẽ thoả thuận về thành viên thứ ba, người sẽ được chỉ định làm Chủ tịch.

Tuy nhiên, nếu danh sách các thành viên tiềm năng được thống nhất giữa các Bên, và được nêu trong Hợp đồng, các thành viên sẽ được chọn từ những người trong danh sách này, ngoại trừ bất cứ ai không có khả năng hay sẵn lòng chấp nhận được bổ nhiệm trong Ban khiếu nại.

Sự thống nhất giữa các Bên và hoặc thành viên duy nhất hoặc là mỗi một trong ba thành viên sẽ được kết hợp chặt chẽ bằng việc tham khảo các Điều kiện chung của Thoả thuận xử lý tranh chấp được nêu trong Phụ lục của các Điều kiện chung, với các sửa đổi được thống nhất giữa các thành viên.

Về khoản thù lao cho thành viên duy nhất hoặc của mỗi một trong ba thành viên bao gồm cả khoản thù lao của chuyên gia mà Ban xử lý tranh chấp hỏi ý kiến, sẽ

được các Bên thống nhất khi thoả thuận. Mỗi bên sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa khoản thù lao này.

Nếu một thành viên từ chối đảm nhận hoặc không thể đảm nhận bởi nguyên nhân từ vong, không có năng lực, từ chức hoặc kết thúc nhiệm kỳ, thì việc thay thế phải được chỉ định theo cách tương tự khi người thay thế theo yêu cầu đã được chỉ định hoặc thoả thuận như đã mô tả trong khoản này.

Việc chỉ định bất cứ thành viên nào có thể được kết thúc bằng sự nhất trí của cả hai Bên, nhưng không được bởi Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tự ý hành động. Mặt khác, trừ phi có sự đồng ý của cả hai Bên, việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp (gồm mỗi thành viên) sẽ hết hiệu lực khi việc hoàn thành nhiệm vụ được nêu trong Khoản 14.12 [*Hoàn thành nhiệm vụ*] có hiệu lực.

20.3 Không thoả thuận về thành phần của Ban xử lý tranh chấp

Nếu áp dụng bất kỳ điều kiện nào dưới đây:

- (a) Các Bên không nhất trí trong việc chỉ định thành viên duy nhất của Ban xử lý tranh chấp vào t hời hạn được nêu trong đoạn đầu của Khoản 20.2 [*Chỉ định Ban xử lý tranh chấp*],
- (b) Một trong hai Bên không đề cử được thành viên (để bên kia chấp thuận) hoặc không chấp thuận thành viên do Bên kia đề cử cho Ban xử lý tranh chấp gồm ba người vào thời hạn đó.
- (c) Các Bên không thống nhất việc chỉ định thành viên thứ ba (để giữ vai trò Chủ tịch) của Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn đó, hoặc
- (d) Các Bên không thống nhất việc chỉ định một người thay thế trong vòng 42 ngày sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc do từ vong, không đủ khả năng, từ chức hoặc hết nhiệm kỳ,

mà sau đó cơ quan chỉ định hoặc viên chức có tên trong Tài liệu Hợp đồng, dựa trên yêu cầu của một Bên hoặc cả hai Bên và sau khi trao đổi thoả đáng với hai Bên, sẽ chỉ định thành viên vào Ban xử lý tranh chấp. Việc chỉ định này sẽ là kết luận cuối cùng. Mỗi Bên phải có trách nhiệm trả một nửa tiền thù lao cho cơ quan hoặc viên chức được quyền chỉ định này.

20.4 Quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu một tranh chấp (bất cứ loại nào) xảy ra giữa các Bên liên quan đến, hoặc phát sinh từ Hợp đồng hoặc thi công công trình, thì mỗi bên có thể đề đạt tranh chấp bằng văn bản cho Ban xử lý tranh chấp để ra quyết định, có gửi các bản sao cho Bên kia. Các ý kiến này phải được nêu rõ là chúng được thực hiện theo Khoản này.

Đối với Ban xử lý tranh chấp có ba người thì Ban xử lý tranh chấp sẽ được coi như đã nhận các ý kiến này vào ngày Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp cũng nhận được.

Hai Bên phải ngay lập tức có đủ mọi thông tin cho Ban xử lý tranh chấp, tạo điều kiện tiếp cận công trường và các phương tiện phù hợp mà Ban xử lý tranh chấp có thể yêu cầu cho mục đích đưa ra quyết định cho việc tranh chấp, Ban xử lý tranh chấp phải được coi là không hành động như các trọng tài.

Trong thời gian 84 ngày sau khi nhận được các ý kiến như vậy, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Ban xử lý tranh chấp đề xuất và được hai Bên chấp

thuận, Ban xử lý tranh chấp phải đưa ra quyết định của mình, những quyết định này phải hợp lý và phải được công bố rằng nó phù hợp với Khoản này. Quyết định sẽ ràng buộc hai Bên, phải thực hiện ngay lập tức quyết định trừ phi và cho đến khi được xem xét lại theo sự hoà giải hoặc một quyết định trọng tài phân xử như được mô tả dưới đây. Trừ phi Hợp đồng đã bị chấm dứt, bị khước từ hoặc huỷ bỏ, Nhà thầu phải tiếp tục thực hiện công trình theo Hợp đồng.

Nếu một Bên không thoả mãn với quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì Bên đó trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định, có thể thông báo cho Bên kia về việc chưa thoả mãn của mình và có ý định bắt đầu việc trọng tài phân xử. Nếu Ban xử lý tranh chấp không đưa ra quyết định trong vòng 84 ngày (hoặc thời gian khác được chấp nhận) sau khi nhận được hồ sơ như vậy thì trong vòng 28 ngày sau thời hạn này, Bên này có thể thông báo cho Bên kia về việc chưa thoả mãn của mình và có ý định bắt đầu việc trọng tài phân xử.

Trong mỗi sự kiện, thông báo về việc chưa thoả mãn này phải công bố là nó phù hợp với Khoản này, và trình bày những vấn đề về tranh chấp và những lý do chưa thoả mãn. Ngoại trừ những quy định trong Khoản 20.7 [*Trường hợp không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và 20.8 [*Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp*], không Bên nào được quyền khởi sự phân xử tranh chấp trừ phi một thông báo về việc chưa thoả mãn đã được đưa ra theo khoản này.

Nếu Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định của mình về một vấn đề tranh chấp cho hai Bên, và không có thông báo việc chưa thoả mãn do các Bên đưa ra trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì quyết định sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai bên.

20.5 Hoà giải

Khi thông báo về việc chưa thoả mãn được đưa ra theo Khoản 20.4 ở trên, các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hoà giải trước khi khởi kiện. Tuy nhiên, trừ phi các Bên thoả thuận khác, việc trọng tài phân xử có thể tiến hành vào hoặc sau ngày thứ 56 sau ngày thông báo việc không thoả mãn và có ý định bắt đầu trọng tài phân xử được đưa ra, thậm chí đã không có một cố gắng hoà giải nào.

20.6 Trọng tài phân xử

Trừ phi được quy định khác trong Điều kiện cụ thể, bất kỳ tranh chấp được giải quyết bằng hoà giải, còn bất cứ tranh chấp nào liên quan đến quyết định của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) chưa phải là cuối cùng và ràng buộc đều phải được giải quyết bởi trọng tài. Ngoại trừ có những thoả thuận khác bởi hai Bên:

- (a) Các thủ tục phân xử phải được thực hiện như đã nêu trong các Điều kiện cụ thể. Đối với các Nhà thầu nước ngoài, trọng tài quốc tế với việc khởi tố quản lý bởi hội, sở được chỉ định trong Dữ liệu hợp đồng được hướng dẫn theo luật trọng tài tại hội, sở chỉ định, nếu có, hoặc theo luật trọng tài UNCILTRAL tại hội sở chỉ định.
- (b) Nếu không có các thủ tục được nêu như vậy, thì tranh chấp cuối cùng phải được giải quyết bởi trọng tài phân xử theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế. địa điểm của trọng tài sẽ là các thành phố có văn phòng chính của Hội, sở trọng tài được chỉ định
- (c) Việc phân xử của trọng tài phải được thực hiện bằng ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

- (d) đối với các hợp đồng trong nước, trọng tài với việc khởi tố được tiến hành theo luật của nước Chủ đầu tư

Các trọng tài sẽ có toàn quyền được mở, xem xét duyệt lại mọi chứng chỉ, xác định, hướng dẫn, các ý kiến hoặc đánh giá của Chủ đầu tư và mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp liên quan đến tranh chấp. Sẽ không gì làm cản trở việc Chủ đầu tư được gọi ra làm chứng và đưa ra các chứng cứ trước các trọng tài về bất kỳ vấn đề gì có liên quan đến tranh chấp. Không điều gì truất quyền đại diện các Bên được gọi như là nhân chứng và đưa ra trước các chứng minh cho trọng tài về các bất kỳ vấn đề liên quan đến khiếu kiện.

Sẽ không Bên nào bị hạn chế trong việc đưa ra trước các trọng tài những bằng chứng hay luận cứ trước đây đã được trình tại Ban xử lý tranh chấp để có quyết định của họ hoặc những lý do không thoả mãn được nêu ra trong thông báo việc không thoả mãn. Mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp phải được chấp nhận làm bằng chứng trong phân xử trọng tài.

Việc trọng tài phân xử có thể được bắt đầu trước hoặc sau khi hoàn thành công trình. Trách nhiệm của các Bên và Ban xử lý tranh chấp sẽ không bị thay đổi bởi bất kỳ lý do nào gây ra bởi việc phân xử trọng tài được diễn ra trong quá trình thực hiện công trình.

20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Trong trường hợp một bên không tuân thủ quyết định của Ban DB khi đã là cuối cùng và ràng buộc, thì Bên kia có thể, trong khi không làm tổn hại đến các quyền lợi khác có thể có, tự đưa việc không tuân thủ này lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*]. Khoản 20.4 [*Khi có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hoà giải*] sẽ không được áp dụng cho việc này.

20.8 Hết hạn việc chỉ định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu tranh chấp xảy ra giữa các bên liên quan đến hoặc phát sinh ngoài Hợp đồng hoặc việc thực hiện công trình và không có Ban xử lý tranh chấp tại chỗ, hoặc do bởi hết hạn chỉ định Ban DB hay lý do khác thì:

- (a) Khoản 20.4 [*Khi có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hoà giải*] sẽ không áp dụng và
- (b) Tranh chấp có thể được trực tiếp đưa lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*].